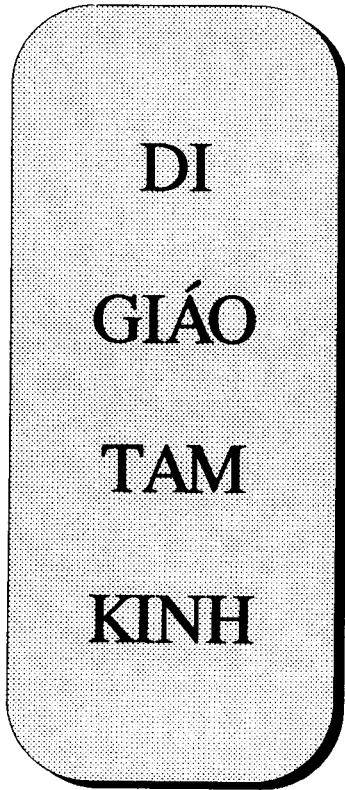


MINH-CỔ NGÔ NGÃU ÍCH THÍCH TRÍ HỨC THUẬT



LIÊN HẠNH TỶ KHEO THÍCH THIỆN HUỆ
DỊCH VÀ CHÚ THÍCH.

MỤC LỤC

LỜI TỰA	1
NGÃU ÍCH ĐẠI SỨ TRUYỆN.....	3
KINH TỬ THẬP NHỊ CHƯƠNG.....	19
BẢNH TẾ THANH LƯỢC TRUYỆN.....	119
KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC	123
AN THẾ CAO LƯỢC TRUYỆN.....	135
KINH DI GIÁO.....	141
LỜI BẠT.....	211
CUU MA LA THẬP LƯỢC TRUYỆN	214

Lời Tựa

Phàm Thích Ca Như Lai, một đời thuyết pháp, ba tạng giáo điển, dù Đại hay Tiểu, dấu Đốn hoặc Tiệm, cũng không ngoài mục đích giải thoát. Như câu Phật ngôn ví như nước biển, chỉ duy có vị mặn, đạo ta cũng vậy, chỉ duy có vị giải thoát. Nếu không các khổ, ắt không có giải thoát. Thế nên giải thoát, là giải thoát ra khỏi mọi buộc ràng của phiền não nhiễm trước.

Đức Phật từ bi rất mực, niệm niệm quán sát, tùy cơ thuyết giáo, lập mọi phương tiện, đưa chúng sinh khỏi biển phiền não, thức hữu tình tỉnh giác mộng vô minh. Di Giáo Tam Kinh không rời ý chỉ tự giác giác tha, lợi mình lợi người này, bao gồm các giáo nghĩa căn bản, đối trị tà nghiệp, phiền não, khổ ; qua từng lời Phật ngôn, mà Liên Tông Cửu Tổ Ngẫu Ích Đại sư đã phải cảm xúc, cho rằng mỗi chữ đều là huyết lệ. Di Giáo Kinh còn là những lời dạy cuối cùng của Từ phụ, dặn dò và mong mỗi chúng ta thực hiện, được coi là nền

tặng cho người tu học Phật. Không qua cửa này, không sao chân chính tu học Phật, bàn chi đến việc thành Phật làm Tổ. Nên Di Giáo không hành, thì dẫu có nói được Thập nhị phần giáo, hay Thiên Thất Bách chuyển ngữ vẫn chỉ là chuyện bơ vơ bên bờ sinh tử. Vì vậy, đối với hàng chỉ thích đàm huyền nói lý, bỏ quên ý chỉ Di Giáo, khác nào chẳng màng nền móng, chỉ mong dựng lầu nơi chốn hư không. Thành thử, Ô Sào Thiên sư chẳng ngần ngại giải bày đại ý Phật pháp chính là "*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ tâm, thị chư Phật giáo*". Hay thay ! Chính vì lẽ ấy, học đạo nhân Bàn Tế Thanh cũng chẳng đã bảo rằng : ý chỉ vô trụ của Kim Cương, pháp môn Bát Nhị của Duy Ma, cũng không qua kinh này. Lời đó chẳng phải ngoa, khác nào Phật ngôn : "*Thí như ăn mật, giữa hay hai bên đều ngọt, kinh ta cũng vậy*". Như vậy, hàng học đạo sao dám sơ hốt Di Giáo tam kinh, mà không khởi tâm trân trọng !

Nguyện cho mười phương chúng sinh đều trọn thành Phật đạo.

Thích Thiện Huệ.

Paris 17.03.1991

NGÃU ÍCH ĐẠI SƯ (1599-1655)

Ngài họ Chung, tên Tế Minh, tự Chấn Chi, người Ngô huyện, tỉnh Giang Tô. Phụ thân trì Đại Bi chú hơn mười năm, mộng thấy Quán Âm Bồ Tát trao cho đứa bé, sau đó thì Ngài xuất sinh. Lên bảy tuổi chỉ dùng chay, mười hai tuổi học sách Thánh hiền, sinh dạ cảm khái, quyết gánh việc Thánh, thề diệt Thích Lão, bỏ không trai giới, viết hơn mười thiên luận, bài xích dị đoan, đêm mộng thấy cùng thầy Khổng, thầy Nhan đàm đạo. Mười bảy tuổi, nhờ đọc Tụ Tri Lục và Trúc Song Tỳ Bút của Liên Trì Đại Sư, biết được lỗi lầm báng Phật thườ trước, ăn năn sám hối, đốt sạch các bài Tỳ Phật Luận kia. Năm hai mươi tuổi, khi chú thích Luận Ngũ, đến câu "thiên hạ quy nhân", không sao viết tiếp, quên ăn bỏ ngủ suốt ba ngày đêm, ngộ được tâm pháp của Khổng Nhan. Mùa Đông năm đó tang cha, do nghe

kinh Địa Tạng Bốn Nguyên, phát tâm xuất thế, từ đó chuyên chí niệm Phật. Hai mươi ba tuổi nghe giảng kinh Lăng Nghiêm, đến câu "*Thế giới tại Không, Không sinh Đại Giác*", sinh dạ hoài nghi, do đâu có Đại Giác này, tại sao sinh khởi hư không và thế giới ? Rồi thì trong lòng mê muội không rõ, lại thêm các chương ngại hôn trầm tán loạn, công phu không sao thành tựu, do đó quyết ý xuất gia, để thể sát tham cứu đại sự này.

Năm hai mươi bốn tuổi, một đêm mộng thấy tham báỉ Hám Sơn Đại sư, ngưỡng mộ Đại sư đức hạnh, giận mình thiếu duyên, nước mắt đầm đìa. Hám Sơn an ủi : "*Đó là khổ quả, nên biết khổ nhân*". Lời nói chưa dứt, Ngài liền ứng khẩu đáp lời : "*Đệ tử chỉ cầu tối thượng thừa, không cầu tiểu thừa Tứ Đế pháp*". Hám Sơn ngợi khen : "*Mừng thay, cư sĩ có chí hướng thượng, thực rất khó được, tương lai dẫu không được cao diệu như Hoàng Bá, Lâm Tế, cũng siêu ngộ như Nham Đầu, Đức Sơn*" (Cao tăng đời Đường, nổi danh "*Hét của Lâm Tế, gậy của Đức Sơn*"). Ngài vừa định hỏi, thì chợt tỉnh giấc, hóa ra chỉ là một cơn mộng huyền, rồi thì liên tục ba lần mộng thấy Hám Sơn. Lúc đó, Hám Sơn Đại sư ở tại Tào Khê xa xôi, Ngài không thể tìm đến, nên xuất gia nơi Tuyết Lãnh là đệ tử của Hám Sơn, được đặt pháp danh là Trí Húc.

Giữa hạ thu năm đó, ngài nghe Cổ Đức Pháp sư giảng Duy Thức Luận tại chùa Vân Thê, vừa nghe xong liền hiểu rõ áo chỉ của Pháp Tướng, song dạ không khỏi sinh nghi : "Phật lý vốn viên dung, áo chỉ của Pháp Tướng có mâu thuẫn với tông chỉ Lăng Nghiêm không ?". Nên liền đứng dậy hỏi. Cổ Đức đáp : "Hai tông tính tướng, không thể hòa hội". Ngài nghe nói xong, càng láy làm lạ : "Chả lẽ chân đế của Phật đạo lại có thể chia bầy làm hai sao ?".

Thế rồi liền đến Kinh Sơn (Tây Bắc Hàng Châu) tọa thiền. Mùa hè năm sau, nhờ tinh cần tu trì, khẩn thiết gia công, bỗng nhiên thân tâm thế giới thấy đều tiêu mất, nhờ vậy Ngài hiểu rõ thân do chúng duyên hòa hợp này, từ vô thủy đến nay, chỗ này xuất sinh, chỗ kia tận diệt. Còn bản thân vọng tưởng này, ảnh hưởng sáu trần, sát na niệm niệm không dừng, đích thực chẳng phải do phụ mẫu mà sinh. Từ đó thấu triệt cả hai tông Tính Tướng, rõ biết căn bản chẳng hề mâu thuẫn, bao nhiêu Công án, hết mọi Kinh luận đều soi tỏ trước mắt.

Ngày tám tháng chạp, thọ giới cụ túc trước tháp Chu Hoàng, hai mươi sáu tuổi thọ Bồ Tát giới, phát tâm duyệt khán Luật Tạng đại tiểu. Tuyết Lãnh hỏi : "Ông đã thọ Đại thừa pháp, cố sao lại còn tập Tiểu thừa giáo ?". Ngài đáp : "Như lâu bốn từng há có thể bỏ từng dưới mà

lên từng trên trước được sao ?" Tuyết Lãnh lại hỏi :
Hiện tại ông đã lên từng trên rồi, hà tất phải men xuống dưới ?". Ngài thưa : "Tự lợi lợi tha, lên cao mà ở thấp, từ gốc đến ngọn đều chẳng thể bỏ, hướng Phật vốn không lìa tịch trường, há lại có thể cưỡng chia thượng hạ cao thấp được sao ?". Đủ thấy tri kiến của Ngài thực khác phàm.

Năm hai mươi bảy, sau khi xem hết một lượt Luật Tạng, mới hay đời sống đầy đầy giả nguy, hư phù bất thật, đều do cứ bỏ phước Luật học lâu nay, lại các tông môn đương thời, phát sinh lưu tệ, tranh chấp lẫn nhau, cũng vì không có chính kiến, chỉ biết đàm luận chân lý, coi thường giới luật, nên ngài quyết tâm hoàng Luật. Tuy tinh thông Luật học, nhưng tự phê mình là "tập khí phiền não mạnh, cung cách còn khiếm khuyết, nên thề không làm Hòa Thượng (vị Truyền Giới Sư)". Và "Tam nghiệp chưa tịnh, lạm gọi biết luật, thẹn danh không như thật". Bạc Cổ Đức luôn luôn khiêm cung như vậy.

Ngẫu Ích Đại sư một đời không cầu danh văn, khi quyết ý xuất gia, liền phát ba lời thệ nguyện. Thứ nhất, chưa chứng Vô Sinh Pháp Nhẫn chưa nhận đồ chúng. Thứ hai, không lên ngôi cao. Thứ ba, thà đói lạnh chết, quyết không vì trưởng dưỡng sắc thân mà tụng kinh bái

sám hóa duyên. Khi Ngài từ biệt chú đi xuất gia, cũng khẳng định quyết tâm, qua câu thơ :

*Thế biến bất khả trắc,
thử tâm thiên cổ nhiên*

(Thế gian biến khôn lường, tâm này vẫn thiên cổ).

Bà thím lại hỏi :

- Cháu xem thường danh văn thế tục, chắc muốn xuất gia làm thiện tri thức ?"

(Thiện tri thức chỉ mình sư. Theo sách Nho, "nổi họa hoạn của người chính do điều thích làm thầy thiên hạ", (phù nhân chi hoạn, tại háo vi nhân sư), tức có ý điều cợt). Ngài đáp :

- Phật còn chẳng màng, hà hưởng thứ khác.

Bà thím liền hỏi :

- Đã vậy cần gì phải xuất gia ?

Ngài trả lời :

- Chỉ cần phục hồi bốn lai diện mục.

Bà thím ngời khen hết lời.

Năm Ngài ba mươi hai, khi chú Kinh Phạm Võng, muốn nghiên cứu Tông phái, song chưa tự quyết, chọn một trong bốn gồm :

1- Hoa Nghiêm Tông,

2- Thiên Thai Tông

3- Pháp Tướng Tông,

4- và tự lập ra một tông.

Chung cục Ngài bốc thăm, nhằm Thiên Thai Tông, nên từ đó nỗ lực nghiên cứu Thiên Thai, nhưng không bao giờ chịu nhận là đệ tử Thiên Thai, vì Ngài không muốn rơi vào vòng tranh chấp của các Tông phái đương thời, Ngài thường nói : "*Dụng tâm nghiên cứu Thai bộ, chưa hẳn đã là Thai gia tử tôn*".

Từ ba mươi bảy tuổi trở đi, Ngài du hóa các phương, đến năm mươi bảy tuổi viên tịch tại chùa Linh Phong. Đệ tử Ngài là Thành Thời biên tập lại các tác phẩm của Ngài, phân làm hai loại là Tông Luận và Thích Luận. Tông Luận tức Linh Phong Tông Luận gồm 10 quyển. Thích Luận bao hàm Thích Kinh Luận và Tông Kinh Luận, cùng các trước thuật khác, gồm hơn 60 loại, cộng chung 164 quyển, như các bộ nổi tiếng :

- Tướng Tông Bát Yếu Trực Giải,
- Tịnh Độ Thập Yếu,
- Duy Thức Tâm Yếu,
- Viên Giác Kinh Tâm Sớ,
- Lăng Già Nghĩa Sớ,
- Phạm Võng Hợp chú,
- Đại Thừa Chỉ Quán Thích Yếu,
- Đại Niết Bàn Hợp Luận,
- Tứ A Hàm Tiết Yếu...

Sau này cả Tông Luận lẫn Thích Luận hợp nhất thành bộ Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập.

Ba năm sau khi Ngài nhập diệt, môn nhân mở khám trà tỳ, thấy Ngài vẫn uy nghiêm tĩnh tọa, tóc dài lấp tai, diện mạo như người sống. Sau khi trà tỳ, răng còn nguyên vẹn. Khi còn sinh tiền, Ngài thường căn dặn sau khi hỏa táng, nghiền linh cốt Ngài, pha với bột làm bánh, đem rải khắp núi sông, để kết duyên với chúng sinh, nhưng hàng môn nhân không đành lòng làm theo lời dặn của ngài, xây tháp bên phải đại điện của chùa Linh Phong, thờ phụng linh cốt ngài.

Trí Húc, pháp huy của Ngài : *Húc* có nghĩa mặt trời ở phương đông vào lúc hừng sáng, *Trí* tức trí huệ, hàm ý trí huệ của Ngài như mặt trời ban mai, phá tan bóng tối âm u, biến chiếu khắp nơi.

Ngẫu Ích là hiệu chuyên tu Tịnh nghiệp của Ngài. *Ngẫu* là nhân của Liên (sen), "do ngẫu sinh hà, khai hoa kết liên". Liên (sen) là quả của Ngẫu. Có nghĩa, do trồng Ngẫu được *Ích* (lợi) của Liên (sen), như nay Đại Sư tu trì tịnh nghiệp, chuyên trì niệm Phật, tất được ích vãng sinh cứu phẩm liên hoa, hoành xuất tam giới, hướng đến Bồ Đề.

Ngài suốt đời hoàng luật, bác thông kinh giáo, học Thiên Thai Tông, song thông cả Hoa Nghiêm, Pháp Tướng. Trong thì dung hội Tánh, Tướng, Thiên, Tịnh ; ngoài thì điều hòa Nho Phật, viên dung Chân Tục nhị đế. Ngài bình nhật tuy tham cứu giáo lý, song thường khai thị người học, không nên lệ thuộc văn tự, chấp nơi ngôn ngữ, Ngài dạy : "Chỉ Nguyệt Lục thịnh hành, mà Thiên đạo suy hoại. Tứ Giáo Nghi lưu truyền, mà Thai Tông yếu mờ". Khác nào chỉ chấp chết vào toa thuốc mà mong trị bệnh, chưa thấy ai khỏi.

Pháp ngữ của Ngài rất nhiều, song đơn cử một đoạn trong Khai Thị Niệm Phật Pháp Môn tiêu biểu nhất cho trọng tâm tư tưởng của ngài :

Niệm Phật pháp môn, chẳng có gì kỳ đặc, chỉ phải thâm tín lực hành vậy. Phật dạy : *"Nếu chỉ niệm A Di Đà Phật, gọi là Thiên thâm diệu vô thượng"*. Thiên Thai nói : *"Bốn loại tam muội, đồng gọi niệm Phật, niệm Phật tam muội, là vua các tam muội"*. Vân Thê Liên Trì Đại Sư bảo : *"Một câu A Di Đà, trùm cả Bát giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên, Mật, Đốn, Tiệm, Bất Định), nhiếp đủ Ngũ tông"* (Đại thừa ngũ tông : Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Pháp Tướng, Tam Luận, Luật). Đáng tiếc ngày nay, họ xem niệm Phật

như một pháp thiên cận, cho là công phu của ngu phu ngu phụ, cho nên tín đã không sâu, hành lại không đủ, cả ngày dùng dụng, tịnh tu lại thiếu. Lập hữu xảo, lập phương tiện, muốn hiểu thấu tam muội trong đây, dùng tham thiên một chữ ai làm hưởng thượng. Nào dè một niệm hiện tiền của tâm năng niệm, vốn tự lìa lối tuyệt phi, dứt sạch các tác ý chấp trước, tức hiện tiền một câu niệm Phật (sở niệm), cũng tự siêu tình lìa kể (kể là tâm so đo, tình là tình thức, chỉ tâm phân biệt), cần gì phải thuyết diệu đàm huyền. Chỉ quý nơi tín cho đủ, giữ cho chắc, cứ tiếp nối niệm, hoặc ngày đêm mười vạn, hoặc năm vạn, ba vạn, lấy quyết định không thiếu sót làm chuẩn, đến hết một đời thì không biến cải, nếu không vãng sinh, ắt ba đời chư Phật đều nói dối cả. Một phen vãng sinh, vĩnh vô thoái chuyển, vô lượng pháp môn, đều như hiện tiền. Kỳ nhất là mai này một nọ, gặp người chỉ Giáo, lại lo tìm chương trích cú, gặp kẻ Tông môn, ắt lo tham cứu vấn đáp, gặp hàng trì Luật, lại mong khoác y dùng bát, như thế ắt đầu đuôi không rõ, tính toán chẳng rành. Phải biết niệm thuần thực A Di Đà Phật, ba tạng mười hai bộ

giáo lý chí diệu đều tại ngay trong đây (câu A Di Đà). Một ngàn bảy trăm công án, đối hàng thượng cơ, cũng đủ trong đây. Ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, tam tụ tịnh giới, cũng trọn nơi đây. Thực có thể niệm Phật, buông bỏ thân tâm thế giới, tức đại *Bố Thí*. Thực có thể niệm Phật, không còn khởi tham, sân, si, tức đại *Trì Giới*. Thực có thể niệm Phật, chẳng so thị phi nhân ngã, tức đại *Nhẫn Nhục*. Thực có thể niệm Phật, không chút gián đoạn giáp tạp, tức đại *Tinh Tiến*. Thực có thể niệm Phật, không còn vọng tưởng đeo đuổi, tức đại *Thiền Định*. Thực có thể niệm Phật, không còn gì mê hoặc được nữa, tức đại *Trí Huệ*. Thử tự kiểm điểm, nếu chưa buông bỏ được thân tâm thế giới, niệm tham sân si vẫn còn hiện khởi, thị phi nhân ngã vẫn còn ấp ủ trong lòng, gián đoạn giáp tạp vẫn chưa dứt trừ, vọng tưởng theo đuổi vẫn chưa vĩnh diệt, vô lượng các thứ còn mê hoặc ý chí, tất chẳng phải chân niệm Phật. Muốn đến cảnh giới nhất tâm bất loạn, cũng chẳng có thuật gì khác hơn. Hạ thủ trước nhất, cần lần chuỗi, nhớ số rõ ràng, ấn định khóa trình, quyết định không sai sót, lâu dần thuần thục, không niệm cũng tự

niệm, sau đó nhớ số hay không đều được. Nếu mới sơ tâm đã đòi chuyên khán thoại đầu, cùng không trước tướng, thêm học viên dung tự tại, đều là tín không sâu, hành không đủ, phải biết cho dù có giảng được Thập Nhị phân giáo, nói được Thiên thất bách chuyển ngữ, cũng chỉ là chuyện bên bờ sinh tử, đến lúc mạng chung, quyết chẳng dùng được. Trân Trọng.

Sở học về Thiên, Giáo, Luật của ngài, sau này đều chỉ quy Tịnh Độ. Một số tông đồ Tịnh Độ, cho Ngẫu Ích Đại Sư là kế thừa của Chu Hoàng, nhưng bình thường Ngẫu Ích tôn sùng Chu Hoàng, thiên về mặt giới luật, chẳng phải về Tịnh Độ. Còn vấn đề cho Tịnh Độ nhiếp hết thấy Phật giáo, dùng Kinh A Di Đà làm trọng tâm giáo điển, coi trọng pháp trì danh, cùng chủ trương Thiên Tịnh hợp nhất, những điều này chỉ là nhất trí với Chu Hoàng mà thôi. Những điều được ngài cho là yếu điển của Tịnh Độ, đều thu trọn trong Tịnh Độ Thập Yếu, nhưng trong bộ này hoàn toàn không có trước tác của Chu Hoàng, mà đặc biệt coi trọng Vãng Sinh Luận của Truyền Đăng, và Tây Phương Hợp Luận của Viên Hoằng Đạo.

Tư tưởng Tịnh Độ của Ngài trải qua nhiều thời kỳ, hai mươi hai tuổi tang cha, nghe Kinh Địa Tạng Bốn

Nguyện mà phát tâm niệm Phật, đó là kết hợp với tư tưởng báo ân cha mẹ của Nho gia mà niệm Phật, chỉ đơn thuần trì danh. Hai mươi tám tuổi tang mẹ, bế quan dùng công phu tham thiền cầu sinh Tịnh Độ, tức nói : *"Thiền giả muốn sinh Tây Phương, bất tất đổi thành niệm Phật, chỉ đủ tín nguyện, tham thiền tức hành Tịnh Độ"* (Tông Luận tứ chi tam), tức thiên về Lý Trì. Ba mươi cho đến bốn mươi tuổi, ngài sơ thích Luật bộ, kết đàn sám nguyện, lấy *"Sinh hoàng Luật phạm, tử quy An Dưỡng"* làm lời thề. Trong mười năm sau đó, ngài thường sơ giải và chú thích Kinh Luận, dung thông tính tướng giáo lý các tông. Năm bốn chín, trước tác Di Đà Yếu Giải, mới hình thành thể hệ tư tưởng Tịnh Độ sau cùng.

A Di Đà Kinh là chủ yếu của Tịnh Độ Tam Kinh, nên trước tác chủ yếu của Ngài về giáo lý Tịnh Độ cũng chính là Di Đà Yếu giải.

Bộ này dựa theo phương thức Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của Thiên Thai Tông, thuyết minh Kinh này, lấy người năng thuyết sở thuyết làm *Danh* (tên), lấy thật tướng làm *Thế*, tín nguyện trì danh làm *Tông*, vãng sinh bất thối làm *Dụng*, Đại thừa Bồ Tát tạng vô vấn tự thuyết làm *Giáo Tướng*. Lại dùng A Di Đà Kinh tổng nhiếp

Phật giáo, dùng Tín Hạnh Nguyên nhiếp trọn tông chỉ toàn kinh A Di Đà. Yếu Giải chia nội dung *Tín* thành :

- *Tín tự* : nhất niệm hồi tâm quyết định đắc sinh, tự tâm bốn cụ Cực Lạc (một niệm hồi tâm quyết được vãng sinh, tự tâm vốn đủ Cực Lạc).

- *Tín tha* : Di Đà quyết vô hư nguyện, Thích Ca cập lục phương Phật quyết vô cưỡng ngữ (Di Đà quyết không nguyện suông, Thích Ca cùng sáu phương Phật quyết chẳng nói dối).

- *Tín nhân* : Tán loạn xưng danh do vi Phật chủng, nhất tâm bất loạn ninh bất vãng sinh (Tán loạn xưng danh còn là Phật chủng, nhất tâm bất loạn sao chẳng vãng sinh).

- *Tín quả* : Tịnh Độ chư thượng thiện nhân giai niệm Phật đắc sinh, như ảnh tùy hình quyết vô hư khí (Các bậc thượng nhân đều do niệm Phật được sinh Tịnh Độ, như ảnh theo hình, quyết không sai khác)

- *Tín sự* : Thật hữu Cực Lạc quốc độ, bất đồng Trang Sinh ngụ ngôn (Thật có Cực Lạc quốc độ, chẳng như Trang Sinh nằm mơ)

- *Tín lý* : Tây phương y chính, bất xuất hiện tiền nhất niệm tâm ngoại (Y chính nơi Tây phương, không ngoài một niệm tâm hiện tiền).

Nội dung của Nguyên là : "*Yếm ly Ta Bà, hân cầu Cực Lạc*" (chán bỏ Ta Bà, vui cầu Cực Lạc). Nội dung của Hành là : "*Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn. Lục tự trì danh, niệm niệm hân yếm cụ túc, tín quyết nguyện thiết. Do thử tự năng lịch cửu phẩm sinh, tịnh tứ chủng độ*" (Chấp trì danh hiệu nhất tâm bất loạn, trì danh sáu chữ, niệm niệm đều đủ xả cầu, tín chắc nguyện thiết. Do vậy, có thể sinh nơi cửu phẩm, thanh tịnh bốn độ).

Ngài chủ trương : "*Túc dĩ chấp trì danh hiệu vi chính hạnh, bất tất cánh thiệp tham cứu*" (Túc dùng danh hiệu làm chính hạnh, không cần phải tham cứu nữa), "*Tham thiên tất bất khả vô Tịnh Độ, Tịnh Độ tất bất khả giáp thiên cơ*" (Tham thiên ắt chẳng thể không Tịnh Độ, Tịnh Độ ắt chẳng thể giáp thiên cơ). Nên ngài chuyên trọng hoằng pháp trì danh.

Ngài lại phân trì danh thành *sự trì* và *lý trì*. Ngài nói : "*Sự trì là tin có Tây phương A Di Đà Phật, chưa đạt được tâm này làm Phật, tâm này tức Phật nhưng quyết chí cầu vãng sinh, như con nhớ mẹ không lúc nào quên. Lý trì là tin Tây phương A Di Đà Phật, nơi tâm ta sẵn đủ, do tâm ta tạo thành, tức dùng Hồng danh sở tạo sở cụ của tự tâm làm cảnh buộc tâm (hệ tâm), khiến không tạm quên*". Lý trì tức giáo nghĩa Duy Tâm Tịnh Độ. Do

đó niệm Phật theo Ngài nói, có hai nghĩa rộng hẹp. Nghĩa hẹp chuyên chỉ trì danh ; nghĩa rộng tức hàm nhiếp hết mọi Phật giáo.

Ngài lại bảo niệm Phật tam muội có ba loại :

- Thứ nhất, *niệm tha Phật*, lấy quả đức trang nghiêm của Di Đà làm cảnh sở niệm, hoặc niệm danh hiệu, hoặc niệm tướng hảo, hoặc niệm công đức, hoặc quán chính báo, hoặc quán y báo, như các vị thượng thiện nhân ở Đông Lâm.

- Thứ hai *niệm tự Phật*, quán nhất niệm giới nhĩ tâm hiện tiền này, đầy đủ bách giới thiên như, bình đẳng với tam thế Phật, công phu đến mức, hoát phá vô minh, như Nam Nhạc, Thiên Thai, Thiên Tông chư Tổ.

- Thứ ba *tự tha câu niệm*, rõ biết tâm, Phật, chúng sinh, không hề sai biệt, mượn hai quả y chính này, hiển bày lý trí nơi tự tâm, cảm ứng đạo giao tự nhiên không cách, như Vĩnh Minh Diên Thọ, Sở Thạch Phạm Ý (Tông Luật thất chi tứ).

Tư tưởng Tịnh Độ sau cùng của Ngài là đem sự tham cứu của Thiên tông quy nạp nơi Thiên Thai Giáo Quán, lại lấy Thiên Thai Giáo Quán ứng dụng vào pháp môn niệm Phật. Luận *niệm Phật tức Thiên Quán* do ngài tạo nói rằng : "*Tham cứu một niệm tâm tính hiện tiền này,*

gọi là Tham Thiền ; đạt được một niệm tâm tính hiện tiền này, gọi là Chỉ Quán. Tư duy trì giữ một niệm tâm tính hiện tiền này gọi là Niệm Phật". (Tông Luận ngũ chi tam).

Phương diện lý luận, Ngài dung hội Tính Tướng, phương diện thực tiễn, Ngài điều hòa Thiền Tịnh, song chủ trương thống nhất tam học Thiền, Giáo và Luật. Ngài nói : "*Thiền là Phật tâm, Giáo là Phật ngữ, Luật là Phật hạnh... Không nên ngoài tâm riêng tìm Thiền Giáo Luật, lại cũng đừng ngoài Thiền Giáo Luật riêng tìm tư tâm, như thế ắt cả ngày tham Thiền, khán Giáo, học Luật, tương ưng cùng đại sự đại tâm chính pháp nhãn tạng nơi mỗi niệm vậy"* (Tông Luận nhị chi tam).

Tam học nhiếp quy nhất niệm, dùng niệm Phật tổng nhiếp nhất đại thời giáo của Thích Ca Phật, đó là tổng kết tư tưởng của Trí Húc. Đời Thanh về sau Thai gia khi giảng Giáo nghĩa, phần đông y cứ vào Kinh Sớ và Kinh Luận của ngài, hình thành phái Linh Phong kết hợp Giáo Quán Luật quy nhập Tịnh Độ, còn cho tới nay. Đời sau tôn xưng Ngài là Tổ thứ chín của Tịnh Độ tông.

DI GIÁO TAM KINH

Minh Cổ Ngô Ngẫu Ích Thích Trí Húc trước

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

KINH GIẢI

Hậu Hán Ca Diếp Ma Đằng Trúc Pháp Lan đồng dịch.

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH GIẢI

Minh Cổ Ngô Ngẫu Ích Thích Trí Húc trước.

Đề kinh bảy chữ, thông biệt chung hợp, nhân pháp cùng nêu. **Kinh** là thông danh, vì hết thấy tạng Tu Đa La Đại Tiểu thừa đều gọi là Kinh. **Phật thuyết Tứ Thập Nhị Chương**, sáu chữ này là biệt danh, vì khác với tên các kinh. Trong biệt danh này, **Phật** là người năng thuyết, **Tứ Thập Nhị Chương** là pháp sở thuyết.

Phật là phạm ngữ, gọi đủ là Phật Đà, dịch là Giác Giả, có nghĩa tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Tự giác không đồng phạm phu, giác tha không đồng nhị thừa, giác hạnh không đồng Bồ Tát, đó là bậc vạn đức từ tôn Thích Ca Như Lai, giáo chủ Ta Bà thế giới.

Thuyết là nói chỗ hoài mong, Phật lấy độ sinh làm hoài bão, cơ duyên chưa tới, mặc nhiên chờ thời, cơ duyên chín mùi, tùy bệnh cho thuốc.

Tứ Thập Nhị Chương, theo số lập tên, vì trong một đời thuyết giáo, lựa ra những điều thiết yếu nhất, đơn giản rõ ràng nhất, tập hợp thành một cuốn, để hợp với cơ

nghi cỗi này, cho nên văn lược nghĩa quảng, gồm thông cả tứ giáo (1), không thể tự quyết cho là tiểu thừa được.

Hậu Hán Ca Diếp Ma Đăng Trúc Pháp Lan đồng dịch :

Hậu Hán tức Đông Hán, đối Tiền Hán mà nói Hậu. Hiếu Minh Hoàng Đế năm Vĩnh Bình thứ ba (Canh Thân), nhà vua mộng thấy người vàng, nơi cổ chiếu ánh sáng, bay xuống cung đình. Vua hỏi quần thần, quán Thái sử Phó Nghị tâu rằng : "Thần nghe Tây Vực có bậc Thánh nhân hiệu là Phật, giấc mộng của Bệ Hạ chính là vị này". Bác Sĩ Vương Tôn cũng tâu : "Căn cứ theo sách nhà Chu ghi chép các việc lạ, có nói Phật sinh nơi đời Chu Chiêu Vương năm thứ 26 (Canh Dần), lúc đó nước sông dâng, mặt đất chấn động, ánh sáng năm màu xuyên qua Thái Vi". Thái sử Tô Do bốc quẻ, được quẻ Càn cử ngũ, "Phi long tại thiên" (rồng bay trên trời), là bậc Đại Thánh ở Tây Vực vậy, một ngàn năm sau, lời dạy của Người sẽ tràn khắp cõi này". Nhà vua liền sai khắc trên bia đá, chôn ở phía nam ngoài thành. Sau đến đời Chu Mục Vương, trời đất chấn động, có mười hai đạo cầu vồng trắng, thấu tới mặt trời, quá cả trời xanh. Thái sử Hồ Đa bốc quẻ, nói rằng đó là điềm bậc Đại Thánh ở phương Tây nhập diệt."

Vua Minh Đế vào năm thứ bảy (Giáp Tý), sai Quan Lang Trung Thái Âm, Trung Lang Tướng Tần Cảnh, Bác sĩ Vương Tôn cả thấy mười tám người, qua phương Tây tìm Phật Pháp. Đến xứ Ấn Độ, thỉnh các ngài Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan, dùng bạch mã (ngựa trắng) chở kinh, cùng xá lợi và tượng họa Phật. Đến Vĩnh Bình năm thứ mười (Đinh Mão) thì tới Lạc Dương, nhà vua vui mừng, xây chùa Bạch Mã, dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương.

Đến ngày một tháng giêng năm thứ mười bốn, bọn đạo sĩ Chủ Thiện Tín ở Ngũ Nhạc, không hài lòng, dâng biểu xin thi tài, nên đến ngày rằm, vân tập ở cửa nam chùa Bạch Mã.

Bọn Tín lấy linh bảo các kinh để trên đàn ở phía đông, nhà vua lấy Kinh, Tượng, Xá lợi để trên thất bảo hành điện ở phía tây. Bọn Tín nhiễu quanh đàn khóc lóc, cầu thỉnh Thiên tôn, lời lẽ vô cùng khẩn thiết, rồi dùng gỗ chiên đàn đốt kinh, mong cầu kinh không tổn hại, nào dè cháy sạch, ban đầu còn dùng các thuật thăng thiên, vào lửa, qua nước, ẩn hình, đều không linh nghiệm. Còn Xá lợi Phật, năm màu chiếu sáng, bay lên tận không trung, xoay tròn như che trùm khắp cả đại chúng, ánh sáng che cả mặt nhật. Ma Đằng dùng thần túc thông, bay đứng nằm ngồi trong hư không, thần hóa

tự tại, trời mưa hoa báu, cùng trỗi các nhạc, bấy giờ chúng đều hoan hỉ, được điều chưa từng có.

Đó là thuở đầu Phật pháp vào Chấn Đán (Trung Quốc). Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đều là người miền Trung Ấn, tên của hai ngài đều không thấy dịch. Còn nói *dịch* vì dùng chữ Phạn chuyển thành chữ Hoa, để người xứ này hiểu được ý nghĩa.

Thế Tôn thành đạo rồi, liền suy nghĩ như vậy, lia dục (được) tịch tĩnh, là điều hơn cả (để) trụ nơi đại thiên định, hàng phục các ma đạo. Nơi vườn Lộc Dã, chuyển Pháp Luân Tứ Đế, độ năm người Kiều Trần Như, đều chứng đạo quả. Lại có Ty Kheo bạch hỏi điều nghi, cầu Phật chỉ bày. Thế Tôn dạy bảo, ai nấy khai ngộ, chấp tay kính vâng, tuân theo lời dạy.

Thông tự của các kinh đều có sáu loại chứng tín :

- một là Pháp thể (Pháp nhĩ như thị) ;
- hai là *năng văn* (người nghe) ;
- ba là *cơ cảm* (chỉ thời gian) ;
- bốn là *giáo chủ* (người nói) ;
- năm là *xứ sở* (nơi chốn) ;
- sáu là *đồng văn* (người cùng nghe) ;

Đó là phần "Tôi nghe như vậy, một thời Phật tại..."

Nay thứ lớp văn này có hơi khác thông lệ, bởi lẽ thuở Phật pháp mới du nhập, để thuận theo thể văn ở xứ này,

trọng về giản lược, song hàm ý của sáu nghĩa vẫn gồm đủ. Hai chữ Thế Tôn là nêu vị *giáo chủ*. Ba chữ thành đạo rồi là nêu *cơ cảm*. Nơi vườn Lộc Đã, tức nêu *xứ sở*. Năm người Kiều Trần Như, cùng lại có Tỳ Kheo chỉ cho *năng vấn và đồng vấn*. Pháp luân và lời dạy là nêu *pháp thể*.

Đoạn văn trên phân làm bốn phần :

- Thứ nhất, trọn câu "Thế Tôn thành đạo rồi", trình bày chung nguyên do hóa độ.
- Thứ hai từ suy nghĩ như vậy đến hàng phục các ma đạo, tiếp trình bày giáo pháp thành đạo.
- Thứ ba từ nơi vườn Lộc Đã đến chúng đạo quả, trình bày riêng sự khởi đầu chuyển pháp luân.
- Thứ tư lại có Tỳ Kheo đến tuân theo lời dạy, mới chính là nói về sự phát khởi của kinh này.

Phần đầu Thế Tôn, tức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, là bậc Trời của các trời, Thánh của các thánh, nơi mọi vật ở thế gian, nơi hết thấy các chúng sinh ở thế gian, trong tất cả các vị chính giác ở thế gian, là bậc duy nhất được xưng tôn.

Thành đạo, nếu luận Thế Tôn thật sự thành đạo cho đến nay, đã trải qua số kiếp như vi trần như trong kinh Pháp Hoa, phẩm Thọ Lượng đã nói rõ. Nay vì chúng sinh có cơ duyên ở cõi này, nên trong quá khứ thuở con người

thọ đến hai vạn tuổi, vào thời Phật Ca Diếp Ngài ở trong hàng Bồ Xứ, sinh về nội cung Đâu Suất, dùng thiên nhãn thanh tịnh quán sát thời tiết hóa độ, cho đến khi tuổi thọ chỉ đến trăm năm, cơ duyên đã tới, mới thị hiện giáng sinh ở xứ Ca Duy Vệ miền Trung Ấn, cha tên Tịnh Phạm, mẹ là Ma Gia, trong thai mười tháng, sinh ra từ hông phải của mẹ, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, nhìn khắp bốn bề, rảo quanh bảy bước, tự nói : "Trên trời dưới đất chỉ có ta là bậc được tôn xưng".

Sau đó thị hiện làm đồng tử học hết mọi nghề, không thứ nào không thông triệt, đến năm 29 tuổi đi qua bốn cửa thành, thấy các tướng già, bệnh, chết và Sa Môn, nên quyết chí xuất gia, giữa đêm rời thành, dùng dao vàng cắt tóc, vứt bỏ mọi trang sức, mặc áo gai do thọ thần cúng, du học các xứ, ban đầu nơi A Lam Ca Lam tập *Vô sở hữu định*, chẳng bao lâu chứng đắc, rõ biết không phải cứu cánh, nên bỏ đến Uất Đầu Lam Tử tập *Phi tướng phi phi tướng xứ định*, cũng chẳng bao lâu chứng đắc, rõ biết pháp này chưa phải cứu cánh nên lại bỏ đi. Thấy các ngoại đạo khác, lấy hạn tu là ba năm, nỗ lực khổ hành, mong cầu thành đạo, chung cục chẳng đạt được gì. Vì muốn độ họ, Ngài đến Tuyết Sơn thị hiện sáu năm khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, một hạt gạo, xương da liền khít, cuối cùng đạo không

thành, nên bỏ khổ hạnh, thọ lãnh bát sữa của mục nữ cúng dường, phục hồi sức lực, đến sông Ni Liên tắm gội, dùng cỏ cát tường do Đế Thích hóa thành đồng tử cúng thí - ý chỉ dưới gốc Bồ Đề nơi tòa Kim Cương xứ Ma Kiệt Đề - trải thành tòa ngồi kiết già, dùng Từ tâm tam muội, hàng phục ma quân, nhập vào Tứ Thiên, quán sát Tứ Đế, đứng đêm mong tám tháng chạp, khi sao mai mọc, hoát nhiên đại ngộ, chứng đạo vô lậu. Đó là **Phật Bảo** bắt đầu thành tựu nơi thế gian.

Phần hai, từ suy nghĩ như vậy, trình bày tiếp diễn tiến dưới gốc cây Bồ Đề, dùng Vô Sư Trí (2), Tự Nhiên Trí (3), quán sát rõ biết xả dục được tịch tĩnh là tối thắng, nên trước hết chẻ bỏ các ác pháp bất thiện của Dục giới, rồi Giác Quán (4) đầy đủ nhập vào Sơ thiên, tiếp là Giác Quán, nội tâm tĩnh lặng nhập vào Nhị thiên, lại liả hỉ và chứng diệu lạc, nhập vào Tam thiên, lại tiếp bỏ cả hai khổ và lạc, xả niệm thanh tịnh, nhập đệ Tứ thiên. Từ trong Tứ thiên, phát sinh Tam Minh (5), phá lưới ái của ma vương, dứt dây trói kiến chấp của ngoại đạo. Hoặc câu mới thành đạo, là Căn Bản Trí (6), tự chứng Bồ Đề. Còn suy nghĩ như vậy... là Hậu Đắc Trí (7). Nhấn mạnh quán Tứ đế, vì đó là căn bản của thuyết pháp. Tịch tĩnh tối thắng tức quán Diệt đế. Trụ đại thiên định,

tức quán Đạo đế. Các ma và ngoại đạo, tức hai đế Khổ và Tập.

Phần ba, **Lộc Dã Uyển**, còn gọi là **Lộc Viên** (vườn nai), tại xứ Ba La Nại, nơi đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên.

Chuyển pháp luân Tứ Đế : Khổ, Tập, Diệt, Đạo gọi là Tứ đế. **Khổ** là quả của thế gian, tức chỉ tam giới (8), lục đạo (9), sắc tâm (10), ngũ uẩn (11). **Tập** là nhân của thế gian, tức chỉ kiến tư phiền não (12), cùng các nghiệp hữu lậu, thiện ác bất định. **Diệt** là quả của xuất thế, bởi nhân diệt nên quả diệt, liền đắc tịch tĩnh vô vi an lạc. **Đạo** là nhân của xuất thế, nói tắt là Giới, Định, Huệ, nói rộng là 37 phẩm, gồm Tứ Niệm Xứ (13), Tứ Chính Cần (14), Tứ Như Ý Túc (15), Ngũ Căn (16), Ngũ Lực (17), Thất Giác Chi (18) và Bát Chính Đạo (19).

Bốn pháp này đều gọi là Đế, vì chân thật không sai. Lại gọi là Tứ Thánh Đế, vì chỉ có thánh trí (trí huệ của thánh) mới chứng biết được. Phật đã chứng được chân lý của Tứ Đế này, lại chuyển bánh xe pháp, khiến mọi chúng sinh đều được nghe biết. Từ trong Hậu Đắc Trí của Phật, tuôn ra pháp âm, rót vào trong tâm khảm chúng sinh, nên gọi là *luân* (bánh xe). Lại luân có nghĩa là cán nát, vì giáo pháp này chuyên phá các hoặc kiến

tư của chúng sinh, nên gọi là *luân*. Nói pháp luân Tứ Đế này, phàm có ba cách chuyển :

- Thứ nhất *Thị chuyển* (chuyển pháp chỉ bày), nói đây là *khổ* có tính bức bách, đây là *tập* có tính chiêu cảm, đây là *diệt* có tính chứng được (khả chứng), đây là *đạo* có tính tu được.

- Thứ hai *Khuyến chuyển* (chuyển pháp khuyến tu), nói đây là *khổ* người nên biết, đây là *tập* người nên đoạn, đây là *diệt* người nên chứng, đây là *đạo* người nên tu.

- Thứ ba *Chứng chuyển* (chuyển pháp chứng ngộ), nói đây là *khổ* ta đã biết, đây là *tập* ta đã trừ, đây là *diệt* ta đã chứng, đây là *đạo* ta đã tu.

Đó là Pháp Bảo lần đầu tiên vận hành trên thế gian.

Năm nhóm người Kiều Trần Như, một là A Thấp Bà dịch là Mã Đằng, hai là Bạt Đề dịch là Tiểu Hiền, ba là Câu Lợi hay còn gọi là Ma Ha Nam, cả ba người này là bên phụ hệ của Phật, bốn là Kiều Trần Như dịch là Hỏa Khí, năm là Thập Lực Ca Diếp gọi là Bà Phu, hai người này đều là cậu của Phật. Ban sơ, khi Thái tử trốn thành ra đi, nhà vua thương nhớ khôn nguôi, nên sai năm người này đi tìm kiếm. Thái tử đã thề không chịu về, năm người này không dám về nước, nên theo hầu Thái tử. Khi Thái tử tu khổ hạnh, có hai người kham khổ

không nổi nên bỏ đi, đến sau Thái tử thọ bát sữa, ba người thích tu khổ hạnh cũng lại bỏ đi. Nơi vườn Lộc Dã, mỗi người mỗi tu khác đạo. Phật khi thành đạo, quán thấy năm người đáng được độ, nên đến nơi ấy, chuyển pháp luân lần đầu. Trần Như ngộ trước, tiếp nói các pháp Bố Thí, Trì Giới, sinh thiên, quở trách dục là thứ bất tịnh, tán thán xuất ly (ra khỏi ba cõi) là diệu lạc. A Thấp, Bạt Đề được ngộ. Nói lần thứ ba, Ca Diếp và Câu Lợi đắc ngộ. Đó là Tăng Bảo xuất hiện lần đầu trên thế gian.

Phần tư từ lại có Tỳ Kheo trở đi, Phật sau khi độ năm vị Tỳ Kheo này rồi, tiếp độ nhóm ông Da Xá 55 người, ba anh em Ca Diếp cùng một ngàn người, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên hai trăm người. Từ đó về sau, độ vô số người khiến thành Tỳ Kheo tính. Tỳ Kheo dịch là Trừ Căn, vì giữ đủ 250 tịnh giới, gánh vác nỗi chuyện phúc điền cho người thế, trừ diệt các quả cơ căn (đói khát) trong nhân của chúng sinh. Lại hàm ba nghĩa, một là phá ác, hai là bố ma, ba là khát sĩ. Còn điều nói các chỗ nghi, câu Phật chỉ bày là nói nên chọn lựa thế nào. Chấp tay biểu thị một dạ nghe pháp, không lười mỗi, không tán loạn.

CHÚ THÍCH TỰ PHẦN :

1 - **Tứ giáo** : Thiên Thai Tông chia năm thời giáo pháp từ Hoa Nghiêm đến Pháp Hoa, Niết Bàn làm Hóa Pháp Tứ Giáo và Hóa Nghi Tứ Giáo.

Hóa Nghi Tứ Giáo là phương cách dùng Hóa Pháp để độ chúng.

1) **Đốn giáo** : Đối với hàng có đại căn, đốn căn, liền thuyết các pháp Biệt và Viên giáo, như Hoa Nghiêm thời giáo.

2) **Tiệm giáo** : Đối với hàng tiệm căn, lần lượt thuyết Hóa Pháp Tứ Giáo như A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã.

3) **Mật giáo** : Đối với hàng căn cơ, thuyết bí mật pháp, khiến người trong pháp hội, do nơi sức bất tư nghì của thân khẩu ý chư Phật, tự biết và biết lẫn nhau.

4) **Bất Định giáo** : thuyết pháp người trong cùng một hội, hiểu sâu cạn khác nhau (tuy nghe cùng một pháp).

Hóa Pháp Tứ Giáo như vị thuốc, Hóa Nghi Tứ Giáo như toa thuốc.

Hóa Pháp Tứ Giáo này vì là pháp môn lợi lạc cho chúng sinh nên gọi là Hóa Pháp.

1) **Tạng Giáo** : là ba tạng Kinh, Luật, Luận, các bộ các loại thuyết về nhân duyên sinh diệt của Tứ Đế, cốt để giáo hóa hai hàng Thanh Văn Duyên Giác, và sau đó mới đến hàng Bồ Tát.

2) **Thông Giáo** : Thuyết Tứ Không Vô Sinh của Tứ Chân Đế, cả ba thừa đồng học, song chính yếu cho căn cơ Bồ Tát, sau mới tới căn cơ nhị thừa.

3) **Biệt giáo** : không đồng với nhị thừa, chỉ bày riêng pháp đại thừa vô lượng cho hàng Bồ Tát.

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

4) *Viên giáo* : thuyết sự lý viên dung của Trung Đạo thực tướng cho hàng Bồ Tát lợi căn nhất (chỗ bất đồng của Biệt và Viên giáo chỉ ở nơi sự Cách Lịch và Viên Dung mà thôi).

2 - *Vô Sư Trí* : Phật trí (huệ) không thầy tự ngộ nên gọi là *Vô Sư Trí*.

3 - *Tự Nhiên Trí* : cũng như Vô Sư Trí ; Đại Nhật Kinh Sở quyển năm nói : "*Tự Nhiên Trí* là trí tự giác tự chứng của Như Lai không còn bị ngăn ngại nơi các pháp chưa nghe chưa biết trước kia".

4 - *Giác Quán* : Xưa gọi là giác quán, nay dịch là *Tâm Tư*. Thơ tư gọi là Giác, tế tư gọi là Quán, cả hai đều gây chướng ngại cho định tâm. Do vậy, tùy nơi có giác quán hay không mà biết được định tâm cạn sâu. Trí Độ Luận quyển 23 nói : "*Giác quán này nhiều loạn tam muội, cho nên nói hai món này tuy thiện song là giặc của tam muội, khó xả rời được*".

5 - *Tam minh* : Nơi Phật gọi là *Đạt*, nơi La Hán gọi là *Minh*.

- *Túc Mệnh Minh* : rõ các tướng sinh tử đời trước của tự thân và của người.

- *Thiên Nhân Minh* : rõ các tướng sinh tử đời sau của tự thân và của người.

- *Lậu Tận Minh* : trí rõ các tướng khổ của đời hiện tại, đoạn hết thấy phiền não.

Theo thứ tự gọi tên là Túc Trụ Trí Chứng Minh, Sinh Tử Trí Chứng Minh, và Lậu Tận Trí Chứng Minh. Song trong *Lục thông* cũng có Túc Mệnh, Thiên Nhân, và Lậu Tận thông. Trí Độ Luận quyển hai nói : "*Túc mệnh, Thiên nhân và Lậu tận gọi là Tam Minh*".

Hỏi : "Minh và thần thông khác nhau chỗ nào ?". Đáp : "Chỉ biết chuyện đời trước gọi là Thông. Rõ các hành nghiệp nhân duyên gọi là Minh. Chỉ biết chết đây sinh kia gọi là Thông, rõ biết hành nhân duyên kết hợp không mất gọi là Thông. Chỉ biết kết sử, không biết kết sử còn sinh hay không nữa gọi là Thông. Nếu rõ biết lậu tận (sạch phiền não) rồi không còn sinh nữa gọi là Minh".

Bà Sa Luận quyển 77 nói : "*Trong Lục thông, ba điều kia sao không được gọi là Minh ?*" Đáp : "*Thân như ý (Thần cảnh thông) chỉ là Công xảo, thiên nhĩ thông chỉ nghe tiếng, tha tâm thông chỉ biết tâm người, nên ba thông này không gọi là Minh. Ba thứ kia sở dĩ gọi là Minh vì Thiên Nhãn rõ khổ vị lai, Túc Mệnh biết khổ đời trước, đều hay yếm ly (chán bỏ sinh tử), lại Lậu Tận có thể làm chính quán để đoạn phiền não*".

6) Căn Bản Trí : Còn gọi là Như Lý Trí, Vô Phân Biệt Trí, Chính Trí, Chân Trí. Gọi là Căn Bản Trí để đối với Hậu Đắc Trí. Chính ngầm hợp với chân lý mà không có sai khác giữa năng và sở duyên, nhất niệm chân trí. Trí này là gốc sinh hết mọi lạc pháp, mọi công đức đại bi nên gọi là *Căn Bản trí*.

Tam Tạng Pháp Số quyển năm nói : "*Căn Bản Trí còn gọi là Vô Phân Biệt Trí, vì trí này không nương nơi tâm, không duyên cảnh ngoài, rõ mọi cảnh đều là chân như, cảnh và trí không khác, như người nhắm mắt, không còn phân biệt bên ngoài, do vậy Vô Phân Biệt Trí hay sinh mọi phân biệt, vì vậy gọi là Căn Bản Trí*".

7) Hậu Đắc Trí : Trí ngầm hợp với Chân Như, lìa niệm vô phân biệt, nên gọi là Vô Phân Biệt Trí hay Căn Bản Trí. Trí phân biệt mọi tướng sai biệt sau đó, được gọi là Phân biệt Trí hay Hậu Đắc

Trí, đó là trí có được sau Căn Bản Trí (nên gọi là Hậu Đắc), còn được gọi là Tục Trí, Như Lượng Trí, Phật khởi đại bi cứu độ chúng sinh, chính là Hậu Đắc Trí đó vậy.

Ngài Chân Đế dịch Nhiếp Đại Thừa Luận quyển 12 nói : "*Căn Bản Trí y nơi phi tâm phi phi tâm. Hậu Đắc trí thì y nơi chỉ tâm. Hai trí khác nhau nơi cảnh. Căn Bản trí không thủ cảnh, cho cảnh và trí không khác. Hậu đắc trí thủ cảnh, vì cho cảnh, trí có khác. Căn Bản trí không duyên cảnh như nhắm mắt, Hậu Đắc trí duyên cảnh như mở mắt*".

8) **Tam giới** : Phạm phu sinh tử trôi lăn trong các thế giới, được chia làm ba cõi :

- *Dục Giới* : là cõi của các hữu tình, có hai món dục là thực dục và dâm dục. Trên từ Lục Dục Thiên, giữa là bốn châu của cõi người, dưới đến Vô Giá Địa Ngục, gọi chung là Dục giới.

- *Sắc Giới* : Sắc có nghĩa chất ngại (ngăn ngại), có hình hài bằng vật chất. Cõi này trên cõi dục, là nơi ở của các hữu tình đã trừ hai dục, dâm dục và thực dục. Thân thể cung điện và các món vật chất rất ư thù diệu tinh hảo, nên gọi là Sắc giới. Cõi sắc này do nơi thiên định cao thấp, thô tế mà chia làm bốn bậc, gọi là Tứ Thiên Thiên (bốn tầng trời Thiên).

- *Vô Sắc Giới* : cõi này không một sắc, không một vật có vật chất, không thân thể cũng không cung điện, quốc độ, chỉ có tâm thức trụ nơi thiên định thâm diệu, nên gọi là cõi Vô Sắc. Cõi này đã là thế giới không có vật chất, ắt phương sở (nơi chốn) khó có thể định được. Chỉ do nơi ý nghĩa cõi này có quả báo thù thắng, mà cho là ở trên cõi Sắc. Gồm bốn trời, gọi là Tứ Vô Sắc, hay Tứ Không Xứ (theo Câu Xá Luận, phẩm thế gian, nghĩa Tam Giới). (Xem sơ đồ trang bên) .

DI GIÁO TAM KINH

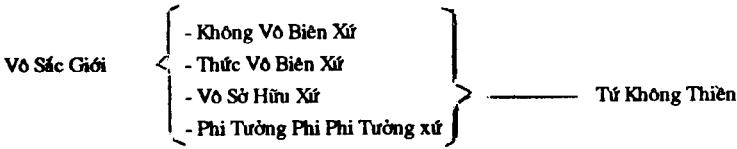
Dục giới

- Địa cư
- Hư Không Cư
- Tứ Thiên Vương
 - Trì Quốc Thiên
 - Tăng Trưởng Thiên
 - Quảng Mục Thiên
 - Đa Văn Thiên
- Đạo Lợi Thiên
- Tu Dạ Ma Thiên
- Đâu Suất Thiên
- Hóa Lạc Thiên
- Tha Hóa Tự Tại Thiên

Sắc Giới

- Sơ Thiên Thiên
 - Phạm Thiên
 - Phạm Chúng Thiên
 - Phạm Phụ Thiên
 - Đại Phạm Thiên
- Nhị Thiên Thiên
 - Thiếu Quang Thiên
 - Vô Lượng Quang Thiên
 - Quang Âm Thiên
- Tam Thiên Thiên
 - Thiếu Tịnh Thiên
 - Vô Lượng Tịnh Thiên
 - Biến Tịnh Thiên
- Tứ Thiên Thiên
 - Vô Văn Thiên
 - Phúc Sinh Thiên
 - Quảng Quả Thiên
- Tịnh Phạm Địa
 - Vô Tướng Thiên
 - Vô Phiền Thiên
 - Vô Nhiệt Thiên
 - Thiện Kiến Thiên
 - Sắc Cứu Cánh Thiên
 - Hòa Âm Thiên
 - Đại Tự Tại Thiên

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH



9 - **Lục Đạo** : là con đường luân hồi của chúng sinh nên gọi là Đạo. Chúng sinh do nghiệp nhân sai khác mà thú hướng đến sáu nẻo khác nhau, nên còn gọi là **Lục Thú**.

1) **Địa ngục thú** : chỗ ngục khổ bát hàn, bát nhiệt, ở dưới mặt đất nên gọi là địa ngục.

2) **Nga quý thú** : cõi của loài quý đói khát tìm cầu ăn uống, cõi này lẫn lộn với cõi người, song loài người không thấy được.

3) **Súc Sinh thú** : nay dịch là **Bàng Sinh**, là cõi của các loài thú vật cũng đồng với cõi người và thấy được lẫn nhau.

4) **A Tu La thú** : là cõi của Đại Lực thần, hay nuôi lòng hờn giận, lại thích đánh nhau. Thường ở các nơi hang sâu núi vắng, cách biệt với cõi người.

5) **Nhân thú** : cõi của loài người, phân làm bốn châu lớn, nhưng bốn châu này cách xa nhau, không có thần thông không thể qua lại được.

6) **Thiên thú** : Thiên là những chúng sinh thân có ánh sáng, thụ hưởng các khoái lạc tự nhiên. Có sáu tầng trời ở Dục giới, gọi là Lục Dục Thiên. Cả hai cõi Sắc và Vô Sắc giới đồng là cõi của Thiên.

10 - **Sắc Tâm** : Gồm Sắc pháp và Tâm pháp. Sắc bao hàm thân và cảnh.

11 - **Ngũ Uẩn** : Phạn ngữ Tác Kiền Đà (Skandha), xưa dịch là Ấm, hoặc là Chúng, nay dịch là Uẩn. **Ấm** có nghĩa là tích tập ; **Chúng** có nghĩa là nhiều thứ hòa tụ lại, cũng có nghĩa của **Uẩn**.

Ý chỉ sự tích tập của nhiều tự tính hữu vi pháp, làm thành chỗ dụng của pháp hữu vi, chẳng phải do thuần một pháp, hoặc đồng loại hoặc khác loại, tất do nhiều thứ tập hợp lại thành tác dụng của pháp. Đó là Ẩn hay Uẩn, đại loại có năm pháp :

- 1) *Sắc Uẩn* : Chỉ chung các thứ vật chất hữu hình, như ngũ căn, ngũ cảnh.
- 2) *Thọ Uẩn* : Sự tác dụng của tâm thừa thọ sự vật khi đối cảnh.
- 3) *Tướng Uẩn* : Sự tác dụng của tâm tưởng tượng sự vật khi đối cảnh.
- 4) *Hành Uẩn* : Các tác dụng khác của tâm liên quan với các pháp thiện ác tham sân khi đối cảnh.
- 5) *Thức Uẩn* : Là bản thể của tâm nhận biết rõ sự vật khi đối cảnh.

Thí dụ : Ngũ uẩn nơi người, thì Sắc uẩn chính là thân, bốn uẩn kia là tâm. Trong tâm, ba thứ Thọ, Tướng, Hành, mỗi thứ có tác dụng đặc biệt riêng nơi tâm tính, nên gọi nó là Tâm Sở Hữu Pháp, gọi tắt là *Tâm Sở*, tức các pháp sở hữu của Tâm Vương. Riêng Thức là tự tính của Tâm, nên được gọi là *Tâm Vương*. Do bởi ngũ uẩn là hai pháp thân tâm, như các hữu tình có thân của Dục Giới và Sắc Giới, do ngũ uẩn mà thành. Còn như hữu tình vô thân của Vô Sắc Giới do từ tứ uẩn (trừ Sắc uẩn) mà thành. *Kinh Tăng Nhất A Hàm quyển 27* ghi : "*Sắc như bọt nước tu, thọ như bọt nổi, tướng như ngựa hoang, hành như cây chuối, thức là huyền pháp*".

12 - **Kiến Tư** : Là hai món phiền não (nhị hoặc) :

- 1) *Kiến hoặc* : Kiến có nghĩa suy lường, do suy lường sai lệch mà phát sinh mê tình, như các thứ ngã kiến, biên kiến. Lại các

hoặc lậu này bị hàng Kiến Đạo Vị kiến lý đoạn trừ, nên gọi là Kiến hoặc.

2) *Tư hoặc* : tân dịch là *Tu hoặc*, là các hoặc lậu phát sinh từ sự tư niệm mê chấp của phàm phu đối với các sự vật, như các thứ tham sân si. Lại các hoặc lậu này, thường bị hàng Tu Đạo Vị tư duy chân chính đoạn trừ, nên cũng gọi là *Tu hoặc*.

13 - *Tứ Niệm Xứ* : Xưa dịch là Tứ Niệm Xứ, nay dịch là *Tứ Niệm Trụ*. Hành giả tiểu thừa sau Ngũ Đình Tâm Quán, tu Tứ Niệm Xứ. Tu theo Ngũ Đình Tâm, giúp hành giả ngưng loạn tâm, đó là Xa Ma Tha (chỉ). Tu theo Tứ Niệm Xứ giúp hành giả phát khởi quán huệ, đó là Tỳ Bà Xá Na (quán).

1) *Thân Niệm Xứ* : Quán thân bất tịnh, thân là nhục thân do cha mẹ sinh ra, cả ngoài lẫn trong đều đầy dẫy nhơ nhớp, không đâu là thanh tịnh, nên quán thân là bất tịnh.

2) *Thọ Niệm Xứ* : Quán thọ là khổ, thọ là cảm giác khổ lạc. Lạc từ nhân duyên khổ sinh, rồi lại sinh khổ lạc. Thế gian không có thật lạc, nên quán thọ là khổ.

3) *Tâm Niệm Xứ* : Quán tâm vô thường, tâm là tâm thức của nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, niệm niệm sinh diệt, không có lúc nào thường trụ, nên quán tâm là vô thường.

4) *Pháp Niệm Xứ* : Quán pháp vô ngã, pháp là tất cả mọi thứ còn lại ngoài ba thứ trên, pháp không có tính tự chủ, tính tự tại, nên quán là vô ngã.

Do Khổ đế mà tu Tứ Niệm Xứ, thân Khổ Đế này của thiên hạ có đủ bốn yếu tố : Thân, Thọ, Tâm và Pháp, nên phải quán bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã để lần lượt phá bốn điên đảo thường, lạc, ngã, tịnh.

Tứ Niệm Xứ này, lấy huệ làm thể, do sức huệ có thể khiến (hành giả) niệm chỗ sở quán thân, thọ, tâm và pháp nên gọi là *Niệm Xứ*. Lại do sức huệ có thể khiến niệm trụ nơi chỗ sở quán nên gọi là *Niệm Trụ*.

14 - *Tứ Chính Cần* : Còn gọi là *Tứ Ý Đoạn*, *Tứ Chính Đoạn*, *Tứ Chính Thắng*. Nhất tâm tinh tiến hành bốn pháp này, nên gọi là *Tứ Chính Cần*. Hay đoạn giải đãi nên gọi là *Tứ Chính Đoạn*, là pháp hơn hết (tối thắng) trong việc sách tiến thân ngữ ý được chân chính, nên còn gọi là *Tứ Chính Thắng*. Trong ý quyết định đoạn các hành nghiệp nên gọi là *Tứ Ý Đoạn*. Bốn pháp đó là :

- Cần tinh tiến trừ diệt các ác đã sinh.
- Cần tinh tiến ngăn chặn các ác chưa sinh không cho sinh.
- Cần tinh tiến khiến thiện pháp chưa sinh được phát sinh.
- Cần tinh tiến khiến thiện pháp đã sinh được tăng trưởng.

15 - *Tứ Như Ý Túc* : Còn gọi là *Tứ Thần Túc*, trong Thất Đạo Phẩm sau *Tứ Niệm Xứ* và *Tứ Chính Cần*. Nơi *Tứ Niệm Xứ* tu thật trí huệ, nơi *Tứ Chính Cần* tu chính tinh tiến.

Tinh tiến trí huệ tăng trưởng, sức định nhỏ yếu, nay được bốn thứ định này để nhiếp tâm, át định huệ quân bình đạt được sở nguyện, nên gọi bốn pháp này là *Như Ý Túc*, hay còn gọi là *Thần túc*. *Như Ý* hàm nghĩa được như ý, là Thân Như Ý Thông trong Lục Thông. Lục Thông là quả do định sinh ra, tức hàm nghĩa chỗ nương, như thân nương nhờ chân, sự như ý của lục thông nhờ nương bốn thứ định này mà phát khởi, nên gọi định là túc. Lại Thần là đức linh diệu, định này là chỗ nương để phát sinh quả đức linh diệu. Trí Độ Luận quyển 19 ghi : "Hỏi : Trong *Tứ Niệm xứ*, *Tứ Chính Cần* đều đã có định, tại sao không gọi là

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

Như ý tức ? Đáp : Các thứ đó tuy định, song huệ và tinh tiến nhiều, định lực kém, nên hành giả không được như ý nguyện. Bốn thứ định đó, Dục là chủ yếu đắc định, Tinh Tiến là chủ yếu đắc định, Tâm là chủ yếu đắc định, Tư Duy là chủ yếu đắc định."

Song tên gọi của bốn định này có nhiều thứ khác nhau, Trí Độ Luận và Pháp Giới Thứ Đệ, xếp lần lượt : Dục, Tinh Tiến, Tâm, (hoặc Nhất Tâm), Tư Duy. Câu Xá Luận thì Dục, Cần, Tâm, Quán. Tứ Giáo Nghi thì Dục, Niệm, Tâm, Huệ.

Câu Xá Quang Ký quyển 25 ghi : "Bốn thứ này gọi tên theo gia hành :

1) *Dục Thần Túc* : dục nơi Gia Hành Vị phát khởi định này, nương sức Dục mà phát khởi định.

2) *Cần Thần Túc* : nơi Gia Hành Vị chuyên cần tu định này, nương sức Cần mà phát khởi định.

3) *Tâm Thần Túc* : nơi Gia Hành Vị nhất tâm chuyên trụ, nương sức Tâm mà phát khởi định.

4) *Quán Thần Túc* : nơi Gia Hành Vị quán sát lý, nương sức Quán mà phát khởi định.

Trong Gia Hành Vị tuy có nhiều pháp, song bốn pháp này ích lợi hơn cả, nên gọi tên theo bốn thứ này."

16 - Ngũ Căn : Gồm năm pháp, các pháp này là cội gốc sinh ra các thiện pháp khác, nên gọi là căn (gốc) :

1) *Tín căn* : tin Tam Bảo và Tứ Đế.

2) *Tinh Tiến căn* : dũng mãnh tu tập thiện pháp.

3) *Niệm căn* : ghi nhớ không quên chính pháp.

4) *Định căn* : khiến tâm ngừng nơi một cảnh, không để loạn mất.

5) *Huệ căn* : Tư duy chân lý.

Xem Trí Độ Luận quyển 19, Pháp Giới Thứ Đệ (trung chi hạ), Đại Thừa Nghĩa Chương quyển 4.

Câu Xá Luận quyển 3 ghi : "*Trong các pháp thanh tịnh, năm căn này có tác dụng hơn cả. Vì sao ? Do thế lực (năm căn) này, điều phục được các phiền não, đưa đến Thánh đạo*".

17- Ngũ Lực : Ngũ Căn tăng trưởng, tạo thành sức mạnh diệt trừ năm chướng.

1) *Tín Lực* : Tín căn tăng trưởng phá mọi tà tín.

2) *Tinh Tiến Lực* : Tinh tiến căn tăng trưởng, phá sự giải đãi của thân.

3) *Niệm Lực* : Niệm căn tăng trưởng diệt sạch mọi tà niệm.

4) *Định Lực* : Định căn tăng trưởng, phá các loạn tưởng.

5) *Huệ Lực* : Huệ căn tăng trưởng, trừ các hoặc tam giới.

Xem Pháp Giới Thứ Đệ (trung chi hạ). Trí Độ Luận quyển 19 ghi : "*Ngũ căn tăng trưởng, không còn bị phiền não làm hại, nên gọi là lực (sức)*". Đoạn khác ghi : "*Thiên ma ngoại đạo không sao phá hoại, cản trở được, nên gọi là lực*".

18 - Thất Bồ Đề Phần : Còn gọi là Thất Giác Chi, Thất Giác Phần. Câu Xá Luận gọi là Thất Đẳng Giác Chi, đứng hàng thứ sáu trong Thất Đạo Phẩm.

Giác có nghĩa là *giác sát*, (quán sát thấy biết), *giác liễu* (hiểu rõ nhận chân), đều là pháp khiến định huệ quân bình, nên gọi là

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

đăng giác. Giác pháp này chia làm bảy thứ, nên gọi là phần, hoặc chi :

1) *Trạch pháp giác chi* : dùng trí huệ lựa chọn các pháp chân ngụy.

2) *Tinh tiến giác chi* : dùng tâm dũng mãnh lìa tà hạnh, hành chân pháp.

3) *Hỷ giác chi* : tâm được thiện pháp liền sinh hoan hỉ.

4) *Khinh an giác chi* : theo Chỉ Quán và Pháp Giới Thứ Đệ gọi đây là *Trừ giác chi*, vì đoạn trừ (*trừ*) các thô trọng ở thân tâm, khiến thân tâm thư thái nhẹ nhàng (*khinh an*).

5) *Niệm giác chi* : thường ghi nhớ định huệ, khiến cho luôn quân bình.

6) *Định giác chi* : khiến tâm trụ nơi một cảnh, không để cho tâm loạn.

7) *Hành xả giác chi* : xả các vọng tưởng sai lầm, xả hết mọi pháp, bình tâm thư thân, lại không truy ức, là xả các hành uẩn sở nhiếp của tâm sở, nên gọi là hành xả.

Bảy pháp này, nếu tâm hành giả khuấy động, có thể dùng ba giác chi Trừ, Xả, Định nhiếp tâm lại. Nếu tâm chìm lắng, có thể dùng ba giác chi Trạch Pháp, Tinh Tiến và Hỷ khởi tâm lên. Niệm giác chi thường niệm định huệ, không được bỏ phế hay thối lui, cho nên ngoài Niệm ra, sáu giác chi kia tùy theo nhu yếu hành giả mà xử dụng. Do bảy pháp này chứng được quả vô học. Chỉ Quán quyển bảy ghi : "*Khi tâm khuấy động, có thể dùng Trừ giác chi diệt các thô trọng ở thân khẩu, dùng Xả giác chi xả quán trí, dùng Định tâm nhập thiền. Khi tâm chìm lắng, dùng Trạch, Tinh Tiến, Hỷ khởi tâm. Niệm giác chi thông và duyên cả hai trường hợp*".

19 - **Bát Chính Đạo** : Gọi chung là Bát Chính Đạo phần, **Câu Xá** gọi là Bát Thánh Đạo chi. Thánh đây gọi là chính vậy, vì lia tà lệch, nên gọi là *Chính Đạo*. Lại là đạo của các bậc Thánh, nên gọi là *Thánh đạo*. **Huyền Ứng Âm Nghĩa** quyển ba nói : "*Bát Do Hành hay Du Hành, Đạo Hành, Trục Hành, hoặc nói là Bát Trục Đạo, Bát Thánh Đạo, hoặc Bát Chính Đạo, nghĩa vẫn đồng nhau*".

1) **Chính Kiến** : thấy rõ và hiểu rõ được lý của Tứ Đế. Lấy Huệ Vô Lậu làm thể. Đây là chủ thể của Bát Chính Đạo.

2) **Chính Tư Duy** : Đã thấy được lý Tứ Đế, lại tư duy khiến chân trí tăng trưởng, lấy Tâm Vô Sở Lậu làm thể.

3) **Chính Ngữ** : dùng chân trí tu khẩu nghiệp, không tạo nên những lời lẽ phi lý, lấy Giới Vô Lậu làm thể.

4) **Chính Nghiệp** : dùng chân trí trừ sạch các tà nghiệp nơi thân, trụ nơi thanh tịnh thân nghiệp, lấy Giới Vô Lậu làm thể.

5) **Chính Mệnh** : thanh tịnh cả ba nghiệp thân khẩu ý, sống thuận theo chính pháp, lìa năm pháp sống tà (ngũ tà mệnh), lấy Giới Vô Lậu làm thể.

6) **Chính Tinh Tiến** : phát dụng chân trí, tu đạo Niết Bàn, lấy Căn Vô Lậu làm thể.

7) **Chính Niệm** : dùng chân trí ghi nhớ chính đạo, để không tà niệm, lấy Niệm Vô Lậu làm thể.

8) **Chính Định** : dùng chân trí nhập vào thiền định vô lậu thanh tịnh, lấy Định Vô Lậu làm thể.

Tám pháp này lìa hết tà phi, nên được gọi là Chính. Đến được Niết Bàn nên gọi là Đạo. Cả tám đều là vô lậu, không thủ hữu lậu, là hành pháp của Vị Kiến Đạo. Còn Thất Giác Chi là hành

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

pháp của Vị Tu Đạo. Trong kinh xếp Thất Giác trước Bát Chính, đó là xếp theo số mục, không phải theo sự tu. Trong tám pháp, Chính Kiến đứng đầu, là chủ thể của Bát Chính Đạo, nên chính là Đạo, cũng là Đạo Phần, Đạo Chi. Còn bảy pháp kia chỉ là Đạo Phần, Đạo Chi mà không phải là Đạo vậy.

Phần trên là *Tự phần*, dưới đây là *Chính Thuyết phần*.

CHƯƠNG MỘT

Phật dạy từ thân xuất gia, thức tâm đạt bốn, hiểu pháp vô vi, gọi là Sa Môn. Thường hành 250 giới, tu tập thanh tịnh, hành bốn chân đạo, thành A La Hán. A La Hán có thể bay hay biến hóa, thọ mạng lâu dài, ở đâu thì trời đất nơi ấy chấn động. Thứ là A Na Hàm, A Na Hàm khi hết tuổi thọ, linh thần sinh lên tầng trời 19, chúng A La Hán. Tiếp là Tư Đà Hàm, Tư Đà Hàm còn phải một lần lên, một lần trở lại, mới đắc A La Hán. Thứ nữa là Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hoàn phải bảy lần tử, bảy lần sinh nữa, mới chúng A La Hán. Người đoạn ái dục như đoạn tứ chi không dùng lại được nữa.

Chương một này nêu chung quả chứng sai khác của Sa Môn. Muốn chứng bốn quả, Sa Môn cần phải từ bỏ người thân, xuất gia học đạo, rõ được tâm, đạt được gốc, hiểu pháp vô vi. Bởi lẽ phụ mẫu không bằng lòng thì Phật pháp không cho xuất gia. Xuất gia mà không rõ

tâm tính, thấu nguồn gốc (thức tâm đạt bốn), chỉ là lia tục nơi hình thức, mà vẫn bị hữu vi trói buộc, như vậy sao gọi là Sa Môn. Thức tâm là rõ biết ngoài tâm không có pháp, tức ngộ Biến Kế (1) vốn Không. Đạt Bốn là rõ biết tâm tính chẳng thật, tức ngộ Y Tha (2) nào khác huyền. Vô Vi Pháp là rõ biết chân như cùng tất cả các pháp không một cũng không khác (bất nhất bất dị), tức chứng Viên Thành Thật tính (3).

Sa Môn là phạm ngữ, dịch là *Cần túc* : *Cần* tu giới định huệ (chăm tu giới định huệ), *Túc* diệt tham sân si (trừ diệt tham sân si). Thường hành 250 giới là tăng trưởng học giới. Tu tập thanh tịnh tức tăng trưởng tâm học ; hành bốn chân đạo tức tăng trưởng huệ học, là nói quán sát Tứ Đế mà tu đạo hạnh. A La Hán hợp đủ ba nghĩa, một là Sát Tặc, hai là Ứng Cúng, ba là Vô Sinh, là quả Vô Học thứ tư của Sa Môn, dứt sạch hai hoặc Kiến Tư của tam giới. Bay và biến hóa nói chung cho lục thần thông (4). Thọ mạng lâu dài là nói ba thứ ý sinh thân (5), có thể tùy nguyện mà trụ lâu dài. Trụ nơi đâu thì nơi ấy chấn động là nói A La Hán trụ nơi đâu thì thiên thần thổ địa nơi ấy đều cảm động, hoặc giả mỗi bước đi đứng của La Hán đều làm chấn động trời đất. A Na Hàm còn gọi là Bất Hoàn, tức quả thứ ba. Trời thứ mười chín, từ Tứ Thiên Vương lên đến Vô Phiền là thứ hai mươi, vượt

quá mười chín tầng dưới. Do nhờ đoạn trừ chín phẩm tư hoặc, nên nơi Tịnh Cư Thiên chúng A La Hán, không còn trở lại Dục giới nữa. Tư Đà Hàm còn gọi là Nhất Lai, tức quả thứ hai, đã đoạn trừ sáu phẩm tư hoặc ở Dục Giới, còn lại ba phẩm, nên phải một lần sinh lên Dục Thiên, một lần trở lại cõi người mới chứng quả A La Hán. Tư Đà Hoàn còn gọi là Dự Lưu, tức quả đầu tiên, đã đoạn kiến hoặc ở tam giới, mới dự vào dòng Thánh, không còn đọa vào ba đường ác nữa, nhưng hãy còn chín phẩm tư hoặc của Dục giới, nên phải thêm bảy lần sinh nữa nghĩa là :

- hai lần sinh nơi Dục giới thượng thượng phẩm, nhậm vận (6) tham sân si mạn,
- một lần sinh thượng trung phẩm hoặc,
- một lần sinh thượng hạ phẩm hoặc,
- một lần sinh trung thượng phẩm hoặc,
- một lần sinh chung hai phẩm trung trung và trung hạ phẩm hoặc,
- một lần sinh chung ba phẩm hạ thượng, hạ trung và hạ hạ phẩm hoặc.

Sau bảy lần sinh tử mới chứng A La Hán quả. Đây là nói theo Nhậm Vận Đoạn (7), nếu Gia Hành Đoạn (8) ắt lại bất định. Song tam giới kiến tư tuy có nhiều phẩm, nhiều loại, nhưng đều lấy ái dục làm gốc, hễ đoạn ái

dục liền ra khỏi vòng khổ, nên dụ như chặt bỏ chân tay, quyết không sao dùng lại được nữa.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG MỘT

1 - **Biến Kế** : Gọi đủ là *Biến Kế Sở Chấp Tính*, là một trong tam tính. Do phàm phu vọng chấp nhận là có vật thật, lại do vọng tình của phàm phu kể độ (xét tính so đo) hết mọi pháp, nên gọi là *Biến Kế*. Lại vì chỗ chấp mê của vọng tình *biến kế* này, nên gọi là *Sở Chấp tính*. Dụ như thấy sợi dây ngổ là rắn, thực chẳng có thật thể của rắn, song vọng tình mê chấp cho là rắn thật, đó là *Biến Kế Sở Chấp tính*. Như người, trong nhận thực có ngã, ngoài chấp có thực pháp, cũng y vậy. Vạn pháp hữu vi, là pháp do nhân duyên giả hợp tạo thành, chẳng có một thật ngã hay thật pháp nào, chỉ do tự vọng tình nơi mình kể độ mà chấp mê là ngã là pháp, rồi cho là thật ngã thật pháp. Điều này gọi là *Biến Kế Sở Chấp tính*, do nương vọng tình mà tồn tại, không thể lìa vọng tình mà có được vậy.

2 - **Y Tha** : Gọi đủ là *Y Tha Khởi tính*, một trong tam tính, là vạn pháp nương nhân duyên mà sinh khởi. Chữ *Y* có nghĩa nương hoặc nhờ, chữ *Tha* chỉ cho nhân duyên. Lấy chúng tử A Lại Gia Thức làm nhân duyên trước nhất, rồi dựa vào vô số các trợ duyên khác mà sinh, lìa vọng tình vẫn tự tồn tại. Dụ như dây phát sinh từ các sợi gai v.v...

3 - **Viên Thành Thật Tính** : Một trong tam tính. Thành tựu viên mãn chân thật tính, cũng gọi là *Pháp Tính*, hay *Chân Như*, là thể tính của mọi pháp hữu vi, dụ như thể tính của dây là sợi gai. Điều này có hai nghĩa, nếu nói pháp tính này tùy duyên, là *Y Tha Khởi tính*, đó là nghĩa của *thật Đại Thừa*. Nếu nói pháp tính

là sở y để thành lập Y Tha Khởi tính (nương pháp tính này để lập Y Tha Khởi Tính), đó là nghĩa của *quyền Đại Thừa*.

Trong tam tính, Biến Kế Sở Chấp tính là vọng hữu, Y Tha Khởi tính là giả hữu (giả có), Viên Thành Thật tính là thật hữu (thật có). Lại Biến Kế Sở Chấp tính là thật vô (thật không), Y Tha Khởi tính là tợ hữu (giống như có), Viên Thành Thật Tính là chân hữu (chân thật có). Ba tính này đều có riêng mỗi sự, hoặc tròn đủ cả ba nơi một sự. Nhận cho các pháp xưa nay, lòng rùa sùng thờ là có thật, đó là Biến Kế Sở Chấp tính, như nơi sự sai biệt của bách pháp, 94 pháp đầu là Y Tha Khởi tính, sáu pháp vô vi sau là Viên Thành Thật tính. Đó là ba tính nơi riêng mỗi sự. Lại dụ nơi đóa hoa, do vọng tình mê chấp cho hoa là thật, thì tướng của hoa là Biến Kế Sở Chấp tính. Từ nhân duyên sinh, giả hiện tướng của hoa là Y Tha Khởi tính, thật thể của hoa là Viên Thành Thật tính. Phân tích như vậy, tất các pháp nơi một sự đều có đủ ba tính vậy. Xem *Duy Thức Luận* quyển 8, *Bách Pháp Vấn Đáp* Sao quyển 4.

4 - **Lục Thần Thông** : *Thần* có nghĩa không lường, *Thông* hàm nghĩa vô ngại. Các bậc Thánh tam thừa đắc được sáu thứ trí huệ thần diệu khó lường, vô ngại tự tại gọi là Lục Thần Thông.

1) *Lậu Tận Trí Chứng Thông* (Lậu Tận Thông) : Đoạn trừ hết mọi lậu hoặc (phiền não), được đại vô ngại, là chỗ tột cùng của hàng Tam Thừa.

2) *Thần Cảnh Trí Chứng Thông* : Còn gọi là Thân Như Ý Thông, Thần Thông, hoặc Thần Túc Thông, có sức thần thông biến hiện nên cảnh giới bất tư nghì, nên gọi là *Thần Cảnh Thông*. Có sức thần thông tới lui tự tại các cảnh giới, nên gọi là *Thần Túc Thông*. Có sức thần thông biến hiện thân mình tự tại, nên gọi là

Thân Như Ý Thông ; tùy theo trường hợp mà gọi tên, song thường gọi nhất là *Thần Cảnh Thông*.

3) *Thiên Nhân Trí Chứng Thông* (Thiên Nhân Thông) : đặc nhân căn của trời Sắc giới, nhìn xa không bị ngăn ngại, nên gọi là Thiên Nhân Trí Chứng Thông.

4) *Thiên Nhĩ Trí Chứng Thông* (Thiên Nhĩ Thông) : đặc nhĩ căn của trời Sắc giới, nghe âm thanh không bị chướng ngại.

5) *Tha Tâm Trí Chứng Thông* (Tha Tâm Thông) : biết tâm niệm của người không hề chướng ngại.

6) *Túc Mệnh Trí Chứng Thông* (Túc Mệnh Thông) : biết việc đời trước của mình và người không hề chướng ngại.

Trừ *Lậu Tận Thông*, năm thần thông này là thiên định của hữu lậu hoặc nương sức thuốc, hoặc nhờ sức thần chú mà đắc được, nên tiên nhân ngoại đạo cũng thành tựu được năm thần thông này. Sáu pháp này gọi là *Trí Chứng Thông*, do vì mỗi pháp này nương nơi trí mà chứng đắc được thần thông lực (xem *Câu Xá Luận* quyển 18).

5 - *Ý Sinh Thân* : Hay Ý Thành Thân, phạn ngữ là Manomaya (Ma Nậu Ma, Ma Nô Mạt Da), dịch là Ý Sinh Thân, hoặc Ý Thành Thân. Chư Phật, Bồ Tát cùng chư thiên hóa sinh thân từ ý muốn, thân đó gọi là *Hóa Sinh Thân*.

Hoa Nghiêm Kinh Sớ quyển 27 ghi : "*Ma Nậu Ma gọi là Ý Sinh, hoặc Ý Thành, là thân do ý sinh ra*". *Huyền Ưng Âm Nghĩa* quyển nhất : "*Ma Nậu, nói đủ là Ma Nô Đạt Da, có nghĩa Ý Sinh Thân, là nói chư Bồ Tát, chư Thiên hóa sinh từ ý vậy*".

6 - *Nhậm Vận* : Ngụ ý tự nhiên, có nghĩa mặc cho pháp tự vận chuyển mà không tạo tác gì bằng sức mình. Trong đoạn này,

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

hàm nghĩa hàng Dự Lưu đã trừ hết kiến hoặc, nên không còn nghi và ái kiến nữa, song tư hoặc dục giới vẫn còn đủ tham sân si mạn (tư hoặc), thuộc thượng thượng phẩm, tư hoặc này còn nhiều và mạnh, bậc Dự Lưu phải còn chờ thêm năm lần sinh nữa mới trừ sạch được tư hoặc, vì vậy nên chỉ trừ tư hoặc bằng sự nhậm vận không tạo tác thêm hoặc, còn cứ mặc nhiên cho tư hoặc chuyển vận vậy.

7 - **Nhậm Vận Đoạn** : Đoạn trừ một cách tự nhiên, theo bình thường. Ở câu này ngụ ý nói hàng Dự Lưu nếu đoạn trừ tư hoặc theo nhậm vận một cách tự nhiên bình thường, thì cứ đúng bảy lần sinh ắt trừ sạch tư hoặc, chứng quả A La Hán.

8 - **Gia Hành Đoạn** : Gia Hành hàm nghĩa chuẩn bị bước vào chính vị, nỗ lực gia sức thêm nữa, như Gia Hành Đạo, Gia Hành vị... Ở đây ngụ ý nếu hàng Dự Lưu, nhậm vận đoạn tư hoặc, ắt sau bảy lần sinh mới chứng quả, còn nếu nỗ lực tu hành hơn nữa để sớm đoạn trừ tư hoặc, gọi là Gia Hành đoạn, thì thời gian chứng quả sẽ bất định, không chắc chắn là phải trải qua bảy lần sinh mà có thể ít hơn bảy lần.

CHƯƠNG HAI

Phật dạy Sa Môn xuất gia, trừ dục bỏ ái, biết nguồn gốc của tự tâm, thấu triệt nghĩa lý sâu xa của Phật, ngộ pháp vô vi (1), trong không có chỗ đắc, ngoài chẳng có nơi cầu. Tâm không vương mắc nơi đạo, cũng chẳng kết thêm nghiệp. Vô niệm (2), vô tác (3), không phải tu, chẳng phải chứng, không trải qua các vị (4), mà tự ở ngôi cao tột, đó gọi là Đạo.

Chương hai này, nêu rõ chỗ chứng quả của Sa Môn, tuy có chỗ sai khác, song lý chứng quả không khác. Dứt trừ dục ái của bậc Phạm Thánh Đồng Cư (5), biết nguồn gốc của tự tâm, ngã chấp vốn không. Thấu triệt được nghĩa lý Chân Đế (6) sâu xa của Phật, ngộ được chỗ hiển bày của pháp chân như vô vi của *Sinh Không* (chúng sinh là Không). Dứt dục ái của Phương Tiện Hữu Dư (7), biết nguồn gốc của tự tâm, các pháp chấp vốn Không, thấu triệt được lý Tục Đế (8) sâu xa của Phật, ngộ được chỗ hiển bày của pháp chân như vô vi của *Pháp Không* (pháp đều Không). Dứt dục ái của Thất Báo Vô Chương Ngại (9), biết nguồn gốc của tự tâm đều Không và chẳng sinh, thấu triệt được lý Trung Đế (10) sâu xa của Phật, ngộ được chỗ hiển bày pháp chân như vô vi của pháp *Câu Không* (đều Không).

Lại rõ biết dục ái ở ba độ chính là Không. Đó gọi là trừ dục bỏ ái. Biết nguồn gốc của tự tâm, biến kế vốn chẳng thật, thấu triệt lý Chân Đế sâu xa của Phật, một Không là hết thấy Không, không có Giả, không có Trung, mà không Không, ngộ được nghĩa *Không Như Thật* của Như Lai tạng, đó là Vô Vi Pháp.

Lại biết rõ dục ái nơi ba độ đều là Giả, gọi là trừ dục bỏ ái, biết nguồn gốc của tự tâm, Y Tha như huyễn, thấu triệt được lý Tục Đế sâu xa của Phật, một Giả là tất cả

Giả, không có Không, không có Trung mà không Giả, ngộ được nghĩa *Bất Không Như Thật* của Như Lai tạng (11). Gọi đó là Vô Vi pháp.

Rõ biết dục ái ở ba độ đều là Trung, gọi là trừ dục bỏ ái, biết nguồn gốc tự tâm Viên Thành vốn đủ, thấu triệt lý Trung Đế sâu xa của Phật, một Trung là tất cả Trung, không có Không, không có Giả, mà không Trung, ngộ được nghĩa *lià tức lià phi*, là Tức chẳng phải Tức của Như Lai tạng, gọi đó là Vô Vi Pháp.

Pháp Vô Vi này, vốn tự sẵn có, chẳng phải thuộc pháp mới sinh, nên trong không chỗ đắc. Chỉ một chân tâm, ngoài tâm không một pháp, nên ngoài không chỗ cầu. Biết pháp như thuyền bè, nên tâm không vướng mắc nơi Đạo. Đã đoạn trừ chủng tử của hoặc, nên cũng không kết thêm nghiệp. Chúng được vô phân biệt căn bản thực trí, nên vô niệm. Chúng bất tư nghì hậu đắc quyền trí, nên vô tác. Tu hành đúng chân tính, tu tức vô tu, nên chẳng phải tu. Chúng được toàn tính, chúng không chúng gì khác, nên chẳng phải chúng.

Các ngôi vị như kích thước nêu hư không, song hư không vốn chẳng phải kích thước. Lại như vào biển dò nông sâu, mà nông sâu kia thứ nào chẳng là biển, nên nói là không trải qua các vị mà ở ngôi cao tột. Gọi đó là Đạo vậy.

Tạng giáo tất do diệt hiểu chân (nhân diệt hội chân), diệt chẳng phải Chân Đế, nên Chân Đế không trải qua các vị. Thông giáo chính ngay sự là toàn thể chân (tức sự toàn chân), nên Chân Đế không trải qua các vị. Biệt giáo át Trung Đạo tùy duyên bất biến, nên Trung Đạo không trải qua các vị. Viên giáo át một sắc một hương đều là Trung Đạo, nên Trung Đạo không trải qua các vị.

Do chương một, mới biết tính không bỏ tu, do chương hai này, mới rõ tu không ngại tính. Lại do chương một, mới hay Túc mà thường Lục (sáu), do chương này mới biết Lục mà thường Túc. Tứ giáo đều luận về Tu Tính, đều luận về Lục Túc. Thông suốt được ý chỉ này, tất hiểu được quá nửa các giáo pháp (của Phật).

CHÚ THÍCH CHƯƠNG HAI

1 - **Vô Vi Pháp** : Pháp lia các nhân duyên tạo tác. Có Tam Vô Vi, Lục Vô Vi, Trạch Diệt Vô Vi của Tam Vô Vi, và Chân Như Vô Vi của Lục Vô Vi, chính là Niết Bàn. Niết Bàn là pháp Vô Vi tối thắng.

Vì có nghĩa tạo tác, không nhân duyên tạo tác gọi là Vô Vi. Lại không có sự tạo tác của bốn tướng Sinh Trụ Di Diệt là Vô Vi, tên khác của Chân Như. Trạch Diệt và Chân Như Vô Vi chính là chân lý chứng được của bậc Thánh, gọi là Niết Bàn, là Pháp

Tính, là Thật Tướng, là Pháp Giới, tất cả đều là danh xưng khác nhau của Vô Vi.

2 - Vô Niệm : Tức vô vọng niệm, còn gọi là Chính niệm. Tông Cảnh Lục quyển tám nói: "*Chính niệm là vô niệm mà biết rõ, nếu không biết rõ sao thành chính niệm*".

Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận quyển thượng ghi : "*Hỏi : Pháp môn đốn ngộ này, lấy gì làm Tông, lấy gì làm Chỉ, lấy gì làm Thế, lấy gì làm Dụng ?* Đáp : *Vô niệm làm Tông, không khởi vọng tâm làm Chỉ, thanh tịnh làm Thế, lấy trí làm Dụng.* Hỏi : *Đã nói vô niệm làm Tông, chưa rõ vô niệm đây là vô niệm gì ?* Đáp : *Vô niệm là vô tà niệm, chẳng phải vô chính niệm.* Hỏi : *Sao gọi là tà niệm ? Sao gọi là chính niệm ?* Đáp : *Niệm hữu niệm vô tức là tà niệm, không niệm hữu vô tức gọi là chính niệm. Niệm thiện niệm ác gọi là tà niệm, chẳng niệm thiện ác gọi là chính niệm. Cho đến niệm khổ lạc, sinh diệt, thủ xả, oán thân, tắng ái đều là tà niệm, chẳng niệm những thứ này tức gọi là chính niệm*".

3 - Vô Tác : Không có nhân duyên tạo tác, như vô vi vậy.

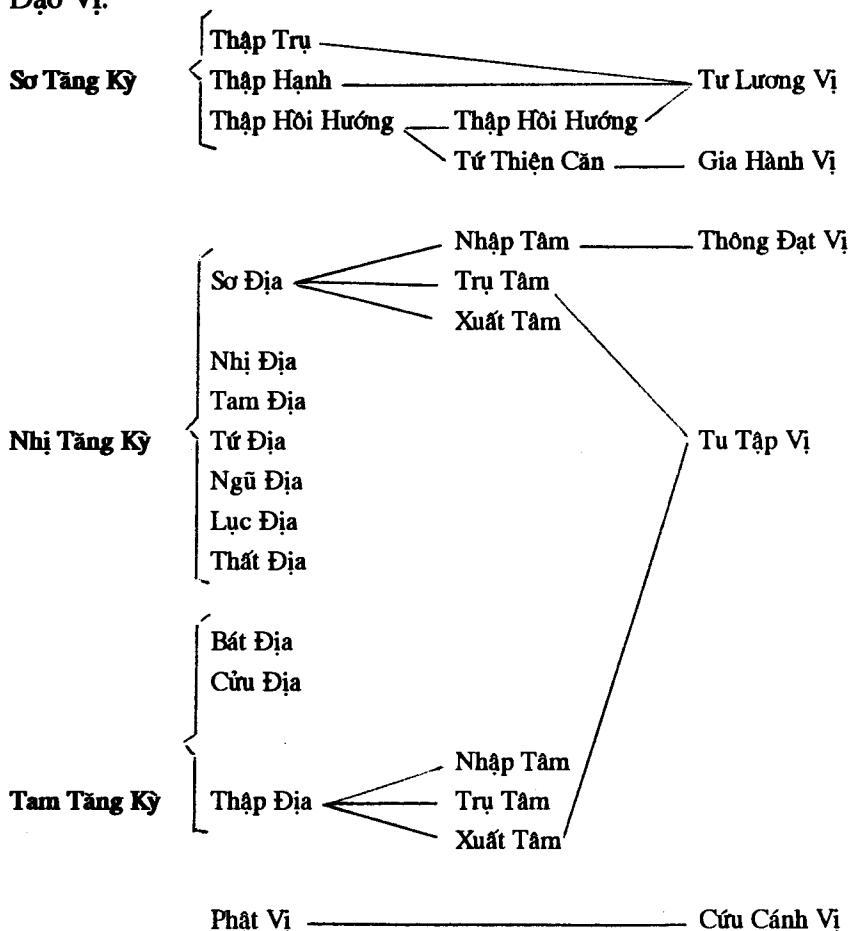
4 - Vị : Duy thức lập Tu Đạo Ngũ Vị. Quán tu lý Vạn Pháp Duy Thức, lập thành ngũ vị :

1) *Tư Lương Vị* : Vị tích trữ tư lương Phật đạo, ở địa tiền ba mươi tâm, Trụ, Hạnh, Hướng (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, tổng cộng ba mươi tâm).

2) *Gia Hành Vị* : Vị ở mức cuối của tam thập tâm, sắp vào vị Kiến đạo, nhưng còn phải phương tiện Gia Hành tu tứ thiện căn là Noãn, Đánh, Nhẫn và Thế Đệ Nhất Pháp.

3) *Thông Đạt Vị*: Vị thông đạt lý vô ngã nhị Không, ở nhập tâm của Sơ địa (Địa nào cũng đủ tam tâm, Nhập, Trụ và Xuất), tức hàng Kiến Đạo.

4) *Tu Tập Vị*: Vị tu tập Diệu Quán để đoạn trừ các dư chướng, từ hàng Trụ Tâm Sơ Địa đến Xuất Tâm Thập Địa, tức hàng Tu Đạo Vị.



5) *Cứu Cánh Vị* : Vị cứu cánh đoạn hoặc chứng lý, tức Vô Học Đạo Vị.

Nói rộng át thành Tam Tăng Kỳ Tứ Thập Nhất Vị do Pháp Tướng Tông lập thành (xem *Duy Thức Luận* quyển 19).

Nhân quả hợp có 41 vị, nếu trước Thập Trụ, khai thêm Thập Tín Vị, át thành 51 vị, ở cuối Thập Địa, khai thêm Đẳng Giác, thành 52 vị. Pháp Tướng Tông dùng 41 vị, Thiên Thai Tông dùng 52 vị, do sự khai hợp khác nhau.

5 - **Phàm Thánh Đồng Cư** : Một trong Tứ Độ, bốn loại cõi Phật (tứ chủng Phật độ), do Thiên Thai Tông lập ra :

1) *Phàm Thánh Đồng Cư Độ* : cõi này Nhân Thiên, phàm phu ở xen lẫn với hàng Thánh Duyên Giác, Thanh Văn, có cả tịnh lẫn uế, như Ta Bà thế giới là uế độ đồng cư, Tây Phương Cực Lạc là tịnh độ đồng cư.

2) *Phương Tiện Hữu Dư Độ* : là cõi của các bậc đoạn sạch Kiến Tư phiền não, ra khỏi sinh tử của Tam giới. Gọi là Phương Tiện vì đây là chỗ sinh về của hàng tu Tiểu thừa Phương Tiện đạo, đoạn trừ Kiến Tư hoặc, song còn gọi là Hữu Dư vì chưa trừ hết Trần Sa và Vô Minh hoặc.

Lại cõi này là trụ xứ của hàng Thất Phương Tiện, nên gọi là Phương Tiện Độ. Hàng Thất Phương Tiện gồm hai hàng Thanh Văn, Duyên Giác của Tạng giáo (Tạng giáo Bồ Tát, 34 tâm đoạn kết thành đạo, nơi hàng Bồ Tát, tợ chưa đoạn hoặc nên không sinh cõi này, vì vậy trừ ra không tính). Ba hàng Thanh, Duyên, Bồ Tát của Thông giáo, Bồ Tát của Biệt giáo và Bồ Tát của Viên giáo, cộng chung là bảy hạng.

Cõi này còn gọi là *Biến Dịch Độ*. Biến hóa Y thân của cõi Đờng cư, thành Y thân của cõi Phương Tiện. Sau đó lại biến Y thân của cõi Phương Tiện này, thành Y thân của cõi Thật Báo, nên gọi là *Biến Dịch Độ*.

Lại bảo có chín hạng sinh nơi cõi Phương Tiện, gồm Tạng giáo hai hạng Thanh Duyên, Thông giáo ba hạng Thanh Duyên Bờ, Biệt giáo ba hạng (đến Biệt giáo Bờ Tát Đệ Lục Trụ, đoạn Kiến Tư hoặc, nên Lục Trụ trở lên sinh Phương Tiện Độ, đó là một hạng, thêm Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng nữa là ba). Viên giáo một hạng (Viên giáo Bờ Tát Thập Tín Vị) lục căn thanh tịnh, đã đoạn Kiến Tư hoặc, báo mệnh đã hết, nên sinh nơi cõi Phương Tiện. Do đó Quán Kinh Diệu Tông Số Thượng nói : "*Chín loại hành nhân cùng sinh cõi này*".

Lại nói có năm hạng sinh nơi cõi Phương Tiện gồm Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán và Bích Chi Phật (ba quả Thanh Văn đầu chưa hết Tư hoặc, không thể sinh về Phương Tiện Độ, nên tất phải là A La Hán mới sinh được, song do nơi danh xưng Thanh Văn nên đề ra đủ Tứ quả). Văn Cú quyển sáu nói : "*Năm hạng này đoạn Thông hoặc, đồng sinh cõi này, đều là Bờ Tát. Năm hạng tức Tứ quả và Bích Chi Phật, là chỉ cho điều này vậy*". Lại trong Niết Bàn Kinh nói : "*Năm hạng này sinh Phương Tiện Độ, lần lượt theo thứ tự trải qua tám vạn, sáu vạn, bốn vạn, hai vạn, mười ngàn kiếp, phát Bồ Đề tâm*".

3) *Thật Báo Vô Chương Ngại Độ* : cõi Phương Tiện là Quả Báo Độ của hàng chứng Không lý. Trên nữa là Quả Báo Độ của hàng chứng một phần lý Trung Đạo, hành chân thật pháp, cảm được thắng báo (quả báo thù thắng). Sắc tâm không ngăn ngại nhau, nên gọi là Thật Báo Vô Chương Ngại Độ. Chốn trụ xứ thuần của

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

hàng Bồ Tát, không có phạm phu nhị thừa, chỉ toàn hàng Biệt giáo Bồ Tát Thập Địa trở lên và Viên giáo Thập Trụ trở lên.

4) *Thường Tịch Quang Độ* : Thường có pháp thân, vốn nơi bản thể thường trụ. *Tịch* nghĩa giải thoát, là hết thấy các tướng đều vĩnh tịch vậy. *Quang* nghĩa Bát Nhã, là Trí huệ chiếu soi các tướng. Tam đức này phủ trùm khắp, gọi là Tạng Bí Mật, là trụ xứ của chư Phật Như Lai.

6 - **Chân Đế** : Một trong Nhị Đế, gồm Chân Đế và Tục Đế.

1) *Chân Đế* : chỗ thấy lý tính chân thật của Thánh Trí là lìa hư vọng, nên gọi là Chân. Lý này quyết định không đổi không dời, nên gọi là Đế. Lại lý tính này nơi Thánh là Thật, nên gọi là Đế.

2) *Tục Đế* : chỗ thấy sự tướng thế gian của mê tình là pháp thuận theo mê tình phạm tục, nên gọi là Tục. Đạo lý của pháp phạm tục này, quyết không đổi dời nên gọi là Đế. Lại sự tướng này nơi Tục là thật, nên gọi là Đế.

Trong các kinh luận, Nhị Đế có nhiều danh xưng khác nhau. Chẳng hạn như Kinh Niết Bàn, Kinh Nhân Vương Bát Nhã gọi là *Thế Đế* và *Đệ Nhất Nghĩa Đế*. Kim Cương Bát Hoại Giả Danh Luận gọi là *Tục Đế* và *Chân Đế*, Du Già Luận và Duy Thức Luận gọi là *Thế Tục Đế* và *Thắng Nghĩa Đế*, song *Tục Đế* và *Chân Đế* được dùng nhiều nhất.

7 - **Phương Tiện Hữu Dư** : Xem chú thích số 5 ở trên.

8 - **Tục Đế** : Xem chú thích số 6 ở trên.

9 - **Thật Báo Vô Chương Ngại** : xem chú thích số 5 ở trên.

10- **Trung Đế** : Một trong Tam Đế, gồm Không Đế, Giả Đế và Trung Đế, do Thiên Thai Tông lập ra.

1) *Không Đế* chỉ bày đạo lý mọi sự vật do nhân duyên sinh, thể tính đều thật Không.

2) *Giả Đế* chỉ bày đạo lý thể tính tuy không, nhưng giả tướng thật tồn tại.

3) *Trung Đế* chỉ bày đạo lý nhất như, hai tính Không Giả bất nhị.

11 - Như Lai Tạng : Chân Như trong phiền não gọi là Như Lai Tạng. Chân Như ra khỏi phiền não gọi là Pháp thân. Theo phẩm Như Lai Tạng trong **Phật Tính Luận**, Tạng gồm ba nghĩa :

1) *Sở Nhiếp nghĩa* : Chân Như lập nơi chúng sinh vị, tất hàm chứa cả hai môn Hòa Hợp và Bất Hòa Hợp. Sinh mọi nhiễm pháp là Hoà Hợp Môn, sinh hết thấy tịnh pháp là Bất Hòa Hợp Môn. Tất cả các pháp nhiễm tịnh đều nhiếp nơi tính của Như Lai, tức Chân Như nên gọi là Như Lai Tạng. Nói cách khác, tức Chân Như nhiếp mọi pháp, Như Lai chứa hết thấy pháp vậy. **Lăng Già Kinh** quyển bốn ghi : "*Tạng của Như Lai là nhân thiện và bất thiện, thường hay biến khắp, hưng tạo hết thấy chúng sinh*". **Thắng Man Bảo Quạt hạ bốn** nói : "*Hết thấy chúng sinh không ra khỏi chỗ nhiếp của Như Như, nên gọi là Tạng ; tức chúng sinh là chỗ nhiếp của Như Lai vậy, đó là Như Lai chứa (tạng) chúng sinh*". **Khởi Tín Luận Nghĩa Ký Thượng** nói : "*Như Lai tạng tâm, hàm chứa cả hai môn Hòa Hợp, Bất Hòa Hợp, đó là ở chúng sinh vị, nếu ở Phật địa tất không có nghĩa Hòa Hợp*".

2) *Ẩn Phúc nghĩa* : Khi Chân Như ở trong phiền não, bị phiền não đậy che (ẩn phúc) Như Lai tính đức, khiến không hiển hiện được, nên gọi là Như Lai Tạng, là chúng sinh phiền não chứa (tạng) Như Lai. **Thắng Man Kinh** nói : "*Vô lượng phiền não tạng ràng buộc Như Lai tạng*". Lại nói "*Như Lai như vậy, pháp thân*

không lia phiền não tạng, gọi là Như Lai tạng". Lý Thú Ba La Mật Kinh nói : "Hết thấy hữu tình đều là Như Lai tạng".

3) Năng Nhiếp nghĩa : Chân Như tại phiền não, hàm nhiếp hết thấy công đức của các quả các địa, nên gọi là Như Lai tạng. Chiêm Sát Kinh hạ nói : "Lại nữa, tâm kia gọi là Như Lai tạng, vì đầy đủ vô lượng vô biên bất khả tư nghì các nghiệp vô lậu thanh tịnh". Khởi Tín Luận nói : "Như Lai Tạng, vì đầy đủ vô lượng tính công đức". Thuật Tán quyển hạ nói : "Tạng có nghĩa kho chứa. Tất cả công đức sở hữu của chư Phật đều nơi trong đó, nên gọi là Như Lai tạng. Công đức hiện hành chưa thể khởi, nên không gọi là Pháp Thân". Khởi Tín Luận Nghĩa Ký hạ bốn nói : "Khi ẩn hay xuất sinh Như Lai (Năng nhiếp nên xuất sinh vậy), nên gọi là Như Lai tạng. Khi hiển là chỗ y chỉ của vạn đức, nên gọi là Pháp Thân".

12 - Lục Tức : Phạm hành vị của Bồ Tát Đại thừa, có Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hành, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác, cộng chung 52 vị như Hoa Nghiêm Kinh đã kể. Thiên Thai Tông gọi đây là hành vị của Biệt giáo Bồ Tát, và lập riêng hành vị của Viên giáo Bồ Tát, là Lục Tức vị.

1) Lý Tức : Hết thấy chúng sinh đều có Phật tính, hữu Phật vô Phật, tính tướng thường trụ. Lại một sắc, một hương nhất nhất đều là Trung đạo. Lý tính tuy như vậy, song vì chưa được nghe nên chưa được biết điều này, do vậy nên đồng phạm phu, chỉ bằng Phật ở nơi lý tính, do vậy gọi là Lý Tức.

2) Danh Tự Tức : hoặc từ Tri Thức, hoặc từ Kinh điển được nghe đạo Nhất Thật Bồ Đề như đã nói ở trên, mà thông đạt liễu giải trên danh tự, biết hết thấy đều là Phật Pháp, đều có thể thành Phật.

DI GIÁO TAM KINH

3) *Quán Hành Túc* : Chẳng những hiểu trên danh từ, còn tu hành theo giáo pháp, tâm quán rõ ròi, lý huệ tương ứng, ngôn hành đồng nhất. Vị này tu Tùy hỷ, đọc tụng các thứ Ngũ Phẩm (trong Kinh Pháp Hoa) Quán Hành gọi là Ngũ Phẩm Đệ Tử Vị.

4) *Tương Tợ Túc* : Mới nhập vào Vị Thập Tín của Biệt giáo, phát loại tợ Quán Hành Chân Vô Lậu. Nhập vị này tất đắc công đức lục căn thanh tịnh như Kinh Pháp Hoa nói, nên gọi là Lục Căn Thanh Tịnh vị.

5) *Phần Chân Túc* : nương Quán lục của Tương Tợ, phát Chân Trí, mới bắt đầu đoạn một phần vô minh, thấy được Phật tính, mở Bảo tạng, hiện Chân Như, gọi là Phát Tâm Trụ, từ đó về sau từ Cửu Trụ cho đến Đẳng Giác, cả thấy 41 vị, phá từng phần 41 phẩm vô minh, thấy từng phần pháp tính.

<i>Lý Túc</i>	Chỉ đủ Phật tính	Ngoại phẩm		
<i>Danh Tự Túc</i>	Chỉ hiểu tên của Phật tính			
<i>Quán Hành Túc</i>	Ngũ phẩm đệ tử vị	Ngoại phẩm	Nội phẩm	Bát Vị
<i>Tương Tợ Túc</i>	Thập Tín vị (Lục căn thanh tịnh)	Nội phẩm		
<i>Phần Chứng Túc</i>	Thập Trụ Vị Thập Hành Vị Thập Hồi Hương Vị Thập Địa Vị Đẳng Giác Vị	Nhân Thánh		
<i>Cửu Cảnh Túc</i>	Diệu Giác Vị	Quả Thánh		

6) *Cứu Cánh Tức* : phá phẩm vô minh cuối thứ 42, phát khởi Giác Trí cứu cánh viên mãn, tức Diệu Giác vậy.

Lục chỉ cho thứ tự trước sau, sâu cạn ; *Tức* có nghĩa Lý Vị tức là Danh Tự Vị, cho đến chính là Cứu Cánh Vị, hiển trước sau không khác. Tuy do Trí (ngộ) Tình (mê) có sâu cạn, mà có sáu loại khác biệt, song thể tính của chúng không hai mà chính là (Tức).

CHƯƠNG BA

Phật dạy, cạo bỏ râu tóc, trở thành Sa Môn, lãnh thọ đạo pháp, vứt bỏ của cải thế gian, chỉ cầu tạm đủ. Mỗi ngày một bữa ăn giữa trưa, một giấc ngủ dưới cây, cẩn thận không nên nhiều hơn như vậy. Làm cho người bị ngu dốt ngăn che, chính là ái và dục đó vậy.

Chương thứ ba này tán thán thắng hạnh đầu đà (*), cho hạnh này là thuật quan trọng để chứng đạo quả. Văn trước đã nói, chẳng phải tu, chẳng phải chứng, e người hiểu lầm, chấp tính bỏ tu, nên nay đặc biệt nêu rõ hạnh quét bụi trần này là phương thức trừ dục bỏ ái. Giống như gương cũ, tuy bị che mất sự sáng soi, nhưng hễ lau chùi, tất được sự trong sáng.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG BA

(*) **Đầu Đà** : Phạm ngữ Dhùta, âm Đỗ Trà, dịch là **Đầu Tẩu**, **Đầu Giản**, **Đào Thái**, **Hoán Tẩy**. Có nghĩa hành pháp quét trừ ba món tham trước : y phục, ẩm thực và trụ xứ.

Đại thừa Nghĩa Chương quyển 15 nói : "*Đầu Đà là phạm ngữ, dịch là Đầu Giản (quét trừ), là hạnh liã tham trước, lấy dụ làm tên, như y phục quét phủi trừ được bụi cấu, tu tập hạnh này, xả được tham trước, nên gọi là Đầu Giản*".

CHƯƠNG BỐN

Phật dạy, chúng sinh lấy mười điều làm thiện, cũng lấy mười việc làm ác. Những gì là mười ? Thân ba, khẩu bốn, ý ba. Thân ba là sát sinh, trộm cắp và dâm dục. Khẩu bốn là nói dối, nói lời ác, nói dối và nói thêu dệt. Ý ba là tật đố, sân khuyển và si mê. Mười việc như vậy, không thuận thánh đạo, gọi là mười ác hạnh. Nếu ngưng các ác này, gọi là mười điều lành (thiện hạnh).

Chương thứ tư này, chỉ rõ thiện ác vô tính như trở bàn tay. Sinh tử hay Niết Bàn đều do ba nghiệp này, chẳng phải từ thứ gì khác. Dứt mạng sống của vật khác gọi là sát sinh ; không cho mà lấy gọi là trộm cắp ; hai bên giao hợp với nhau gọi là dâm dục ; gây não loạn đời bên gọi là lưỡi đời chiều ; chửi rửa máng nhấc gọi là ác khẩu (lời nói ác) ; tâm khẩu trái nhau gọi là nói dối ; lời nói nông nổi vô nghĩa gọi là ý ngữ (thêu dệt) ; tham

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

muốn bỏn xẻn, khó chịu khi người khác có lợi, đó gọi là **tật**. Hung hăng tàn nhẫn, ôm thù kết oán, gọi là **khúe**; nơi các sự lý đui mù không hiểu, gọi là **si**.

Bảy điều về thân khẩu chỉ là nghiệp đạo. Ba điều về ý thuộc phiền não đạo. Do hoặc tạo nghiệp tất chiêu quả khổ, chịu bao đời dính mắc trong ba cõi, nên không thuận với Thánh đạo. Nếu ngưng các ác này, gọi là mười điều thiện, thí như phá bóng tối thì là ánh sáng, hễ băng tan thì thành nước. Song ác đã có Sự ác Lý ác, nên khi trở ác thành thiện, cũng có Sự thiện Lý thiện. Trong Sự thiện, thì hạ phẩm của thập thiện là nhân của Tu La, trung phẩm là nhân của Nhân đạo, thượng phẩm là nhân của Thiên đạo. Trong Lý thiện, thì Chân Đế thiện là nhân của nhị thừa, Tục Đế thiện là nhân của Bồ Tát, Trung Đế Thiện là nhân của Phật thừa. Ba lý thiện này, đều gọi chung là Thượng Thượng phẩm của thập thiện, bởi vì hành Sự thiện chưa hẳn đã đạt được Lý thiện, nhưng nếu hành Lý thiện tất gồm đủ trọn vẹn Sự thiện.

CHƯƠNG NĂM

Phật dạy, người có nhiều tội lỗi không biết tự hối (đề) mau ngừng tâm quấy, tội đến nơi thân như nước về biển, lâu dần thêm nhiều. Nếu người có lỗi, tự hiểu, biết quấy, đời ác

thành thiện, tội tự tiêu diệt, như bệnh được ra mồ hôi, từ từ hết bệnh.

Chương thứ năm này, thừa ý chỉ ác hành thiện của phần trên mà khuyến khích sửa lỗi lầm, làm thành thiện. Có tội không hối, khác nào nước chảy về biển, một ngày một nhiều. Biết lỗi liền sửa, giống như bệnh được ra mồ hôi, tự trừ được các tà khí xâm nhập.

CHƯƠNG SÁU

Phật dạy, kẻ ác nghe điều thiện, thường đến quấy phá. Nên phải tự cấm ngăn, đừng sinh tâm giận trách, kẻ đến gây ác sẽ tự bị ác hại.

Chương thứ sáu này, nêu rõ thiện năng thắng ác, và ác không phá được thiện. Văn trên khuyên người chỉ ác hành thiện, sửa lỗi hướng thiện. Lại e có người ngu, sợ kẻ ác gây rối mà không dám hành thiện, nên răn trước bằng cách nói phải cẩn thận đừng giận trách kẻ ác, bởi lẽ ác kia nơi gã nọ, không dính dấp gì đến ta. Như gương sáng hiện khuôn mặt xấu, do mặt kia tự xấu, còn gương có xấu bao giờ. Hơn nữa, vừa sinh tâm giận trách, ác của kẻ kia đã nhiễm sang mình, thành ác của ta mất rồi.

CHƯƠNG BẢY

Phật dạy, có người nghe ta giữ đạo, hành đại nhân từ, nên đến mắng Phật. Phật im lặng không đáp, mắng xong mới hỏi : "Ông mang lễ đến cho ai, người ta không nhận, lễ trở về ông chẳng ?" Đáp rằng : "Về tôi". Phật nói : "Nay ông mắng tôi; tôi chẳng hề nhận, ông hãy tự mang họa kia trở về thân ông". Do như âm vang theo tiếng, ảnh theo hình, chung cục không sao rời nhau được, nên phải cẩn thận, đừng nên làm ác.

Chương thứ bảy này minh chứng cho điều kẻ đến gây ác sẽ tự chịu ác của chương trước. Nay bị người mắng nhiếc, tươi tỉnh không giận, như nhận thiệp cảm tạ, coi như kẻ kia mắng đúng vậy. Nghĩ xem nghĩ xem. Hoặc hỏi : "Phật đã đại từ, sao không khiến cho người mắng kia khỏi họa ?". Đáp rằng : "Phật há muốn cho họ bị họa, đó là do họ từ vời họa hoạn". Nay khuyên người nên cẩn thận đừng làm ác, đó là trừ ác tận gốc rễ, từ bi vô cùng vậy.

CHƯƠNG TÁM

Phật dạy, kẻ ác hại người hiền, như giữa mặt phun nhỏ, nhỏ chưa tới trời đã rơi lại mình. Như ném cát ngược gió, cát không tới người, trở ngược lại làm như thân mình. Người hiền không thể hủy hoại được, nên tai họa tất phải diệt mất.

DI GIÁO TAM KINH

Chương thứ tám này, khuyên ngăn kẻ ác không nên hại người hiền, cùng ngợi khen người hiền.

Nếu thực là người hiền, khác nào trời cao, ngược gió, những thứ dơ dáy, cát bụi kia làm sao tới được. Nếu còn bị hủy hoại được, ắt chưa thật hiền.

CHƯƠNG CHÍN

Phật dạy, mến đạo nghe nhiều, khó hiểu được đạo, thủ chí hành đạo, đạo đó lớn nhất.

Chương chín này khuyên răn người học đạo tu hành, nghe pháp phải tư duy, tư duy rồi phải tu, không nên chỉ quý và coi trọng cái học nơi miệng và tai. Nghe nhiều là không biết tùy theo văn mà nhập quán, chỉ mong cố nhớ lời nói không thôi. Mến đạo là chẳng rõ đạo vốn tức tâm, mãi vọng cầu đạo ngoài tâm. Thủ chí là niệm niệm xu hướng Bồ Đề, không bị tâm danh lợi xen tạp. Phụng đạo (hành đạo) là niệm niệm thể hội nguồn tâm, không còn cầu tìm bên ngoài nữa.

CHƯƠNG MƯỜI

Phật dạy, thấy người bố thí, vui vẻ trợ giúp, được phúc vô cùng. Sa Môn hỏi rằng : Phúc này hết chẳng ? Phật dạy : Giống như lửa ngọn đuốc, dù trăm ngàn người mang đuốc đến chia lấy, nấu ăn trừ tối, lửa nơi đuốc này vẫn y như cũ. Phúc cũng như vậy.

Chương mười này chỉ rõ công đức tùy hỷ, mình và người đều có lợi ích, được phúc không cùng tận. Bồ thí có ba :

- Thứ nhất *Tư Sinh thí* (tài thí), dùng tiền của cấp phát cho kẻ nghèo cùng.
- Thứ hai *Vô Úy thí*, trừ diệt nỗi âu lo khốn khổ trong cơn hoạn nạn của người.
- Thứ ba *Pháp thí*, dùng tam học (1) giúp người được tứ ích (2).

Chẳng những tự mình hành ba loại thí được phúc vô kể, mà ngay đến chỉ thấy người hành thí, tán trợ vui vẻ, phúc cũng không hết. Sa Môn hỏi là để giải nghi, vì e người ngu đương hành bồ thí, thấy người tùy hỷ, sợ người chia mất công đức của mình, nên lấy lửa đốc làm thí dụ cho họ hiểu rõ. Bởi vì chẳng những không bớt đi mấy may phúc nào của mình, mà phúc báo kia triển chuyển thêm thù thắng.

Xưa có hai người hái hoa, một người tự đem cúng Phật, người kia cho người khác đem cúng Phật, khi hỏi Di Lặc, Di Lặc đáp rằng : "*Người tự cúng thành quả Bích Chi Phật, người cho thiên hạ thành Vô Thượng Bồ Đề*". Bởi vì riêng vui không bằng cùng cho người, cho ít không bằng cho nhiều. Đạo xuất thế gian đều luôn như

vậy. Nấu chín thức ăn (thực thực) dụ cho thành quả Thánh, trừ tối dụ cho phá tam chương.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG MƯỜI

1 - Tam học : Tức Tam Vô lậu Học gồm Giới, Định, Huệ. Nơi thân phàm phu là hữu lậu, nơi thân Thánh là vô lậu. Lăng Nghiêm Kinh quyển sáu : "*Nhiếp tâm là giới, do giới sinh định, do định phát huệ, đó là Tam Vô Lậu Học*".

2 - Tứ Ích : Kinh Kim Quang Minh nói "*Bấy giờ Hư Không Bỏ Tất cùng Phạm Thích chur thiên bạch Phật : Nếu quốc độ nào có người khéo giảng nói kinh điển vi diệu này, nơi quốc độ đó sẽ được bốn lợi ích :*

- Xứ sở được an lạc,
- Vua quan thần dân hòa hợp,
- Người trong nước được thịnh vượng sống lâu,
- Pháp sư tự lợi và lợi người."

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Phật dạy, cúng cho một trăm người ác không bằng cúng một người thiện, cúng một ngàn người thiện không bằng cúng cho một người giữ năm giới, cúng vạn người năm giới không bằng cúng một vị Tu Đà Hoàn, cúng trăm vạn Tu Đà Hoàn không bằng cúng một vị Tư Đà Hàm, cúng ngàn vạn Tư Đà Hàm không bằng cúng một vị A Na Hàm, cúng một ức A Na Hàm không bằng cúng một vị A La Hán, cúng mười ức A La Hán không bằng cúng một vị Bích Chi Phật, cúng trăm ức Bích Chi Phật không bằng cúng một tam thế

chư Phật, cúng ngàn ức tam thế chư Phật không bằng cúng một vị Vô Niệm (1), Vô Trụ (2), Vô Tu, Vô Chứng (3).

Chương mười một này so sánh phúc điền hơn kém không đều, để người ta biết mà quy hướng. Một thiện hơn trăm ác, bày chỗ dễ trước để dễ hiểu. Một người giữ năm giới hơn ngàn người thiện, vì người thế phụng hành thập thiện chỉ theo pháp xưa, không lấy Tam Quy làm thế, nên không thành tựu bờ bến xuất thế, nếu thọ Tam Tự Quy, phụng trì năm giới, làm đệ tử Phật, liền biết các môn Tứ Đế, Tứ Niệm Xứ, nên trong đời này mới có thể chứng đắc được Tam quả, vì vậy hơn người thường đến trăm ngàn lần. Một vị Tu Đà Hoàn thắng hơn vạn người giữ ngũ giới, Tu Đà Hoàn đã đoạn trừ kiến hoặc, dự vào hàng Thánh, nên trội hơn xa hàng nội ngoại phàm. Một vị Tư Đà Hàm thắng hơn trăm vạn Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm đã đoạn sáu phẩm Tư hoặc của Dục giới, phiền não vơi dần, khiến bậc Tu Đà Hoàn, khi chưa tu thắng tiến hạnh, không sao biết được cảnh giới của nhị quả, nói chi đến được. Một A Na Hàm thắng ngàn vạn Tư Đà Hàm, A Na Hàm đã đoạn trừ chín phẩm Tư hoặc của Dục giới, khiến ngàn vạn Tư Đà Hàm cũng không biết được cảnh giới của quả thứ ba, hướng hồ là tới được. Một A La Hán thắng ức A Na Hàm, vạn vạn gọi là ức. A La Hán trừ sạch Kiến,

Tư, siêu xuất tam giới, chẳng phải là chỗ của ba quả có thể biết, có thể đến được. Bích Chi Phật có hai loại :

- thứ nhất ra đời nhằm lúc còn Phật, do giáo pháp Thập Nhị Nhân Duyên, ngộ đạo trừ tập khí, gọi là *Duyên Giác* ;

- thứ hai ra đời lúc không còn Phật, quán sát mọi vật đều là huyễn hóa, tự ngộ pháp vô sinh, đoạn kết trừ tập khí, gọi là *Độc Giác*.

Do vì A La Hán chỉ đoạn trừ chính sử, Bích Chi Phật còn thêm trừ sạch các tập khí, nên một Bích Chi Phật thắng mười ức A La Hán. Tam thế chư Phật là nói theo tạng đầu Phật quả, tu hành Lục Độ ba đại A tăng kỳ kiếp, các tập khí đều đã đoạn trừ hết, lợi ích cho vô lượng chúng sinh, nên một Phật thắng hơn trăm ức Bích Chi Phật. Người Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng, chỉ từ sơ trụ trở lên trong Viên giáo, cũng có thể kiêm nhiếp sơ địa của Biệt giáo, Phật địa của Thông giáo. Bởi vì Thông giáo thể sắc nhập Không, biết tất cả pháp vô tính nên niệm tức vô niệm, trụ tức vô trụ, tu tức vô tu, chứng tức vô chứng, đến khi thành Phật có thể thị hiện thân cao lớn nhất nơi trời Sắc Cứu Cánh, thống lãnh ba ngàn thế giới, riêng Hoan Hỷ địa, Viên Mãn Phát Tâm Trụ, đều đã phần chứng pháp thân, nên đều có thể thị hiện làm Phật nơi trăm cõi, đủ Bát Tướng

Thành Đạo (4), cho nên cúng một vị này thắng hơn ngàn ức Tam Thế Chư Phật. Lại nữa tám bậc trước đều nói về điền, bậc thứ chín này tức nói về tâm. Bởi lẽ chưa đạt được hết các pháp, niệm vốn vô niệm, trụ vốn vô trụ, tu vốn vô tu, chứng vốn vô chứng, nên trong pháp bình đẳng, phân hơn phân kém. Nếu liễu đạt được diệu lý vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng, thì dưới từ kẻ ác trên đến chư Phật, ai cũng là bậc vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng. Cho nên người cúng Phật thức ăn, Phật thí lại cho chó đói, công đức không khác. Duy Ma dâng một phần lên Nan Thắng Như Lai, một phần bố thí cho người ăn xin thấp hèn nhất, phúc vẫn bằng nhau. Như không rõ sự sai biệt hơn kém của phúc, ắt không hiển bày được chỗ quý và đầy đủ của sự tu đức. Nếu không thấu triệt được chúng sinh và Phật vốn tự bình đẳng, tất không sao ngộ được uyên nguyên của tính đức. Đó là nói thường đồng thường khác, thường khác thường đồng, pháp giới pháp nhĩ (5), vì diệu pháp môn.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG MƯỜI MỘT

1 - Vô Niệm : tức tên khác của Chính niệm, không vọng niệm vậy. Tông Cảnh Lục quyển tám : "*Chính niệm là vô niệm mà biết, nếu thực không biết sao thành chính niệm*".

2 - Vô Trụ : Pháp vô tự tính, vô tự tính nên vô sở trụ, chỉ tùy duyên mà khởi, nên gọi là vô trụ. Do vậy vô trụ là gốc của vạn

hữu. Kinh Duy Ma, phẩm Quán Chúng Sinh nói : " Từ gốc vô trụ lập hết thấy pháp". Kinh Duy Ma Cật Chú ghi : " Pháp vô tự tính, cảm duyên mà khởi, khi chưa phát khởi, đâu biết chỗ ở (của pháp đó), không biết chỗ ở nên vô sở trụ ; do vô sở trụ, tất chẳng phải hữu vô, chẳng phải hữu vô, song là gốc của hữu vô". Tông Cảnh Lục quyển tám : " Văn Thù Sư Lợi nói : từ gốc vô trụ lập hết thấy pháp. Ngài Tăng Duệ chú thích : vô trụ là tên khác của Thật Tướng, Thật Tướng là tên khác của tính Không".

3 - Vô Tu Vô Chứng : Bạc vô vi chân nhân lia tu chứng lẫn tình niệm. Thiên Thai gọi những người có tính đức vô tác này là bạc vô tu vô chứng.

4 - Bát Tướng Thành Đạo : Đức Phật lấy thành đạo là trung tâm, thị hiện các tướng trạng từ đầu đến cuối, gọi đó là Bát Tướng Thành Đạo. Thành Đạo tuy là một trong tám tướng, song là chủ não của bát tướng, nên lấy Thành Đạo làm danh xưng cho bát tướng. Đại Thừa Khởi Tín Luận kể ra :

1) *Giáng Đầu Suất* : ban đầu trụ ở trời Đầu Suất bốn ngàn năm, thấy thời cơ đã đến, liền hiện tướng cưỡi bạch tượng từ Đầu Suất giáng trần.

2) *Nhập Thai* : Tướng cưỡi bạch tượng nhập thai nơi hông trái của Ma Gia phu nhân.

3) *Trụ Thai* : Tướng trong mấu thai đi đứng nằm ngồi, một ngày sáu thời thuyết pháp cho chư Thiên.

4) *Xuất Thai* : Tướng xuất sinh vào ngày mùng tám tháng tư từ hông phải Ma Gia tại vườn Lâm Tì Ni.

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

5) *Xuất Gia* : Tướng xuất gia vào chốn núi rừng học đạo, khi quán thấy sự vô thường của thế gian, vào năm 19 tuổi (hoặc 25 tuổi).

6) *Thành Đạo* : Tướng thành đạo dưới cội cây Bồ Đề, sau sáu năm khổ hạnh.

7) *Chuyển Pháp Luân* : Tướng thuyết pháp độ sinh suốt 49 năm (hoặc 55 năm), sau khi đã thành đạo.

8) *Nhập Niết Bàn* : Tướng nhập Niết Bàn dưới cây Ta La Song Thọ năm 80 tuổi.

Theo Tứ Giáo Nghi của Thiên Thai Đại Sư, không có Trụ Thai song thêm vào tướng *Hàng Ma*. Tứ Giáo Nghi quyển bốn nói : "Giải thích Bồ Tát vị lược chia làm bảy vị :

- 1) Phát Bồ Đề tâm,
- 2) Hành Bồ Tát đạo,
- 3) Gieo trồng nghiệp nhân của 32 tướng,
- 4) Thành tựu lục độ,
- 5) Nhất sinh bố xứ,
- 6) Sinh Đâu Suất thiên,
- 7) Bát tướng Thành Đạo (lược bớt) gồm từ trời Đâu Suất xuống - Thác thai - Xuất sinh - Xuất gia - Hàng Ma - Thành Đạo - Chuyển Pháp Luân - Nhập Niết Bàn.

Thuyết đầu theo Luận Khởi Tín, được gọi là *Đại Thừa Bát Tướng*, thuyết sau theo Tứ Giáo Nghi, được gọi là *Tiểu Thừa Bát Tướng*. Song hai loại bát tướng này chỉ do khai hợp bất đồng, nào có khác biệt giữa hai thừa.

Phật Tổ Thống Ký quyển hai : "Đại Thừa khai Trụ Thai, hợp Hàng Ma với Thành Đạo ; Tiểu Thừa khai Hàng Ma, hợp Trụ Thai với Thác Thai. Trụ Thai xem Khởi Tín Luận, Hàng Ma xem Tứ Giáo Nghi. Song đại tiểu đều có đề đến Trụ Thai lẫn Hàng Ma". Như Kinh Hoa Nghiêm nói : "Bồ Tát trụ mẫu thai rồi, thị hiện Xuất Gia các tướng". Đó là trụ thai của Đại Thừa. Nhân Quả Kinh nói : "Bồ Tát tại mẫu thai, đi đứng nằm ngồi, một ngày sáu thời, thuyết pháp cho chư thiên và quỷ thần." Đây là Trụ Thai của Tiểu thừa. Hoa Nghiêm Kinh, phẩm Ly Thế Gian : "Bồ Tát Xuất gia, Hàng ma, Thành đạo, Chuyển Pháp luân..." Diệu Lạc nói : "Mỗi tứ đức đều có tứ tướng hàng ma". Đó là Hàng Ma của Đại Thừa. Nhân Quả Kinh : "Đã hàng ma rồi, liền nhập thiền định, khi sao mai mọc, thành đạo chính giác. Đây là Hàng ma của Tiểu thừa.

Nay muốn nói cho thuận Bát Tướng, phải dùng văn khai hợp của Khởi Tín và Tứ Giáo Nghi làm chứng".

5 - Pháp Nhĩ : Đồng với Tự Nhĩ, Pháp Nhiên, Thiên Nhiên, Tự Nhiên. Không dựa vào thứ khác tạo tác, pháp này tự nhiên vậy, như lửa nóng, nước ướt vậy. Tông Viên Ký quyển bốn : "Pháp nhĩ là nói pháp này tự như vậy, không cấu tạo, nên nói là tự nhiên".

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Phật dạy, người ta có hai mươi điều khó làm :

- Bản cùng bố thí là khó ;
- Giàu sang học đạo là khó ;
- Bỏ thân phải chết này là khó ;
- Được gặp kinh Phật là khó ;
- Sinh gặp thời Phật là khó ;

- Nhấn sắc, nhấn dục là khó ;
- Thấy điều tốt không cầu là khó ;
- Bị nhục không sân là khó ;
- Có quyền không lấn người là khó ;
- Xúc sự vô tâm là khó ;
- Học rộng nghiên cứu nhiều là khó ;
- Trừ diệt ngã mạn là khó ;
- Không khinh người chưa học là khó ;
- Tâm hành bình đẳng là khó ;
- Không nói thị phi là khó ;
- Gặp thiện tri thức là khó ;
- Kiến tính học đạo là khó ;
- Tùy hóa độ nhân là khó ;
- Thấy cảnh không động là khó ;
- Thiện giải phương tiện là khó.

Chương mười hai này lược nêu lên hai mươi điều khó, để khuyên răn vậy. Thuận theo thế tình thì dễ, trái thế tình thì khó. Song nếu có thể phát quyết tâm mạnh mẽ, thì tuy khó mà dễ, còn chỉ thuận theo thế tục, thì có dễ cũng thành khó.

Phàm nghèo khổ mà dám bố thí là khó, nên dầu chỉ thí chút đỉnh cũng được phúc rất nhiều, nên cố gắng bố thí vậy. Nhưng hiện nay thấy rất nhiều người nghèo biết bố thí, trái lại nhiều người giàu không chịu bố thí, do nơi bôn xén vậy. Giàu có học đạo khó, cứ xem chuyện bố thí đủ biết. Con người quý trọng nhất cái thân này, nên

dám xả thân này, tất là việc không thể làm nổi. Nhưng lại nghe, chưa từng có người sợ chết lo giữ thân mạng mà được sống hoài không chết, nên cần gì mà tham tiếc. Kinh Phật khó gặp, nay may được thấy kinh Phật, nếu không suy đến cùng lý, thấu rõ tinh túy, thì khác gì kẻ không gặp. Khó sinh gặp Phật, nay may gặp đời có Phật, mà không tiến tu kịp thời, khác nào thời không có Phật. Sắc dục tuy là điều ưa thích của tình ái, song xét kỹ thì vui ít khổ nhiều, hoặc quán sắc dục như huyễn như ảnh, tất không khó nhẫn chế. Nếu thấy tốt không cầu, là biết điều đó vị tất đã cầu được, nên tâm tham phải ngừng. Nếu khi bị nhục, chỉ lấy tình khoan thứ lỗi lý, ý sân tất tự lắng xuống. Coi phú quý như sương đầu ngọn cỏ, làm sao có thể cậy quyền lấn người được. Quán cảnh giới và mọi sự chẳng khác duyên trong mộng, hà tất mệt trí sắp xếp lo toan. Học rộng mà không xét sâu, như vào biển lớn không có kim chỉ nam, làm thế nào có thể hội lý. Cậy tài học mà sinh ngã mạn, như đổ đất mềm để bón lúa đề bại, trở hại lúa tốt.

Phật thường dạy có bốn thứ không được xem thường :

- Thứ nhất là lửa, dầu nhỏ cũng không được lơ là.
- Thứ hai là rồng, tuy nhỏ song đừng nên coi thường.
- Thứ ba là Vương tử, tuy nhỏ nhưng không được xem thường.

- Thứ tư là Sa môn, tuy trẻ song đừng nên coi thường.

Nay khinh thường người mới học, là do chưa biết điều không nên xem thường. Tâm bình đẳng át cúng Nan Thắng Như Lai, phúc cũng đồng với cúng gã ăn xin nghèo hèn. Hết thị phi, tất hết cả mọi pháp đều là Phật pháp. Chưa bỏ hết tình kiến thị phi, quyết không thể thấy được pháp giới (1), chân thiện tri thức (2). Không thấy được thật tính của tâm nơi một niệm hiện tiền, quyết không thể học đạo vô thượng. Không học đạo xứng tính Quyền Thật (3), không thể tùy hóa độ nhân. Chưa đạt được phương tiện tùy hóa độ nhân, làm sao có thể nhìn sự cảnh Thật Pháp Giới (4) mà vẫn nhất tâm bất động. Nếu không thể trong mỗi một pháp giới, thấy đủ sự lý của tất cả pháp giới, làm sao khéo hiểu Phương Tiện Đồng Thể (5) được. Nên biết hai mươi điều này, càng sau càng khó hành hơn trước vậy.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG MƯỜI HAI

1 - **Pháp Giới** : Phạn ngữ Đạt Ma Đà Đò (Dharmadhātu), dịch là Pháp giới, hoặc Pháp tính, hay Thật Tướng. Pháp giới rất nhiều nghĩa, chỉ lấy hai nghĩa giải thích một là về sự, hai là về lý.

- Theo Sự, pháp là các pháp, giới là phân giới. Chư pháp đều có tự thể, song phân giới không đồng, nên gọi là pháp giới. Nhưng pháp giới thì mỗi một pháp đều gọi là pháp giới, gộp chung vạn hữu cũng gọi là một pháp giới. Là Sự pháp giới trong bốn loại

Pháp giới do Hoa Nghiêm Tông phán định. Thiên Thai Tông dựa vào Tục Đế giải thích Thập Phương Giới, chính là nghĩa này.

Kinh Bồ Tát Anh Lạc Bốn Nguyên quyển thượng : *"Vô minh gọi là không hiểu các pháp, mê pháp giới nên sinh khởi nghiệp quả Tam giới".* **Chỉ Quán quyển năm :** *"Mười pháp này, mỗi một nhân, mỗi một quả, không lẫn qua nhau nên gọi là Thập Pháp giới".*

3 - Thiện Tri Thức : Tri Thức có nghĩa *tri kỳ tâm thức* (biết rõ tâm thức), biết hình trạng, biết người mới là nghĩa của bằng hữu. Chẳng phải nói sự bác tri bác thức (kiến thức). *Thiện* có nghĩa ích lợi cho ta, đưa ta đến đường thiện.

Pháp Hoa Văn Cú quyển bốn : *"Văn danh là Tri, Kiến hình là Thức, là cho người ta sự lợi lạc của Bồ Đề Đạo, gọi là Thiện Tri Thức".* **Pháp Hoa Kinh, phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương :** *"Thiện Tri Thức là đại nhân duyên. Là gọi sự hóa đạo, khiến được thấy Phật, phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề".*

Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tạp Sự chép : *"A Nan Đà thưa : Người tu hành nhờ sức thiện hữu mới thành tựu được. Nhờ gặp thiện hữu, xa rời bạn dữ, do nghĩa này mới biết thiện hữu là bán phạm hạnh. Phật nói : A Nan Đà, không nên nói như vậy "thiện tri thức là bán phạm hạnh". Tại sao vậy ? Thiện tri thức là toàn phạm hạnh, vì nhờ họ mà xa lìa được ác tri thức, không tạo các ác, thường tu các thiện, thuần nhất thanh bạch, trọn đủ tướng phạm hạnh. Do nhân duyên này, nếu được thiện hữu đồng trụ, cho đến Niết Bàn cũng sẽ thành tựu, nên gọi là toàn phạm hạnh".*

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

3 - **Quyền thật** : Pháp thích hợp với cơ nghi nhất thời gọi là *Quyền pháp*, cứu cánh bất biến gọi là *Thật*. **Chỉ Quán** quyền tam hạ : "*Quyền là quyền biến, tạm dùng rồi bỏ. Thật là chân thật, chỗ quy chung cục*".

4 - **Thập Pháp Giới** : Hiến giáo y kinh **Pháp Hoa** cho Thập Pháp Giới gồm : Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, A Tu La, Nhân, Thiên là sáu phàm, cộng với bốn Thánh là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Mật giáo y kinh **Lý Thú Thích** cho Thập Pháp Giới gồm năm phàm là Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Nhân, Thiên và năm Thánh là Thanh Văn, Duyên giác, Bồ Tát, Quyền Phật và Thật Phật.

5 - **Đồng Thể Phương Tiện** : Còn gọi là **Thể Nội Phương Tiện**, một trong Nhị Chủng Phương Tiện. Thiên Thai Tông giải thích hai chữ *Phương Tiện* của Pháp Hoa Kinh. Gọi *Phương* là bí mật, *Tiện* là diệu, tức *Bí Mật Diệu Nghĩa* vậy. Bởi lẽ các phương tiện trước của Pháp Hoa là phương tiện đối với chân thật, ngoài phương tiện có chân thật, do vậy gọi đó là **Thể Ngoại Phương Tiện**. Nay phương tiện của tam thừa, tức hiển thật pháp Nhất thừa, đó mới chính là những điều trong Phẩm Phương Tiện nói, nên gọi đó là **Thể Nội Phương Tiện** hay **Đồng Thể Phương Tiện**, là diệu nghĩa bí mật. Bởi thuở giờ không rõ, nay mới được nghe nói nên gọi là bí diệu.

CHƯƠNG MƯỜI BA

Sa Môn hỏi Phật : "Do nhân duyên nào biết được túc mạng, hiểu được chí đạo?". Phật dạy : "Tịnh tâm thủ chí, hiểu được chí đạo, thí như chùi gương, bụi hết gương sáng, trừ dục vô cầu, biết được túc mạng".

Chương mười ba này, ý câu hỏi chú trọng về nơi vấn đề túc mạng (đời trước), câu trả lời lại đặt nặng nơi vấn đề hội đạo (hiểu đạo). Bởi lẽ biết được túc mạng, chưa hẳn đã hội được chí đạo, nhưng hội chí đạo chắc chắn biết được túc mạng.

CHƯƠNG MƯỜI BỐN.

Sa Môn hỏi Phật : "Điều gì là thiện ? Điều gì lớn nhất ?". Phật dạy : "Hành đạo thủ chân là thiện. Chí hợp với đạo là lớn".

Chương mười bốn này nêu rõ không thiện nào thiện hơn điều thiện chân tu. Không lớn nào lớn hơn cái lớn thật chứng. Hành đạo thủ chân, tất muôn pháp lành đồng gom về. Chí hợp với đạo, ắt viên mãn pháp giới thể.

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Sa Môn hỏi Phật : "Cái gì mạnh nhất ? Cái gì sáng nhất ?". Phật dạy : "Nhẫn nhục mạnh nhất, vì không chứa ác, lại kiêm cả an lẫn khỏe. Người nhẫn không ác, nên được tôn kính. Diệt hết cấu tâm, thanh tịnh không gì vết, là cái sáng nhất. Bởi từ khi chưa có trời đất đến tận ngày nay, muôn sự trong mười phương, không gì không thấy, không gì không biết, không gì không nghe, đặc nhất thiết trí (1), nên nói là sáng vậy".

Chương mười lăm này, minh chứng nhấn nhục mạnh nhất, diệt cấu uế sáng nhất. Nhấn có ba loại (2) :

- Thứ nhất, *Nhấn Nại Oán Hại*, còn gọi là sinh nhấn.
- Thứ hai, *An Thọ Khổ Nhấn*, còn gọi là pháp nhấn.
- Thứ ba, *Đế Sát Pháp Nhấn*, hay gọi Đệ Nhất Nghĩa Nhấn.

Đây là chiếu theo nhấn nại oán khổ mà nhập Đệ Nhất Nghĩa vậy. Văn còn lại dễ hiểu.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG MƯỜI LĂM

1 - Nhất Thiết Trí : Tên gọi Phật trí, một trong Tam trí. Biết tất cả pháp, Nhất Thiết Trí này đối với Nhất Thiết Chủng Trí có hai nghĩa Tổng và Biệt.

Nếu theo nghĩa Tổng, át Nhất Thiết Chủng Trí là Trí nhìn Sự Tướng Sai Biệt Giới. Nhất Thiết Trí là trí nhìn Không Tính Bình Đẳng Giới. Trung Luận Số cừu mặt : "*Biết tất cả pháp, gọi là Nhất Thiết Trí*". Gia Tường Pháp Hoa Kinh Nghĩa Số nhị : "*Bát Nhã Tam Huệ Phẩm nói, biết tất cả pháp là một tướng, nên gọi là Nhất Thiết Trí*." Lại nói : "*Biết chủng chủng tướng, nên gọi là Nhất Thiết Chủng Trí*." Quyển sáu nói : "*Nhất Thiết Trí là nói Không Trí vậy*".

Trí Độ Luận quyển 27 : "*Luận về sự sai biệt của Nhất Thiết Chủng Trí, có người nói không khác biệt, khi gọi Nhất Thiết Trí, khi gọi Nhất Thiết Chủng Trí. Có người lại bảo, tổng tướng là Nhất Thiết Trí, biệt tướng là Nhất Thiết Chủng Trí. Nhân là Nhất Thiết Trí, quả là Nhất Thiết Chủng Trí. Nói tất là Nhất*

Thiệt Trí, nói đủ là Nhất Thiệt Chủng Trí. Nhất Thiệt Trí tổng phá vô minh ám trong hết thấy pháp. Nhất Thiệt Chủng Trí quán chủng chủng pháp môn phá các vô minh".

Trí Độ Luận quyển 27 : " Trong phẩm sau, Phật nói Nhất Thiệt Trí là Thanh Văn Duyên Giác sự, Đạo Chủng Trí là Bồ Tát sự, Nhất Thiệt Chủng Trí là Phật sự. Thanh Văn Bích Chi Phật chỉ có Tổng Nhất Thiệt Trí, không có Nhất Thiệt Chủng Trí".

2 - Tam Nhãn : Ba loại Nhãn Ba La Mật :

1) *Nại Oán Hại Nhãn* : còn gọi là Sinh Nhãn, khéo nhãn nại các não hại oán địch của hữu tình.

2) *An Thọ Khổ Nhãn* : còn gọi là Pháp Nhãn, khéo lãnh thọ an bình các khổ sở nóng lạnh của phi tình.

3) *Đe Sát Pháp Nhãn* : còn gọi là Đệ Nhất Nghĩa Nhãn hay Vô Sinh Pháp Nhãn hoặc Bất Khởi Nhãn, quán sát chân lý mà an trụ nơi lý vô sinh.

Hai nhãn trước là nhãn của nhãn nại ; nhãn thứ ba là nhãn của Tín nhãn, có hơi khác biệt, song nghĩa quyết định mà không động tâm thì đồng.

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

Phật dạy, người mang ái dục không thấy được đạo. Thí như nước lãng, lấy tay khuấy nước, mọi người cùng đến, (soi) không thấy được ảnh của mình. Người ta do ái dục lao xao, trong tâm vẫn đục, nên không thấy đạo. Các thầy Sa Môn, nên xả ái dục, trừ sạch cấu uế ái dục, mới thấy được đạo.

Chương mười sáu này, chỉ rõ mặt nước tâm của con người vốn lắng trong, chính là chí đạo, song do ái dục khuấy đục, nên không sao trong một niệm hiện rõ ảnh tượng thập giới. Xả ái dục của tam giới, hết kiến tư cấu, ắt thấy được đạo Chân đế, xả ái dục thiên chân (1), trừ sạch trần sa cấu (2), ắt thấy được đạo Tục đế. Xả quả báo ái dục, trừ hết cấu vô minh (3) ắt thấy được đạo Trung đế.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG MƯỜI SÁU

1 - Thiên Chân : Chân lý thiên nhiên, chẳng do người tạo tác.

2 - Trần Sa Cấu : Cấu còn gọi là *hoặc*, là *lậu*, là *kết*, đều là đồng thể dị danh. Trần Sa Hoặc, là hoặc lậu chướng ngại việc hóa đạo, ngăn ngại sự hóa đạo của Bồ Tát. Bởi Bồ Tát muốn giáo hóa người, phải thông vô lượng pháp môn nhiều như bụi (trần), như cát (sa). Song nếu tâm tính mê mờ, tất không đạt được trần sa vô số pháp môn để tự tại giáo hóa, gọi đó là Trần Sa Hoặc. Đó chẳng phải hoặc thể có số lượng nhiều như cát bụi (trần sa), mà hoặc thể chỉ là một trong những trí huệ hạ liệt (yếu kém), nên không thông hiểu được nhiều pháp môn, do vậy mà gọi là *trần sa*. Bồ Tát muốn đoạn trừ thứ liệt huệ này, để đắc được Đạo Chung Trí, ắt phải học tập vô lượng pháp môn trong muôn kiếp.

3 - Vô Minh Cấu hay Vô Minh Hoặc : Là hoặc chướng Trung đạo, vì là hoặc ngăn che lý thật tướng của Trung đạo. Khác với Si hoặc của Tư hoặc, là hoặc che lấp Không lý, là Chi Mạt vô

minh. Vô Minh Hoặc mê mờ nơi lý thể căn bản, nên là căn bản của vô minh.

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

Phật dạy, phàm người thấy đạo, như cầm đuốc vào trong nhà tối, bóng tối liền diệt, chỉ còn ánh sáng. Học đạo thấy đế, liền diệt vô minh, trí sáng còn mãi.

Chương mười bảy, hiển bày rõ ràng vô minh vốn vô tính, nên hễ thấy đạo là diệt trừ vô minh vĩnh viễn. Đồng thời nêu rõ nếu vô minh chưa diệt, không được gọi là thật thấy đạo (chân kiến đạo). Biết vô minh có thể diệt, nên không sinh nản lòng, rõ chân lý vốn thường sáng soi, nên trừ được thặng thượng mạn (*).

CHÚ THÍCH CHƯƠNG MƯỜI BẢY

Tăng Thượng Mạn : chưa chứng nói chứng.

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

Phật dạy, pháp ta niệm niệm vô niệm, hành hạnh vô hạnh, nói lời vô ngôn, tu sự tu vô tu. Người hiểu thì gần (đạo), người mê thì xa. Dứt hết mọi nói năng, chẳng vật nào câu thúc được. (Nếu) sai chỉ máy may, mắt (đạo) trong nháy mắt.

Chương mười tám này, chỉ rõ Niệm, Hành, Ngôn, Tu, đều vượt khỏi hai lẽ hữu vô (có không), không thể dùng

hữu vô thường tình diễn bày được. Niệm tức vô niệm, nên thường niệm cái niệm vô niệm này. Há nào phải không niệm là vô niệm. Ba điều hành, ngôn, tu kia cũng nên hiểu theo ý này. Hiểu được điều này, ắt xúc sự toàn chân (làm gì cũng đúng), ngược lại mê mờ điều này, ắt càng cố tới (đạo) càng xa. Tướng ngôn ngữ là tướng giải thoát, nên dứt hết mọi nói năng (ngôn ngữ đạo đoạn). Hết thấy sự vật là chân như tính, nên chẳng bị vật câu thúc. Vừa đắm vào hữu vô, là cách xa (đạo) như trời với đất, nên nói **chỉ sai mấy may**. Vừa bước vào sự tư duy, liền thành thặng pháp, nên nói **mất trong nháy mắt**.

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

Phật dạy, quán trời đất, niệm chẳng phải thường còn, quán thế giới, niệm chẳng phải thường còn. Quán linh giác (1) tức là Bồ Đề, hiểu biết như vậy, đắc đạo rất mau.

Chương mười chín này, chỉ rõ duy tâm thức quán, bỏ hư còn thật. Trời che đất chở, phạm tình cho là thường còn và thật có. Nay quán trời thì nóng lạnh thay nhau, quán đất thì hố gò đổi dời, đã vậy sinh diệt chẳng thường còn, há là thật pháp ngoài tâm. Lại quán trong một thân, thế là sự trôi chảy, giới là các phương vị, thế niệm niệm không ngừng trôi, khiến giới cũng theo đó mà không định, như vậy nơi đó há có thật ngã thật pháp

sao. Đó là loại bỏ các gốc hư vọng của Biến Kế. Lại quán tính linh giác trong một niệm hiện tiền, tức lia hai chấp ngã pháp, thành Tứ Trí (2) Bồ Đề. Đó là giữ lại thật tính của Y (Tha Khởi), Viên (Thành Thật). Bỏ hư vọng át không Tăng Ích Báng (3), giữ thật át không Tổn Giảm Báng (4). Chẳng Hữu chẳng Vô liền kế hợp Trung Đạo vậy.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

1 - **Linh Giác** : Tính Linh giác ngộ, sẵn đủ nơi chúng sinh vậy.

2 - **Tứ Trí Bồ Đề** : hay Tứ Trí Như Lai, do Pháp Tướng Tông lập ra. Tám thức của phàm phu, đến Như Lai chuyển thành Tứ Trí :

1) *Đại Viên Cảnh Trí* : do thức thứ tám chuyển thành. Như thức thứ tám hữu lậu, biến hai báo y chính mà trì thân hữu tình. Trí này biến thân độ Như Lai mà trì nhất thiết công đức. Cũng giống như trong một tấm gương lớn, hiện ra hết thấy ảnh tượng nên gọi là Đại Viên Cảnh Trí. Cảnh duyên vô biên, chiếu sự lý của pháp giới, nên lại gọi là Nhất Thiết Chủng Trí, tức là gốc chính của Như Lai vạn đức vậy.

2) *Bình Đẳng Tính Trí* : do thức thứ bảy chuyển thành. Ngược lại ngã kiến của thức thứ bảy mà đạt được lý bình đẳng vô ngã. Khởi trí Vô Duyên Đại Bi đối với mọi chúng sinh.

3) *Diệu Quan Sát Trí* : do thức thứ sáu chuyển thành, là dụng của trí. Diệu quan sát tướng của các pháp, mà diễn bày các pháp đoạn nghi.

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

4) *Thành Sở Tác Trí* : do năm thức đầu chuyển thành, là Trí vì lợi lạc cho hết thấy hàng nhị thừa và phàm phu mà thành đủ thứ biến hóa. Hóa thân và hóa độ của Như Lai, cùng các sở tác thần thông đều là tác dụng của trí này vậy.

Xem Duy Thức Luận quyển 10, Bách Pháp Vấn Đáp Sao quyển 8.

3 - Tăng Ích và Tồn Giảm là Nhị Biên :

1) *Tăng Ích Biên* : các pháp do nhân duyên sinh, nên phân biệt suy cầu át vốn không tự tính. Chúng sinh không rõ, cố chấp cho là Hữu, đó gọi là Tăng Ích Biên.

2) *Tồn Giảm Biên* : Các pháp do nhân duyên sinh, nguyên vô tự tính, song chẳng phải không có công năng của nhân quả. Chúng sinh không rõ, bác cho là không có điều này, đó gọi là Tồn Giảm Biên (xem Nhiếp Đại Thừa Luận, thích 1).

4 - Báng : ở đây ngụ ý là lỗi lầm.

CHƯƠNG HAI MƯƠI

Phật dạy phải niệm bốn đại nơi thân, mỗi thứ tự có tên, đều là vô ngã, ngã đã đều không (có), nên đều như huyễn.

Chương hai mươi này, dạy lấy bốn đại quán thân, mà nhập vào pháp môn như huyễn. Chất cứng trong thân gọi là đất ; ướt gọi là nước ; ấm gọi là lửa ; động gọi là gió. Kiếm ngã rốt cuộc không có được, năng thành sở thành, thể đều như huyễn, năng quán sở quán, cũng lại như huyễn. Nơi một thí dụ về huyễn, có thể thông đạt

lý Không, Giả, Trung (*). Cho nên biết rằng bốn đại quán thân, là cửa chung của Tứ giáo.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG HAI MƯỜI

Không, Giả, Trung : Tam Đế và Tam Quán do Thiên Thai Tông lập nên. Lý sở quán gọi là Tam Đế, Trí năng quán gọi là Tam Quán. Quán một niệm của tâm vô tướng là *Không* ; quán tâm này đủ hết thấy pháp là *Giả* ; quán hai thứ trên không hai là *Trung*. *Không Đế* phá hết mọi pháp, *Giả Đế* lập tất cả pháp, *Trung Đế* diêu hết thấy pháp. Cả ba là một pháp song khác tên, nên gọi là tức Không, tức Giả, tức Trung.

Tổ Đình Sự Uyển : "*Thiên Thai Tông y lý Tam Đế Nhất Tâm, bày Tam Chỉ Tam Quán ; từng nói : phá hết các hoặc, không gì mạnh bằng Không, lập hết thấy pháp, không gì mạnh bằng Giả, cứu cánh hết mọi tính, không gì lớn bằng Trung. Nên một Không, tất cả Không, vô Giả vô Trung vô bất Không. Một Giả, tất cả Giả, vô Không vô Trung vô bất Giả. Một Trung, tất cả Trung, vô Giả vô Không vô bất Trung*".

CHƯƠNG HAI MƯỜI MỐT

Phật dạy, người theo tình dục, cầu sự thanh danh, khi được thanh danh, thân đã già suy. Tham danh lợi thế gian, không lo học đạo, uổng công nhọc xác, như lửa đốt hương, tuy nghe mùi hương, hương cũng thành tro. Ngọn lửa đốt thân, ở ngay sau mình.

PHẬT THUYẾT TƯ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

Chương hai mươi một này, nói rõ người háo danh lợi, chẳng những vô ích lại còn tổn hại vô cùng.

CHƯƠNG HAI MƯƠI HAI

Phật dạy, tài sắc nơi người, người không thể bỏ. Thí như lưỡi dao dính mật, không đủ ngon một bữa, trẻ con liếm mật, ắt chịu họa đứt lưỡi.

Chương hai mươi hai này, nói rõ vị của tài sắc thì ít, mà cái hại thì rất nhiều. Người có trí không thể giống như trẻ con kia.

CHƯƠNG HAI MƯƠI BA

Phật dạy, người bị vợ con nhà cửa trói buộc, còn chắc hơn lao tù, lao tù còn có ngày được thả, vợ con (trói) không có cả niệm xa rời. Lòng yêu mến sắc, há sợ theo đuổi, tuy có họa kề bên miệng hùm, lòng vẫn cam chịu, vào bùn tự chìm, nên gọi là phạm phu. Rõ được cửa này, là La Hán xuất trần.

Chương hai mươi ba này, nêu rõ nhà cửa vợ con chôn vùi con người, khuyên phải mau xa tránh. Dục giới lấy quyến thuộc nam nữ làm vợ chồng con cái, các thứ lâu đài cung các làm nhà cửa. Sắc giới lấy vị thiên làm vợ

con, Tứ Thiên Thiên làm nhà cửa. Vô sắc giới lấy Si Định (1) làm vợ con, Tứ Không Thiên (2) làm nhà cửa. Là chỗ gậm nhấm của Ái Kiến (3), họa như bên miệng hùm. Còn như các hàng khác, Nhị thừa lấy vị giải thoát làm vợ con, thiên chân Niết Bàn làm nhà cửa. Quyền giáo (4) lấy Du Hí Thần Thông (5) làm vợ con, rời chân vào tục (xuất chân thiệp tục) làm nhà cửa. Thấu triệt được hai môn Không Hữu, mới thành quả Trung Đạo (6) Vô Sinh (7).

CHÚ THÍCH CHƯƠNG HAI MƯỜI BA

1 - Si Định : Có thiên định mà không tâm trí. Trong Quan Âm Huyền Nghĩa thượng : "*Nếu Định mà không Huệ, gọi là Si Định, như gã đui cưới ngựa chột, chắc chắn sa hố*".

2 - Tứ Không Thiên : Bốn cõi trời của Vô Sắc Giới, còn gọi là Tứ Vô Sắc, Tứ Không Xứ. Bốn xứ ở Vô Sắc Giới là chính báo của những người tu Tứ Không Xứ Định.

1) Không Vô Biên Xứ : gọi tắt là Không Xứ, là chỗ sinh của những người tu Hư Không Vô Biên Định.

2) Thức Vô Biên Xứ : gọi tắt là Thức Xứ, là chỗ sinh của những người tu Tâm Thức Vô Biên Định.

3) Vô Sở Hữu Xứ : chỗ sinh của những người tu Tâm Thức Vô Sở Hữu Định.

4) Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ : còn gọi là Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ. Những người sinh cõi trời này, định tâm thâm diệu, tướng niệm rất yếu kém, không có thọ tướng, nên gọi là

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

Phi Tướng, lại chẳng phải tế tướng, nên nói là Phi Phi Tướng. Bốn cõi này không có sắc uẩn của ngũ uẩn, chính báo chỉ là bốn uẩn Thọ Tướng Hành Thức giả hợp, ngoài ra không có sắc thân, lại không có cung điện quốc độ Y Báo, nên gọi là Vô Sắc Giới, hoặc Không Xứ, do đó không thể phân bốn xứ này bằng quốc độ vật chất, mà chỉ do nhân hành thiên định, mà lập tứ xứ để phân biệt quả hành. Ba xứ trước gọi tên theo nhân hành tu tập, xứ thứ tư gọi tên theo dương thể (xem **Câu Xá Luận** bát, **Pháp Giới Thứ Đệ** thượng).

3 - **Ái Kiến** : Chấp trước nơi người rời khỏi Ái. **Phẩm Văn Tật Kinh Duy Ma** : "*Nơi các chúng sinh, nếu sinh khởi ái kiến đại bi, phải nên xả ly*". **La Thập chú** : "*Thấy có chúng sinh, tâm sinh ái trước, do vậy sinh bi, gọi đó là ái kiến đại bi*". Lại Ái và Kiến là hai thứ phiền não, ái là hoặc mê sự, kiến là hoặc mê lý. Như tham, sân, si là hoặc mê sự, ngã kiến, tà kiến các thứ là hoặc mê lý. **Trí Độ Luận** thất : "*Phiền não có hai loại, một thuộc ái, hai thuộc kiến*".

4 - **Quyền Giáo** : Là Tạng Thông Biệt Tam giáo, vì Thật giáo mà quyền lập tạm thời sau đó phế bỏ. Quyền là đối với Thật, Thật giáo là giáo pháp chân thật của Như Lai, là Viên giáo.

5 - **Du Hí Thần Thông** : Phật Bồ Tát dạo nơi thần thông hóa độ mà tự vui, gọi là Du Hí. Lại du hí có nghĩa tự tại, nghĩa vô ngại. **Trí Độ Luận** bảy : "*Hí gọi là tự tại, như sư tử chúa trong bầy nai, tự tại vô úy, nên gọi là Hí*".

6 - **Trung Đạo** : Trung có nghĩa bất nhị (không hai), tuyệt mọi đối đãi vạy. **Pháp Tướng** lấy **Duy thức** làm trung đạo ; **Tam Luận**

DI GIÁO TAM KINH

lấy Bát Bát làm trung đạo ; Thiên Thai lấy Thật Tướng làm trung đạo ; Hoa Nghiêm lấy Pháp Giới làm trung đạo.

7 - Vô Sinh : Chân lý của Niết Bàn là vô sinh diệt nên gọi là vô sinh. Vì vậy quán lý vô sinh để phá sinh diệt phiền não. Viên Giác Kinh : "*Hết thấy chúng sinh nơi vô sinh, vọng thấy sinh diệt, nên gọi là chuyển luân sinh diệt*". Tối Thắng Vương Kinh quyển nhất : "*Vô sinh là thật, sinh là hư vọng, người ngu si chìm đắm sinh tử. Như Lai thể hội thật pháp, không có hư vọng gọi là Niết Bàn*". Thù y Dụ Ký quyển hai "*Vô sinh và Tịch Diệt, một thể song khác tên*".

CHƯƠNG HAI MƯƠI BỐN

Phật dạy, ái dục không gì hơn sắc, cái dục của sắc, không gì lớn hơn. May chỉ có một, nếu có hai thứ đồng nhau, người trong khắp thiên hạ, không ai có thể vì đạo nổi.

Chương hai mươi bốn này, nêu rõ sắc dục là chứng bệnh nặng của chúng sinh. Trong kinh Phật Danh nói : "Không trừ dâm tâm, không thể xuất trần".

CHƯƠNG HAI MƯƠI LĂM

Phật dạy, người ưa ái dục, như cầm đuốc đi ngược gió, tất phải chịu họa phỏng tay.

Chương hai mươi lăm này, nêu rõ ái dục không thể nào gần gũi được. Cầm đuốc ngược gió chưa từng có ai không phỏng tay. Gần gũi ái dục, thân tịnh pháp há không tổn hại sao, tay phương tiện há được an lành sao.

CHƯƠNG HAI MƯƠI SÁU

Thiên thần dâng Ngọc Nữ cho Phật, muốn hoại ý Phật. Phật dạy "Bao da hôi hám, lại đây làm gì, đi, ta không dùng đâu". Thiên thần càng kính. Nhân hỏi ý đạo, Phật giải nói cho, liền chứng quả Tu Đà Hoàn.

Chương hai mươi sáu này, nói rõ Phật không bị ma nhiễu loạn, nên hóa độ được ma. Thiên thần tức Ma Vương Ba Tuần (*). Phật khi mới thành đạo, Ma Vương đem giáp binh tới, không hại được Phật, liền hiến dâng tam nữ, cũng không nhiễu loạn được Phật, nên quy theo Phật và chứng sơ quả.

Nếu có thể quán nữ nhân chỉ là túi da hôi hám, át trừ được dâm ý, mình và người đều lợi ích.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG HAI MƯƠI SÁU

Ma Vương Ba Tuần : Phạn ngữ Māra-Pāpīyān, Ma nói đủ là Ma La. Thiên ma là tên chung, Ba Tuần là tên riêng của Ma Vương. Nghĩa Lâm Chương Lục Bốn : "*Lại nói Ba Ty Dạ, nghĩa là ác, tên riêng của Thiên Ma, Ba Tuần là do nói sai. Do thành tựu ác pháp, hoài chứa ác ý, nên gọi là Ma Ba Tuần*".

CHƯƠNG HAI MƯƠI BẢY

Phật dạy, phàm người hành đạo, như gỗ dưới nước, theo dòng trôi đi, không dừng hai bên bờ, không bị người vớt, không bị quỷ thần ngăn, không bị nước xoáy giữ lại, không

bị mục nát. Ta bảo đám cây này chắc chắn trời ra biển. Người học đạo cũng vậy, (nếu) không bị tình dục mê hoặc, không bị các điều tà nhiều loạn, tinh tiến vô vi. Ta chắc chắn rằng, người này sẽ thành đạo.

Chương hai mươi bảy này, dùng thí dụ nói rõ người học đạo nên tránh xa các chướng ngại. Hai bên bờ dụ cho tình dục, tất có kiến tư tình dục, vô minh tình dục. *Kiến tư tình dục* là đắm nhiễm sinh tử, như mắc bờ này ; *vô minh tình dục* là đắm nhiễm Niết Bàn, như vướng bờ kia. Người và quỷ thần dụ cho các thứ tà. Bị vướng lưới ái như bị người vớt ; thấy lưới giăng che, như bị quỷ thần ngăn ; không bị nước xoáy giữ lại là ngược lại với tinh tiến ; mục nát là trái ngược với vô vi. Bởi lẽ đã không thể trực tâm chính niệm chân như, mỗi khi dục đến thì thối lui, như dòng nước lũ chảy ngược, không đạt được Vô Vi Pháp Tính (*), ắt chỉ là (chấp) trước tướng tu phúc huệ, chung cục thành mục nát. Cho nên nếu không bị tình dục, sinh tử, Niết Bàn gây hoặc loạn, không bị ái kiến các tà nhiều loạn, chính niệm chân như, mà tinh tiến liễu đạt pháp tính vốn vô vi, người này chắc chắn thành đạo.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG HAI MƯƠI BẢY

Vô Vi Pháp Tính : hay còn gọi là Vô vi Pháp Thân, pháp thân Phật sở chứng, trạm nhiên tịch tĩnh, là các tạo tác của nhân

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

duyên, nên gọi là vô vi. Tịnh Độ Luận Chú hạ : "*Vô Vi Pháp Thân, là pháp tính thân. Pháp tính tịch diệt, nên pháp thân vô tướng. Vô tướng nên có thể Vô Bất Tướng*".

CHƯƠNG HAI MƯỜI TÁM

Phật dạy, cẩn thận đừng tin ý mình, ý mình không thể tin. Cẩn thận đừng giận sắc, giận sắc họa liền sinh. Đắc quả A La Hán mới có thể tin ý mình.

Chương hai mươi tám này, nhấn mạnh ý mã khó điều phục, tai họa về sắc là thứ nên tránh. Chúng sinh từ vô thủy đến nay, chỉ vì buông lỏng tình ý mà chịu mãi luân hồi. Chưa chúng A La Hán, thường cùng ở với vô minh, ái kiến, mạn, há có thể tự tin ý mình mà không lo suy xét lựa chọn ?

CHƯƠNG HAI MƯỜI CHÍN

Phật dạy, cẩn thận đừng nhìn nữ sắc, cũng đừng cùng nói chuyện. Nếu cùng họ nói (phải) chính tâm tự niệm, ta là Sa Môn, ở trong đời trước, phải như hoa sen, không bị bùn nhơ, coi người già như mẹ, người lớn như chị, người trẻ như em, người nhỏ như con, sinh tâm cứu độ, ngưng trừ ác niệm.

Chương hai mươi chín này, chỉ ra phương tiện xa người nữ, phòng họa hoạn, phát thiện diệt ác. Trước hết dùng hoa sen không nhiễm để tự làm chỗ cầu mong, ắt được

chính niệm tự lợi, lại coi như mẹ, như chị, như em, như con, mà tìm cách cứu độ, át được từ tâm lợi tha. Đã tương ứng với hai lợi tự tha, ác niệm tự nhiên phải diệt.

CHƯƠNG BA MƯƠI

Phật dạy, phạm người hành đạo, như mặc cỏ khô, lửa đến phải tránh. Người tu thấy dục, phải cần lánh xa.

Chương ba mươi này, dẫn lời răn phải tránh xa các dục, đừng để cho lửa dục thiêu đốt. Sáu tình căn (lục tình căn) giống như cỏ khô, cảnh lục trần ví như lửa dữ. Chưa đạt đến mức tâm cảnh đều không, phải nên tu hạnh xa lìa (thắng hạnh viễn ly).

CHƯƠNG BA MƯƠI MỐT

Phật dạy, có người sợ không ngừng được dâm, muốn tự đoạn âm (*), Phật dạy người ấy rằng, nếu muốn đoạn âm, chẳng bằng đoạn tâm. Tâm như vị quan, nếu vị quan ngừng, kẻ hầu đều yên ; tà tâm không dừng, đoạn âm ích gì. Phật lại nói kệ : "Dục sinh từ nơi ý, ý do tư tưởng sinh, hai tâm đều tịch tĩnh, chẳng sắc cũng chẳng hành". Phật dạy, kệ này do Phật Ca Diếp nói.

Chương ba mươi mốt này nêu rõ đoạn trừ dục nên trừ từ tâm, phép đoạn tâm suy từ dục này do ý sinh, ý lại từ tư tưởng sinh. Chỉ có tư tưởng này là tự sinh, sinh ra cái khác, cùng sinh, không có nhân sinh, suy nghĩ như vậy,

tư tướng tịch diệt. Bởi tư tướng tịch diệt, ý cũng tịch diệt, bởi ý tịch diệt, dục cũng tịch diệt, bởi dục tịch diệt, quán hết thấy sắc như ảnh trong gương, tức là chẳng sắc (phi sắc). Quán hết thấy hành như bọt nước, tức là chẳng hành (phi hành). Từ trên các đức Phật lần lượt truyền thọ, cũng chẳng qua chỉ truyền phương tiện điều phục tâm này mà thôi.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG BA MƯƠI MỐT

(*) Đoạn âm : tự hoạn bộ phận sinh dục.

CHƯƠNG BA MƯƠI HAI

Phật dạy, từ ái dục sinh âu lo, từ âu lo sinh sợ sệt. Nếu bỏ ái dục, còn âu lo, còn sợ sệt nào nữa.

Chương ba mươi hai này, suy từ ái dục sinh ra âu lo và sợ sệt, khuyên nên trừ dục bỏ ái. Chúng sinh từ vô thủy đến nay, nhận lầm bốn đại là tướng tự thân, nhận lầm sáu trần duyên ảnh là tướng tự tâm, rồi chấp trước tham luyến không chịu tạm xả, nên phát sinh muôn thứ âu lo, vô số sợ sệt. Chỉ cần dùng bốn đại quán thân, biết thân vô ngã, dùng Tứ Vận Quán Tâm (*), rõ tâm vô thường. Ái dục đã trừ, âu lo và sợ sệt cũng chẳng còn.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG BA MƯƠI HAI

(*) Tứ vận tâm : Phàm nhân khởi niệm có bốn vị :

DI GIÁO TAM KINH

- 1) *Vị niệm* : lệ như có người nghĩ đến cây thông, tuy chưa khởi niệm cây thông, vị sau đó tắt khởi niệm này.
- 2) *Dục niệm* : vị sẽ khởi niệm cây thông.
- 3) *Chính niệm* : vị chính khởi niệm cây thông.
- 4) *Niệm dĩ* : vị niệm cây thông đã xong.

Bốn vị này còn gọi là Tứ Vận, do bởi Vị niệm, Dục niệm, Chính niệm, Niệm dĩ, niệm niệm tương tục vận hành.

CHƯƠNG BA MƯƠI BA

Phật dạy, phạm người hành đạo, thí như một người đánh với vận người. Mặc giáp ra thành, nếu ý khiếp sợ, hoặc giữa đường thối lui, hoặc chiến đấu mà chết, hoặc đắc thắng trở về. Sa Môn học đạo, nên kiên trì tâm mình, tinh tiến dũng cảm, không sợ cảnh trước, phá diệt chúng ma, mà thành đạo quả.

Chương ba mươi ba này, thí dụ rõ ràng về người học đạo, nên gồm đủ giới định huệ. Tâm phải chuyên tinh học đạo thí như một người. Các hoặc tập khí hư vọng từ vô thủy, thí như vận người. Thọ trì tịnh giới, giống như áo giáp. Kiên trì tâm mình, tất ý không khiếp nhược, đó là Giới lực. Tinh tiến dũng cảm, ắt không nửa đường thối lui, đó là Định lực. Không sợ cảnh trước, tất không bị chiến đấu chết, đó là Huệ lực. Hợp ba lực này, phá diệt chúng ma từ vô thủy, chứng thành đạo quả, chính là đắc thắng trở về.

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

CHƯƠNG BA MƯƠI BỐN

Sa Môn đêm tụng kinh Ca Diếp Phật Di Giáo, âm thanh thể thiết khẩn trương, nghĩ hởi muốn thôi chí. Phật hỏi vị này : "Xưa còn tại gia, ông làm nghề gì ?". Đáp : "Thường hay đàn". Phật hỏi : "Dây chùng thì thế nào ?". Đáp : "Không kêu". "Dây căng thì như thế nào ?". Đáp : "Mất tiếng". "Giữa căng và chùng thì như thế nào ?". Đáp "Các âm đều phát". Phật dạy : Sa Môn học đạo cũng vậy, nếu tâm thư thích, có thể đắc đạo, học đạo nếu quá sức, quá sức làm thân mệt, thân nếu bị mệt, ý tức sinh não (phiền), ý nếu sinh não, hành ắt phải thôi, hành đã thôi lui, tất tội gia tăng. Chỉ có sự thanh tịnh an lạc, đạo mới không mất.

Chương ba mươi bốn này, nêu rõ pháp học đạo, phải khéo điều thân, đừng để căng hay chùng quá làm mất tâm đạo. Nho gia cũng nói, hễ tiến nhanh ắt lui lẹ. Lại nói, đừng quên, đừng quá. Lẽ Tam thừa cũng không ngoài lệ này.

CHƯƠNG BA MƯƠI LĂM

Phật dạy, như người rèn sắt, trừ hết chất cặn thì thành đồ vật, đồ vật ắt tinh hảo. Người học đạo, trừ tâm cấu nhiễm, hành ắt thanh tịnh.

Chương ba mươi lăm, thí dụ chỉ rõ cấu nhiễm không thể không trừ, chỉ cần trừ cấu nhiễm, tức thành thanh tịnh. Chỉ sạch hết phàm tình, không có thánh giải nào

khác. Chỉ có trừ pháp che mờ, không có pháp cho ánh sáng nào khác. Thành Phật làm Tổ, há nơi ngoài tâm có pháp đắc được sao. Chẳng qua chỉ là tinh trừ các tập khí mà thôi.

CHƯƠNG BA MƯƠI SÁU

Phật dậy, người xả ác đạo, được làm người khó. Đã được làm người, bỏ nữ làm nam khó. Đã được làm nam, sáu căn đầy đủ khó. Sáu căn đầy đủ, sinh nơi trung quốc (1) khó. Đã sinh trung quốc, gặp đời có Phật khó. Đã gặp đời Phật, lại gặp đạo khó. Đã được gặp đạo, phát tín tâm khó. Đã phát tín tâm, phát tâm Bồ Đề (2) khó. Đã phát tâm Bồ Đề, Vô Tu Vô Chứng khó.

Chương ba mươi sáu này, lần lượt chỉ rõ những việc khó được, để cảnh tỉnh mọi người, đừng đánh mất lương duyên. Không đạt Vô Tu Vô Chứng, há được gọi là chân chính phát Bồ Đề Tâm sao. Không phát chân chính Bồ Đề Tâm, há gọi là tín tâm. Không hưng phát tín tâm, há gọi là gặp đạo. Đã không gặp Đạo, có Phật vô ích. Đã gặp (Phật) cũng như không gặp, tất trung quốc khác gì biên địa. Trung quốc đã chẳng khác gì biên địa, ắt sáu căn có đủ cũng như không đủ. Lục căn đã đủ cũng như không đủ, tất nam tử cũng chẳng phải nam tử. Nam tử đã không thành nam tử, ắt thân người có khác gì ác đạo. Lặng yên nghĩ coi, có thể đừng phát

tâm Bồ Đề, để mau ngộ yếu chỉ Vô Tu Vô Chứng không ?

CHÚ THÍCH CHƯƠNG BA MƯƠI SÁU

1 - Trung quốc : Xứ có văn hóa, ở đây hàm nghĩa giữa quốc gia, thù dờ, đối với biên địa mà nói trung quốc, không nên hiểu là xứ Trung Hoa.

2 - Bồ Đề Tâm : Bồ Đề xưa dịch là Đạo, tâm cầu chân đạo, gọi là Bồ Đề Tâm. Nay dịch là Giác, tâm cầu chính giác, gọi là Bồ Đề tâm. Cả hai đều cùng một ý.

Phật Quốc phẩm, Kinh Duy Ma : "*Bồ Đề Tâm là Bồ Tát Tịnh Độ. Quán Vô Lượng Thọ Kinh : "Phát Bồ Đề tâm thâm tín nhân quả". Đại Nhật Kinh Sớ quyển nhất : "Bồ Đề tâm tức là nghĩa bạch tịnh tín tâm". Lại nói : "Bồ Đề tâm là nhất tâm chí cầu Nhất Thiết Trí vậy".*

CHƯƠNG BA MƯƠI BẢY

Phật dạy, Phật tử cách ta đến ngàn dặm, hằng ức niệm giới ta, tất đắc đạo quả. Tại ngay cạnh ta, tuy thường thấy ta, không thuận theo giới ta, chung cục không đắc đạo.

Chương ba mươi bảy này, nói rõ tâm gần ắt gần, tâm xa ắt xa, không luận xa gần bằng hình dạng vết tích. Kim khẩu nói lời thành thật, giới quan trọng như vậy, đệ tử

đời mặt thế, làm sao không suy xét. Trong Tăng Kỳ Luật chép : "Xứ Ba La Chỉ có hai Tỳ Kheo, cùng làm bạn đồng hành đến Xá Vệ thăm hỏi Thế Tôn. Giữa đường khát nước, đến một giếng nước, Tỳ Kheo kia múc nước uống ngay, Tỳ Kheo nọ thấy trong nước có trùng, không chịu uống. Vị Tỳ Kheo uống nước hỏi : "Tại sao không uống ?" Đáp rằng : "Vì Thế Tôn chế giới, không được uống nước có trùng". Vị kia lại khuyên : "Trưởng lão cứ uống, đừng để chết khát, sẽ không gặp được Phật". Đáp : "Tôi thà mất thân, không hủy giới Phật ". Nên bị chết khát, liền sinh lên trời Đao Lợi, đủ thân cõi trời, đêm đó đến trước chỗ Phật, đánh lễ nghe Pháp, đắc Pháp Nhãn thanh tịnh. Vị Tỳ Kheo uống nước, hôm sau mới đến chỗ Phật. Phật biết nhưng cố hỏi : "Ông từ đâu lại, có bạn đồng đi không ?". Vị này đem câu chuyện đi đường đáp lại. Phật dạy : "Người ngu kia, ông không sao thấy được ta, người thấy được ta là vị Tỳ Kheo chết kia, đã đến gặp ta trước. Nếu Tỳ Kheo phóng dật giải đãi, không nhiếp các căn, tuy cùng ta ở một nơi, cũng cách ta rất xa. Họ có thấy ta, ta không thấy họ. Nếu có Tỳ Kheo, nơi bờ biển bên kia, thường không phóng dật, tinh tiến không lười, thu nhiếp các căn, tuy cách xa ta, ta vẫn thường thấy họ, họ thường gần gũi ta".

CHƯƠNG BA MƯƠI TÁM

Phật hỏi Sa Môn : mạng sống con người trong bao lâu ?
Đáp : Vài ngày. Phật nói : Ông chưa biết đạo. Lại hỏi vị Sa Môn khác : Mạng sống con người trong bao lâu ? Đáp : Trong một bữa ăn. Phật nói : Ông chưa biết đạo. Lại hỏi vị Sa Môn khác : Mạng sống con người trong bao lâu ? Đáp : Trong một hơi thở. Phật nói : Lành thay, ông thật biết đạo.

Chương ba mươi tám này, bày rõ mạng người vô thường, phải biết rõ điều này. Khoảng thời gian sắc tâm hợp giữ nhau không dứt, gọi là mạng căn. Lại nương chùng tử nơi thức giả lập, chẳng phải là thật pháp. Thở ra tuy còn, thở vào khó giữ, hướng từng sát na, niệm niệm sinh diệt, nếu chẳng phải lắng tâm để quán, há lại biết được sao.

Xưa có vị vua ở Tây Vực, không tin Phật pháp, hỏi Tổ Sư rằng : "Tôi thấy ngoại đạo tu đủ các khổ hạnh, còn chưa bẻ gãy được tâm dâm dục, mà Sa Môn thì tứ sự (*) như ý, há đoạn được phiền não sao ?". Tổ Sư đáp : "Đại vương thử lấy một tội nhân sắp bị hành hình, bắt dùng tay bung một bát đầy dầu, lại sai bốn đao phủ thủ cầm đao (theo sau), nếu không để đổ giọt dầu nào thì tha tội chết, nếu nhỏ một giọt, đao thủ chém ngay, rồi cùng người tử tội đi qua bốn ngã đường. Đại vương lại

mang hết cung nữ âm nhạc, đàn ca múa hát khắp nơi, hỏi thử tội nhân thấy nghe những gì ?"

Nhà vua theo lời, khiến một tù nhân tay ôm bát đầy dầu, đi xuyên qua rừng nữ nhạc, khắp bốn nẻo đường, một giọt cũng không rơi, nên được tha tội. Nhà vua vờ đến hỏi : "Nhà ngươi thấy nghe những gì nơi bốn con đường ?". Tội nhân đáp : "Tôi lúc đó, chỉ sợ một giọt dầu rơi, gương bén sau cổ, nên chỉ thấy bát dầu trong tay, còn thấy thứ gì khác nữa". Tổ Sư thưa với vua : "Người này chỉ vì tiếc thân sợ chết, mà nơi sắc thanh, không còn thấy nghe gì nữa, hà huống Sa Môn cầm giữ lời Phật dạy vô thường vô ngã, thường niệm đau đớn cái khổ của sinh tử trong vô lượng số kiếp, há không lo đoạn trừ phiền não. Như ngoại đạo kia, không biết vô thường vô ngã, hành khổ hạnh suông, nên không lợi ích".

Nhà vua bấy giờ mới tin nghe. Ôi, thực biết mạng sống chỉ trong vòng hơi thở, sao còn đợi đao thủ cầm đao theo sau, tâm mới chịu không phóng dật.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG BA MƯƠI TÁM

(*) Tứ sự : Gồm y phục, ẩm thực, ngoại cụ, thuốc men, hoặc phòng xá, y phục, ẩm thực, thuốc men.

CHƯƠNG BA MƯƠI CHÍN

Phật dạy, người học Phật đạo, những lời Phật nói, đều nên tin theo. Thí như ăn mật, giữa (hay) bên đều ngọt. Kinh ta cũng vậy.

Chương ba mươi chín này, nói rõ kinh Phật đều nên tin theo, không nên vọng phân làm Đại, Tiểu, Đốn, Tiệm, mà sinh tâm đặt nặng hay coi thường. Lời dạy của Phật không ra ngoài Quyền, Thật. Vì Thật nên bày Quyền, khai Quyền nên hiển Thật. Tứ giáo đều riêng có tứ môn, mỗi môn đều có đủ Tứ Tất Đàn (*). Nay lại có người chấp Tiểu chê Đại, chấp Đại chê Tiểu, chấp Sự bác Lý, chấp Lý bác Sự, đều ngược với ý chỉ của Phật.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG BA MƯƠI CHÍN

(*) Tứ Tất Đàn : Đức Phật thuyết pháp không ngoài Tứ Tất Đàn. Xưa dịch Tất Đàn (Siddhanta) là Thành, do nhờ bốn pháp này thành tựu Phật đạo cho chúng sinh. Nam Nhạc giải thích *Tất* có nghĩa phổ biến. *Đàn*, tất của phạm ngữ Đàn Na, có nghĩa thí. Phật dùng bốn pháp này phổ thí cho chúng sinh, nên gọi là Tất Đàn.

1) *Thế Giới Tất Đàn* : Phật ban đầu thuận theo phàm tình, dùng các thứ nhân ngã, giả danh, tùy thuận sở lạc của chúng sinh mà thuyết các pháp thế giới, khiến người nghe hoan hỉ thích.

2) *Các Các Vị Nhân Tất Đàn* : Phật thuyết pháp xét căn cơ chúng sinh, tùy theo căn cơ Đại Tiểu, chủng tử gieo trồng sâu

DI GIÁO TAM KINH

cạn, mà thuyết các pháp thích ứng cho mỗi người, khiến họ phát tín tâm, tăng trưởng thiện căn.

3) *Đối Trị Tất Đàn* : Người tham dục nhiều, dạy dùng Từ tâm ; người ngu si nhiều, dạy dùng Quán nhân duyên. Bồ thí vô lượng pháp lạc như vậy, trừ khử ác bệnh của chúng sinh.

4) *Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn* : Phật thấy cơ duyên chúng sinh đã chín, thuyết các pháp thật tướng, khiến họ nhập nơi chân chúng.

Nói tóm lại, Phật thuở đầu nói các sự lý thiện cạn, khiến người nghe vui thích, đó là *Thế Giới* ; khiến chúng sinh phát sinh thiện căn, là *Vị Nhân* ; trừ khử ác bệnh của chúng sinh, là *Đối Trị* ; rồi khiến ngộ nhập Thánh đạo, là *Đệ Nhất Nghĩa*. Trí *Độ Luận* quyển một : " *Có bốn loại Tất Đàn* : 1) *Thế Giới Tất Đàn* ; 2) *Các Các Vị Nhân Tất Đàn* ; *Đối Trị Tất Đàn* ; *Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn* " .

Trong bốn Tất Đàn này, tổng nhiếp hết thấy 12 bộ kinh, 8 vạn 4 ngàn pháp tạng, đều là thật tướng, vô tướng.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI

Phật dạy, Sa Môn hành đạo, không như trâu kéo cối xay, thân tuy hành đạo, tâm đạo không hành. Tâm đạo nếu hành, (thân) chẳng cần hành đạo.

Chương bốn mươi này, nêu rõ hành đạo tại tâm, không tại nơi hình (tướng). Tâm không nhập đạo, thì làm gì cũng chỉ là hình nghi bề ngoài, khác gì trâu kéo cối xay.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI MỐT

Phật dạy, phàm người học đạo, như trâu chở nặng, đi trong bùn sâu, mệt nhọc vô cùng, không dám nhìn ngó hai bên. Ra khỏi bùn sinh, mới được nghỉ ngơi. Sa Môn nên quán tình dục, còn hơn bùn lầy, trực tâm niệm đạo, ắt tránh được khổ.

Chương bốn mươi một này, khuyên người phải trực tâm niệm đạo, nên lấy xuất ly tình dục làm hạn kỳ tu tập.

CHƯƠNG BỐN MƯƠI HAI

Phật dạy, ta coi ngôi vị vương hầu như bụi qua kẽ hở, coi vàng ngọc châu báu như ngói gạch, coi lụa là như vải thô, coi đại thiên thế giới như hạt tiêu, coi nước ao A Nậu (1) như dầu nửa chân, coi phương tiện môn như bảo thành hóa hiện, coi Vô Thượng Thừa như vàng giấu trong mộng, coi Phật đạo như hoa đốm trước mắt, coi Thiên Định như cột Tu Di, coi Niết Bàn như ngày đêm thức giấc, coi đảo và chính như sáu rỗng múa (2), coi bình đẳng như Nhất Chân Địa (3), coi tịnh suy như cây bốn mùa.

Chương bốn mươi hai này, kết minh Phật nhãn quán hết thấy mọi pháp, để phá hết pháp chấp của chúng sinh. Một trăm năm ở nhân gian, chỉ là một ngày đêm ở Đạo Lợi Thiên, một đại kiếp ở Ta Bà, chỉ là một ngày đêm ở Cực Lạc thế giới, nên vương hầu phú quý khác nào bụi qua kẽ hở. Các món vật dụng của chư thiên, thuần là

bấy báu, đất ở Cực Lạc, do vàng tạo thành. Khi Di Lạc thành Phật, cõi này cũng đều là lưu ly, huống gì vàng ngọc gạch ngói do tứ vi tạo thành, có gì đáng trọng. Mặc tuy lụa là chẳng qua chỉ để che thân cho khỏi thẹn xấu, nên vải thô có hại gì. Đại Thiên Thế Giới cũng là duy tâm, một hạt tiêu cũng là duy tâm. Quán tướng nguyên là vọng, nên trong đó tính kể lớn nhỏ. Quán tính nguyên là chân, tâm biến Đại Thiên Thế Giới chẳng lớn chẳng nhỏ, tâm biến hạt cải chẳng nhỏ chẳng ít. Nước ao A Nậu như dầu rửa chân, cũng như các điều trên. Phương tiện môn là chư Phật lập bày các phương tiện như Tam thừa, Ngũ thừa. Chúng sinh quen theo pháp này, cho thật có các quả. Nhưng đối với chư Phật, chẳng qua chỉ là vì Thật bày Quyền, há có thật pháp, nên chỉ như bảo thành hóa hiện. Vô Thượng Thừa, tuy nói là sự thật nhất, song đều là lý sẵn đủ nơi bốn tính của chúng sinh, ngoài tâm không pháp, nên nói viên mãn Bồ Đề quy vô sở đắc (đắc Bồ Đề viên mãn là quay về không chỗ đắc), như vàng giấu trong mộng, há thực có vật đắc được ? Vô lượng Phật đạo, là đối với phàm tình, phàm tình không sinh, Phật đạo sao có, nên gọi là vô vi vô khởi diệt, chẳng thật như hoa đốm. Tu Di cao hơn biển, song gió không thể lay động, Thiên Định giữ tâm, Cảnh và Thức không thể hoặc loạn đổi dời. Song Tu Di không phải thật pháp, chỉ do tứ bảo

và tứ vi hợp thành. Thiên Định cũng không phải thật pháp, chỉ do Tâm, Tâm sở, Tứ phần (4) hợp thành. Sinh tử như đêm dài, thêm sự trói buộc của vô minh, nên ngày đêm đều như ngủ. Niết Bàn như mặt nhật, trí huệ sáng soi, nên ngày đêm đều như thức tỉnh. Trôi lăn trong sinh tử chỉ là sáu căn. An lạc Niết Bàn cũng chỉ sáu căn, trái giác hợp trần, đó gọi là đảo, song thật không giảm. Trái trần hợp giác, ấy gọi là chính, mà thật không tăng, nên chỉ như sáu rồng múa, chẳng qua chỉ là đầu đuôi thay đổi mà thôi. Các pháp đã đều bình đẳng, tất tùy tiện cử một vi trần pháp, tức cùng Nhất Chân Như Địa bình đẳng, chẳng phải lìa ngoài tất cả pháp, riêng có một Đại Tổng Tướng Pháp Môn (5), mà chính hết cả mọi pháp không pháp nào không phải là Đại Tổng Tướng Pháp Môn. Nương Nhất Chân Địa mà diễn bày đạo, cũng như nương vào đại địa mà có cỏ cây bốn mùa. Mùa xuân sinh trưởng, mùa hè tươi tốt, mùa thu kết trái, mùa đông rơi rụng. Cứ sinh rồi tươi, tươi rồi kết, kết rồi rụng, mà đổi thay mãi, hết lại bắt đầu, bắt đầu rồi lại hết, trái khắp mười phương, bày khắp ba đời đều là thần lực tự tại của Như Lai vậy.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG BỐN MƯƠI HAI

1 - A Nậu : Nói đủ là A Nậu Đạt, ở giữa Nam Thiệm Bộ Châu, phía nam Hương Sơn, phía bắc Đại Tuyết Sơn, chu vi tám trăm

dặm, các thứ kim ngân lưu ly làm thành bờ, nước trong như gương.

2 - Sáu rồng múa : Chỉ cho sáu căn, vì đảo và chính nên lộn lạo như sáu rồng múa vậy.

3 - Nhất Chân Địa : Vị ngộ lý Nhất Chân Pháp Giới, Hoa Nghiêm Tông gọi cực lý là Nhất Chân Pháp Giới, như Thiên Thai dùng từ ngữ Chư Pháp Thật Tướng vậy. Thể này tuyệt đối dài nên gọi là *Nhất*, chân thật nên gọi là *Chân*. Dung nhiếp hết mọi pháp, nên gọi *Pháp Giới*. Đó chính là chủ ý của cả bộ Kinh Hoa Nghiêm.

Tam Tạng Pháp Số quyển bốn : "*Không hai gọi là Nhất, không vọng gọi là Chân, giao triệt dung nhiếp nên gọi Pháp Giới, chính là Pháp Thân Bình Đẳng của chư Phật. Từ gốc (bản) đến nay, không sinh không diệt, chẳng Không chẳng Hữu, là Danh là Tướng, không trong không ngoài, chỉ thuần một chân thật, bất khả tư nghĩ, gọi là Nhất Chân Pháp Giới*".

4 - Tứ Phần : Pháp Tướng Tông lập Bát thức. Tâm Vương và Tâm Sở của Bát thức, thể tuy mỗi thứ có một, song phân biệt chỗ khởi dụng, ắt có bốn phần :

1) *Tướng Phần* : chỗ hiện cảnh nơi trong tâm. Tâm là pháp *Lự Tri* (nghĩ biết), pháp *Lự Tri* tất có pháp *Sở Tri*, nên khi tâm sinh, tự thể của tâm tự chuyển biến, hiện ra các cảnh sở lự, sở thác (bày), đó gọi là Phần cảnh sở lự sở thác. Tướng là tướng trạng, khi tâm khởi, hình tướng nổi nơi tâm.

2) *Kiến Phần* : Kiến là kiến chiếu, có nghĩa năng duyên, duyên với các tác dụng kiến chiếu của sở biến tướng phần, tự thể biến

tướng phần của thức, cộng khởi năng duyên của dụng, đó gọi là Kiến Phần.

3) *Tự Chứng Phần* : Kiến Phần tuy biết Tướng Phần, song Kiến Phần không thể tự biết Kiến Phần, như dao không thể tự chặt mình, nên lại có riêng dụng của Tri Kiến Phần, gọi là Tự Chứng Phần. Đó là phần tự thể của thức. Kiến Phần đó chẳng phải vật gì khác, tức là dụng của tự thể này duyên ngoại (Tướng Phần), nay tự thể tự chứng biết sự tự dụng này của Kiến Phần, nên gọi là Tự Chứng Phần.

4) *Chứng Tự Chứng Phần* : Dụng của Tự Chứng Phần tự chứng, ai biết được việc này, nên từ Tự Chứng Phần lại khởi dụng năng duyên, để khiến chứng biết được tự chứng, đó gọi là Chứng Tự Chứng Phần. Song biết Chứng Tự Chứng Phần này là ai biết, tức chính là Tự Chứng Phần trước vậy. Tự Chứng Phần này là tự thể chứng, tức đều biết rõ được Kiến Phần duyên ngoại và Chứng Tự Chứng Phần duyên nội. Do vì Kiến Phần và Chứng Tự Chứng Phần là hai dụng nội và ngoại của Tự Chứng Phần, thể át năng tri dụng vậy, kiêm duyên nhị phần, nên không cần phần thứ năm.

Thí dụ : Mọi hóa vật trong tiệm là Tướng Phần, người quản lý như Kiến Phần, chủ nhân như Tự Chứng Phần, còn Chứng Tự Chứng Phần như người vợ. Kiến Phần duyên với Tướng Phần, mà không thể duyên được với Tự Chứng Phần, tựa như người quản lý xếp đặt các hóa vật song không thể biết được các công việc của chủ nhân. Tự Chứng Phần duyên được với Kiến Phần bên ngoài (ngoại) và Chứng Tự Chứng Phần bên trong (nội), tựa như chủ nhân coi sóc được cả quản lý lẫn người vợ. Chứng Tự Chứng Phần duyên Tự Chứng Phần, như vợ biết việc chồng.

Luận Khởi Tín cho rằng : "*Các nghiệp chuyển hiện của tám thức, lần lượt như vậy, hợp với tam phần, Tự Chứng Phần, Kiến Phần, Tướng Phần. Nhưng tất cả các pháp, không một pháp nào không ảnh hiện nơi Tướng Phần, song các tướng ảnh hiện không đồng*".

Năm thức đầu Tướng phần ... Năm cảnh
Thức thứ sáu Tướng phần ... Tất cả pháp
Thức thứ bảy Tướng phần ... Kiến phần của thức thứ tám
Thức thứ tám Tướng phần ... Chủng tử ngũ căn, khí giới:
Thế tính
Ngũ cảnh

5 - Đại Tổng Tướng Pháp Môn : Gọi Thật Thế của Chân Như vậy. Chân Như quảng đại thu nhiếp hết thấy, nên gọi là Đại ; một vị bình đẳng lia tướng sai biệt, nên gọi là Tổng Tướng ; là quỹ phạm của hành giả, nên gọi Pháp ; quán trí thông du nên gọi Môn. **Luận Khởi Tín** nói : "*Tâm Chân Như là thế Nhất Pháp Giới Đại Tổng Tướng Pháp Môn*".

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH GIẢI

Kinh này thu thập cả đốn lẫn tiệm. Phần đầu đề vương, thức tâm đạt bốn, hiểu pháp vô vi, gọi là Sa Môn. Lại nói tâm không vương mắc nơi đạo, cũng không kết nghiệp, vô niệm vô tác, chẳng tu chẳng chứng, không trải qua các vị, mà tự ở ngôi cao nhất, gọi đó là Đạo. Ý chỉ vô trụ của Kim Cương, pháp môn bất nhị (1) của Duy Ma, không qua kinh này. Lại nói cúng ngàn ức ba đời chư Phật, không bằng cúng một người Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng.

Phàm người Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng là chỉ cho tự tính Thiên Chân Phật (2). Ba đời chư Phật chỉ giác ngộ điều này, chẳng có thứ gì thêm nữa. Trong các món cúng dường, pháp cúng dường là hơn cả. Pháp cúng dường là nhận biết được tự tâm, thấu rõ pháp không tịch. Niệm niệm Phật xuất thế, niệm niệm Phật diệt độ, là cúng dường bậc Vô Niệm, Vô Trụ, Vô Tu, Vô Chứng, há phải chạy cầu bên ngoài sao. Đó là Đốn giáo (3).

Phần giữa nêu Tứ Chân Đạo (4), Thập Thiện Hạnh (5) chê trách dục nhiễm, khuyến khích phát tịnh nghiệp.

Cảnh giác thế gian không thường còn, giác ngộ mọi huyễn hóa. Đó là Tiệm giáo (6).

Phàm dục nhiễm không bỏ, ắt tịnh hạnh khó thành ; tịnh hạnh khó thành, ắt bốn minh không phát, nên nhắc đi nhắc lại, tu tập trừ ái bỏ dục. Để trợ lực cho hành đạo thủ chân, phải quay về Vô Ngã, hiểu rõ Vô Ngã, cấu uế nơi tự tâm hết, thường quang hiển hiện. Đó gọi là hiểu Vô Vi Pháp. Song người thế luôn luôn tham trước hữu vi, không bỏ ái dục. Vì sao ? Do không biết mạng người vô thường, thế giới huyễn hóa. Hưởng cái vui giây lát, chịu cái nạn ngàn năm, dao mật đước gió, lời ấy thống thiết, nếu là kẻ có chí trượng phu, ai mà không nao lòng tỉnh xét. Kinh nói : "Những lời Phật dạy, thí như ăn mật, giữa bên đều ngọt". Người học hết tâm nơi đây, ắt Ngũ Bộ (7) các kinh, đều có cửa ngõ mà vào vậy.

Học Đạo Nhân Bàn Tế Thanh (8) viết.

CHÚ THÍCH :

1 - **Bất Nhị Pháp Môn** : Lý nhất thật, như như bình đẳng, không có bỉ thử khác biệt, gọi là *Bất Nhị*. Bồ Tát ngộ nhập lý nhất thật bình đẳng, gọi là nhập Bất Nhị Pháp Môn. Lý Bất Nhị (không hai) là quỹ phạm của Phật đạo nên gọi là Pháp. Chúng Thánh do đây mà thu nhập nên gọi là Môn. Phật giáo có bốn vạn tám ngàn pháp môn, pháp môn Bất Nhị hơn hết, vì trực kiến được Thánh

đạo vậy. Kinh Duy Ma ghi : " Văn Thù Sư Lợi hỏi Duy Ma Cật : Sao gọi là pháp môn Bát Nhị ? Duy Ma im lặng không đáp. Văn Thù nói : Lành thay ! Lành thay ! Chẳng còn ngôn ngữ văn tự, mới thật là pháp môn Bát Nhị vậy". **Thập Nhị Môn Luận** Số Thượng : " *Tịnh Danh lấy lý làm môn, nhất đạo thanh tịnh, nên gọi Bát Nhị, cực chân khả quý, gọi là Pháp, chí diệu hư thông, gọi là Môn*".

2 - **Thiên Chân Phật** : Tên khác của Pháp Thân Phật. Ý chỉ tự tính vốn đủ của chúng sinh, tức *thiên chân độc lãng* vậy (Thiên chân là nói bản thể bất sinh, người học đạo ngộ được thiên chân ấy, át thấu suốt rõ ràng xưa nay không có sinh tử Niết Bàn, phàm thân cũng chính là thân Đại Giác, đó gọi là Thiên Chân Độc Lãng). **Chứng Đạo Ca** : "*Pháp thân giác liễu vô nhất vật, Bốn nguyên tự tính thiên chân Phật*" (Pháp thân đã ngộ không còn vật, tự tính sẵn là Phật Thiên Chân). **Tông Cảnh Lục** quyển 16 : "*Tổ Phật cũng chỉ tâm này mà thành quả Phật, cũng gọi là Thiên Chân Phật, Pháp Thân Phật, Tính Phật, Như Như Phật*".

3 - **Đốn Giáo** : Đốn giáo và Tiệm giáo gọi chung là Nhị giáo, gồm có ba nghĩa :

1) **Phân Đốn Tiệm theo sự Hóa Nghi của Phật** : Như Lai thành đạo đối thẳng hàng Bồ Tát, thuyết pháp Đại Thừa, gọi là Đốn giáo. Từ kinh A Hàm trở lên đến Pháp Hoa Niết Bàn, mới nói Tiểu thừa chung cục hiểu pháp Đại Thừa, đó là Tiệm giáo. Tề triều, ẩn sĩ Lưu Cầu, Tịnh Ảnh Huệ Viễn y theo nghĩa này lập Nhị Giáo Đốn Tiệm (xem Đại Thừa Nghĩa Chương quyển một, Hoa Nham Huyền Đàm quyển bốn). Đốn Tiệm của Thiên Thai cũng theo ý này, gọi Pháp Hoa là Tiệm Viên Giáo (Thai gia gọi đây là Đốn Tiệm theo Bộ).

2) *Phân Đốn Tiệm theo Cơ Nghi* : Đối với căn cơ tiệm ngộ, trước nói Tiểu Thừa, sau nói Đại Thừa, do Tiểu khởi Đại, nên là Tiệm giáo. Đối với căn cơ đốn ngộ nói thẳng Đại Thừa, không do Tiểu khởi, nên là Đốn giáo. Diên Pháp sư đời Tùy theo ý nghĩa này lập Đốn Giáo và Tiệm giáo (xem Ngũ Giáo Chương quyển thượng thứ nhì). Thiên Thai Tông theo ý này, gọi Quán Kinh là Đốn giáo, vì Quán Kinh nói thẳng pháp Đại Thừa Viên giáo cho phàm phu Vi Đề Hi.

3) *Phân Đốn Tiệm theo Pháp Thiên Viên* : Các phương tiện giáo lệch hẹp (thiên tích), vòng vo là Tiệm giáo. Trừ Viên giáo, kỳ dư các giáo đều là Tiệm giáo. Các cực pháp thành Phật viên mãn ngay là Đốn giáo (Thai Gia gọi đây là Đốn Tiệm theo giáo).

4 - *Tứ Chân Đạo* : Tức Tứ Chân Đế, hay Tứ Thánh Đế, là Tứ Đế, Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Lý này là chân chính, nên gọi là Chân Đế, là kiến giải của Thánh, nên gọi là Thánh Đế. Kinh Niết Bàn quyển 15 : "*Tôi cùng các vị, xưa vì không thấy Tứ Chân Đế, nên phải lưu chuyển trong biển khổ sinh tử, nếu thấy được Tứ Đế, ắt dứt được sinh tử*".

5 - *Thập Thiện Hạnh* : Không phạm vào thập ác, gọi là thập thiện. Thập ác gồm : sát sinh, trộm cắp, dâm dục, nói láo, nói thêu dệt, nói lưỡi đôi chiều, nói thô ác, tham dục, sân khúe và si mê. Thiên Thai nói : "*Thập thiện có hai thứ là Chỉ và Hành*". Chỉ tức ngưng ác trước, không nã loạn theo nó nữa. Hành tức tu hành thắng đức, lợi lạc cho hết thấy. Cả hai chỉ và hành đều gọi là thiện. Thiện có nghĩa thuận lợi. Ngưng diên đảo quay về chân (tức đảo quy chân), gọi là thuận lý. Chỉ là dừng ác không cho đảo diên nữa, hành là quay đầu về với thắng đạo (tiệm quy

thắng đao). Nên cả hai Chỉ và Hành đều gọi là Thiện, có khi thêm chữ Đạo, là hàm ý đưa đến lạc quả.

6 - Tiệm Giáo (xem chú thích 3).

7 - Ngũ Bộ : Ngũ Bộ Đại Thừa kinh, do Thiên Thai Đại sư tuyển định trong các kinh Đại Thừa, phân làm Ngũ Bộ, gồm : Hoa Nghiêm Kinh, Đại Tập Kinh, Đại Phẩm Bát Nhã Kinh, Pháp Hoa Kinh, Niết Bàn Kinh.

Pháp Hoa Huyền Nghĩa ghi : "*Cứu cánh Đại Thừa, không qua các kinh Hoa Nghiêm, Đại Tập, Đại Phẩm, Pháp Hoa và Niết Bàn*".

8 - Bành Tế Thanh (1740-1796)

Tên thật là Thiệu Thăng, tự Duẩn Sơ, hiệu Xích Mộc, lại còn hiệu là Tri Quy Tử và Nhị Lâm Cư Sĩ. Tế Thanh là pháp danh khi thọ Bồ Tát giới. Người huyện Trường Châu tỉnh Giang Tô (nay là Tô Châu), trong một gia đình sĩ tộc, phụ tổ đều là khoa bảng quan thần. Tế Thanh cũng thi đỗ tiến sĩ vào năm Càn Long thứ 34 (1769), được bổ làm Huyện quan, song từ chối không đi.

Ban đầu Tế Thanh chuyên nghiên cứu Minh Lý Học đời Tống, lại theo đạo sĩ tu luyện các thuật, ba năm không ứng nghiệm, sau được nghe Phật Pháp nơi người bạn là Tiết Gia Tam, đến khi lên kinh ứng thí, quen biết La Hữu Cao, là người say mê sách Phật, ngày đêm nghiên ngẫm, nên Tế Thanh được đọc Tử Bá Toàn Tập (Minh Cao Tăng), và bắt đầu quay hướng về Phật pháp, kế đọc các sách của Liên Trì, Hám Sơn và Ngẫu Ích, sau đó phát tín tâm sâu thiết nơi pháp môn Tịnh Độ. Tế Thanh do ngưỡng mộ Liên Trì thệ nguyện vãng sinh Tịnh Độ, lấy hiệu là

PHẬT THUYẾT TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

Tri Quy Tử. Càn Long năm 38 (1773), thọ Bồ Tát giới tại Hoa Tạng Am ở Tô Châu, lúc đó ông được 34 tuổi.

Sau khi thọ giới, ông ăn chay sống tịnh hạnh, vợ là Phí Lan Tương cũng thọ Ưu Bà Di giới. Hai cô con gái, A Hoàn và A Oanh tụng Pháp Hoa kinh mỗi ngày, sinh hoạt gia đình đầy không khí Phật pháp. Thuở nhỏ khi học sách Nho, ngưỡng mộ tư cách của Lương Khê Cao Phàn Long, đến khi học Phật, ngưỡng mộ hạnh tiêu sái của Lô Sơn Lưu Di Dân, lại do chỗ tu học của hai người này đều gọi là Đông Lâm, nên Tế Thanh tự đề chỗ mình ở là Nhị Lâm, và lấy đó làm danh hiệu. Ông thâm tín giáo nghĩa Tịnh Độ, ngoài Liên Trì Đại Sư ra, ông kính ngưỡng ngài Tỉnh Am, lại giao du luận đạo với Hồng Loa Sơn Triệt Ngộ ở Bắc Kinh, Cao Mân tự Chiếu Minh ở Dương Châu, Thiên Mục Sơn Lữ Đình ở Triết Giang. Càn Long năm 50 (1785), ông tịnh cư ở Văn Tinh Các (Tô Châu), chuyên tu Nhất Hạnh Tam Muội, nhất tâm niệm Phật, ông lại gom góp các bản văn tự, nguyện văn, đề tựa của ông lại thành tập sách, gọi là Nhất Hạnh Cư Tập.

Tế Thanh thường đóng cửa niệm Phật, phát nguyện hồi hướng. Văn niên thường cùng dãm vị bạn đạo tịnh tu ở Hàng Châu. Gia Khánh nguyên niên (1796), niệm Phật an tường mà mất, thọ 57 tuổi.

Tế Thanh góp phần rất lớn cho Phật học thuở đó, ông bị ảnh hưởng mạnh mẽ nơi các kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã và Tứ Thập Nhị Chương. Ông xưng tán các bộ kinh này, như tiếng thác chảy, như chuông ngân trong đêm vắng, khiến người tỉnh thức. Tuy chuyên tu Tịnh Độ, song ông đọc khắp các kinh luận, từng viết các bài hậu ký của hơn 30 bộ kinh, như Tứ Thập Nhị Chương, Quán Kinh, Lăng Nghiêm, Duy Ma, Hoa Nghiêm, Kim

DI GIÁO TAM KINH

Cương, Di Giáo... để giới thiệu hoặc trình bày chỗ kiến giải sau khi xem kinh. Ông rất chú trọng sự nghiệp phúc điền, và bi điền, thường trợ giúp người bần cùng cô thế, in kinh, trai tăng, phóng sinh, bố thí. Các tác phẩm của ông để lại gồm có :

- Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín luận (3 quyển),
- Quán Vô Lượng Thọ Kinh Ước Luận (1 quyển),
- A Di Đà Kinh Ước Luận (1 quyển),
- Nhất Thừa Quyết Nghi Luận (1 quyển),
- Hoa Nghiêm Kinh Niệm Phật Tam Muội Luận (1 quyển),
- Cư Sĩ Truyện (56 quyển),
- Thiện Nữ Nhân Truyện (2 quyển),
- Nhị Lâm Cư Tập (24 quyển),
- Nhất Hạnh Cư Tập (8 quyển),
- Nhị Lâm Xướng Họa Thi, Quán Hà Tập, Trác Hải Tập (mỗi thứ một quyển).

Ngoài ra, Tế Thanh còn trùng san lại các bộ Tịnh Độ Tam Kinh, Tỉnh Am Pháp Sư Ngũ Lục (3 quyển), Niệm Phật Cảnh Sách (3 quyển), Tây Phương Công Cứ (2 quyển).

Ngày 28 tháng chạp năm Kỷ Ty (24/1/1990)

Liên Hạnh Tỳ Kheo Thích Thiện Huệ

Viết dịch và chú thích.

KINH BÁT ĐẠI NHÂN
GIÁC

LƯỢC GIẢI

HẬU HÁN SA MÔN AN THẾ CAO DỊCH
MINH NGẪU ÍCH THÍCH TRÍ HỨC GIẢI

KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC LƯỢC GIẢI

TÂY ĐỘ THÁNH HIỀN TẬP

Hậu Hán Sa Môn An Thế Cao dịch
Minh Ngẫu Ích Thích Trí Húc giải

Toàn văn phân làm ba, trước là nêu chung, thứ là giải riêng, sau cùng là kết luận.

Nay nói phần đầu :

Là đệ tử Phật, phải ngày lẫn đêm, chí tâm tụng niệm, Tám Điều Giác Ngộ của bậc Đại Nhân.

Bất kể tại gia, xuất gia, hễ đã quy y nơi Phật, đều là đệ tử Phật. Đã là đệ tử Phật, ắt phải hàng tu Tám Điều Giác Ngộ này. Nói cả ngày lẫn đêm để nêu rõ công phu không gián đoạn. Bảo chí tâm là chỉ sự chân thành tha thiết. Lại nói tụng niệm, để hiển bày văn nghĩa thuần tịnh, ghi nhớ không quên vậy. Tám Điều Giác Ngộ sẽ chú thích trong văn kết thán.

Thứ hai giải riêng tám điều :

- Trước nhất giác vô thường vô ngã :

Giác ngộ thứ nhất : Thế gian vô thường, quốc độ mong manh, tứ đại khổ không, năm ấm vô ngã, sinh diệt đổi dời, hư ngụy không chủ, tâm là nguồn ác, thân là mọi tội, quán sát như vậy, xa dần sinh tử.

Đây là cửa đầu nhập đạo, trước bày phá ngã pháp hai chấp. Trước tiên quán *thế gian vô thường, quốc độ mong manh*, như các thứ bờ cao thành hố, hang sâu hóa gò, quán như vậy, ắt nơi y báo (1) không còn tham cầu. Thứ đến do bốn đại quán thân, đất nước lửa gió gây hại lẫn nhau, nên có 404 bệnh khổ. Đại nào cũng không thật tính, nên cứu cánh đều không. Lại do năm uẩn quán tâm, thọ tướng hành thức hợp cùng sắc thân gọi là năm ấm, nơi đây thực chẳng có ngã và ngã sở, chỉ là pháp sinh diệt, biến hoại đổi dời trong từng sát na, không thật nên hư ảo, chẳng chân thành giả ngụy. Chỉ do nơi các tướng đổi thay nên thật không chủ, do vậy nơi chính báo (2) không khởi tâm tham đắm. Lại thân tâm chính báo này, dầu ta có yêu mến nó, cũng chỉ luống công chẳng được lợi ích, mà còn do vừa mê sáu trần duyên ảnh, cho là tướng tự tâm, tâm lập tức trở thành cội gốc của tội ác. Vừa mê bốn đại tướng tướng của tự thân, thân liền thành chỗ chứa mọi tội lỗi. Nếu không xét thấu điều này, tất hại cho sự an lành vô

cùng. Có quán sát được vậy, ắt hai chấp thân tâm giảm nhẹ, đó là phương tiện thứ nhất xa dần sinh tử.

- Thứ hai giác thường tu thiếu dục.

Giác tri thứ nhì : Đa dục là khổ, sinh tử nhọc nhằn, do tham dục khởi, thiếu dục vô vi (3), thân tâm tự tại.

Đã do điều giác ngộ thứ nhất hàng phục kiến hoặc (4), nay lại do điều giác ngộ thứ hai hàng phục tư hoặc (5) vậy. Tư hoặc tuy nhiều, dục tham đứng đầu, hễ tu thiếu dục, tất ngộ vô vi mà được tự tại.

- Thứ ba giác tri túc thủ đạo.

Giác tri thứ ba : Tâm không chán đủ, chỉ hay đa cầu, tăng trưởng tội ác, Bồ Tát không vậy, thường niệm tri túc, an bản giữ đạo, Huệ là sự nghiệp.

Đã tu thiếu dục, nên tu tri túc, bằng cách chuyên tâm nơi huệ nghiệp vậy. Người đa dục không tri túc, ngăn che trí huệ vô cùng. Nay nơi thiếu dục, lại thêm tri túc, tất huệ nghiệp tự nhiên thắng tiến.

- Thứ tư giác thường hành tinh tiến :

Giác tri thứ tư : Giải đãi đọa lạc, thường hành tinh tiến, phá ác phiền não, hàng phục bốn ma, ra khỏi nhà ngục ám giới.

Phàm gọi là thiếu dục tri túc, chính là muốn tự xét sức mình để làm các việc. Nếu mượn cố tri túc mà ngồi trong hầm giải đãi, tất đọa lạc càng sâu, nên phải thường hành tinh tiến để phá trừ hai món phiền não kiến tư. Trừ ma phiền não rồi, ắt tối phục được hết ấm ma, tử ma (6), có như vậy mới ra khỏi nhà ngục ngũ ấm thập bát giới (7).

- Thứ năm giác đa văn trí huệ.

Giác ngộ thứ năm : Sinh tử ngu si, Bồ Tát thường niệm, quảng học đa văn, tăng trưởng trí huệ, thành tựu biện tài, giáo hóa hết thấy, khiến được vui lớn.

Tuy nói tinh tiến, mà không quảng học đa văn để tăng trưởng trí huệ, tất thành cái lỗi ám chứng (8), lại có nghe mà không huệ, như đem lửa tự đốt ; có huệ mà thiếu nghe, như cầm dao tự cắt. Nghe (Văn) và Huệ phải đầy đủ, mới tự lợi lợi tha.

- Thứ sáu giác bố thí bình đẳng.

Giác trí thứ sáu : Nghèo khổ đa oán, thường kết ác duyên, Bồ Tát bố thí, oán thân bình đẳng, không nhớ ác cũ, không ghét ác nhân.

Tuy có trí huệ mà không phúc đức, cũng không sao tự lợi lợi tha, nên cần hành đủ tam đàn vậy. Biết nghèo

khổ nhiều oán trái, nên hành bố thí, đó là tài thí. Rõ oán thân nên bình đẳng, mà không nhớ không ghét, tức vô úy thí. Pháp thí như văn trên đã nói, nay thêm tài thí và vô úy thí để đủ tam đàn vậy.

- Thứ bảy giác xuất gia phạm hạnh.

Giác ngộ thứ bảy : Năm dục tội lỗi, tuy là tục nhân, không nhiễm dục lạc thế gian, thường niệm pháp khí, ba y một bát, chí nguyện xuất gia, thủ đạo thanh bạch, phạm hạnh cao vời, từ bi mọi loài.

Tuy tu trí huệ phúc đức, nếu không dứt hẳn ngũ dục gia đình, ắt không sao thiệu long Tam Bảo, trụ trì Phật pháp. Phải biết ba đời chư Phật, chưa từng không thị hiện thân xuất gia mà thành đạo cả. Tam y (9), một là An Đà Hội, hai là Ưu Đa La Tăng, ba là Tăng Già Lê. Nên tuy cư thân xuất gia mà không giữ đạo thanh bạch, phạm hạnh cao vời, từ bi với muôn loài, tất chỉ là gã trộm Phật hình nghi, càng gây thêm tội, phải hiểu rõ như vậy.

- Thứ tám giác đại tâm phổ tế.

Giác trí thứ tám : Sinh tử thiêu đốt, khổ não vô cùng, phát tâm Đại thừa, cứu vớt hết thảy, nguyện thay chúng sinh, chịu vô lượng khổ, khiến mọi chúng sinh, tất cánh an lạc.

Tuy đã xuất gia, không phát tâm Đại thừa rộng độ, tất từ tâm không trọn, không phát tâm chịu khổ thay chúng sinh, ắt bị tâm không vẹn. Từ bi trọn đủ mới thực là người con chấn hưng gia nghiệp nhà Phật.

Phần kết thán :

Tám điều như vậy, là chỗ giác ngộ của Bạc Đại Nhân, chư Phật Bồ Tát tinh tiến hành đạo từ bi tu huệ, ngồi thuyền pháp thân đến bờ Niết Bàn lại vào sinh tử độ thoát chúng sinh, dùng tám điều này khai đạo tất cả, khiến các chúng sinh rõ sinh tử khổ, xả bỏ ngũ dục, tu tâm thánh đạo. Nếu đệ tử Phật, trong hàng mỗi niệm, tụng tám điều này, diệt vô lượng tội, tiến đến Bồ Đề, tốc chúng chính giác, vĩnh đoạn sinh tử, thường trụ khoái lạc.

Từ Tu tám điều như vậy trở xuống đến chữ thứ 16, kết thành danh nghĩa. Từ Tinh tiến hành đạo trở xuống đến chữ thứ 16, kết thành công đức tự giác. Thuyền Pháp thân chỉ cho đức tính giác ngộ, bờ Niết Bàn hiển bày chỗ tu đức. Từ Lại vào sinh tử độ thoát chúng sinh trở xuống đến chữ thứ 32 (tu tâm thánh đạo), kết thành công đức giác tha, chỉ có tự giác mới giác tha được. Từ Nếu đệ tử Phật cho đến hết phần kết thán, kết thành công đức tụng niệm.

Đã thường tụng văn này, tất khéo hiểu chân ý nghĩa, nhờ khéo tư duy nghĩa này, mà có thể tự giác giác tha. Do vậy diệt mọi tội lỗi và đoạn trừ sinh tử khổ, hướng đến bờ giác và chứng được sự an lạc vĩnh hằng.

Chú thích kinh Bát Đại Nhân Giác.

1- **Y Báo** : Y báo và Chính báo gọi chung là nhị báo. Y báo còn gọi là Y Quả, tức quốc độ, thế giới, nhà cửa, khí cụ các thứ, do nghiệp đời trước mà chúng sinh cảm được, thân của chúng sinh nương các thứ này mà tồn tại, nên gọi là Y báo.

2 - **Chính Báo** : Còn gọi là Chính Quả, tức thân ngũ uẩn, chúng sinh do nghiệp đời trước mà cảm được thân này, đó là quả báo chính, nên gọi là Chính báo (xem Hoa Nghiêm Đại Số 1).

3 - **Vô Vi** : Xem chú thích chương 2, Kinh Tứ Thập Nhị Chương.

4 - **Kiến Tư** : Là Kiến hoặc và Tư hoặc, còn gọi là Kiến Ái, Kiến Tu, Tứ Trụ, Nhiễm Ô Vô Tri, Chi Mạt Vô Minh, Thông Hoặc, Giới Nội Hoặc, đều khái quát gọi chung phiền não của Tam giới.

1) **Kiến Hoặc** : Các loại vọng kiến, phân biệt và suy lường lệch lạc các đạo lý, mà phát sinh ra các thứ vọng hoặc như Ngã Kiến, Biên Kiến.

2) **Tư Hoặc** : Các mê tình như Tham Sân Si, các vọng hoặc phát khởi do tư lự các sự vật ở thế gian.

Như vậy dựa theo sự mê chấp, gọi Kiến hoặc là Lý hoặc, Tư hoặc là Sự hoặc. Vì Kiến hoặc là những thứ tà tướng, thường

kiến, ngã kiến phát sinh bởi sự mê làm chân lý, vô thường, vô ngã, và vì Tư hoặc là những vọng tình tham sân si phát sinh do sự mê nhiễm sắc thanh của các sự vật ở thế gian. Song phân Kiến hoặc, Tư hoặc theo mê lý và mê sự, là theo Pháp Tướng của Tiểu thừa Câu Xá. Còn theo Pháp Tướng của Đại thừa Duy Thức, thì phân loại theo hai thứ Phân Biệt khởi và Câu Sinh khởi. Hai chương phiền não và sở tri do Phân Biệt Khởi là Kiến hoặc, hai chương phiền não và sở tri do Câu Sinh Khởi là Tư hoặc. Lại gọi là Kiến vì gồm hai nghĩa :

- a) Các hoặc bị đoạn trừ khi chiếu kiến chân lý, nên gọi *Kiến hoặc*.
- b) Kiến có nghĩa suy lường, hoặc này lấy suy lường làm tính, nên gọi là *Kiến hoặc*.

Tư cũng có hai nghĩa :

- a) Một khi đã kiến (thấy) chân lý đoạn kiến hoặc rồi, lại tư duy tu tập chân lý để đoạn hoặc này, nên gọi *Tư hoặc*.
- b) Vì tư duy thế gian, vọng chấp sự vật mà khởi hoặc, nên gọi hoặc này là *Tư hoặc*.

Cả hai hoặc này là nhân chính thọ sinh tử trong tam giới, đoạn hai hoặc này mới thoát được sinh tử tam giới. Đoạn hoặc cũng theo thứ tự, trước đoạn kiến hoặc, sau đoạn tư hoặc. Kiến hoặc có tính mãnh lợi, khi kiến (thấy) đế lý liền đoạn sạch. Còn Tư hoặc có tính độn muội, phải nhiều lần tư duy đế lý mới từ từ đoạn được. Vị đoạn Kiến hoặc gọi là Kiến đạo, vị đoạn Tư hoặc gọi là Tư đạo. Vị đoạn cả hai hoặc gọi là Vô Học đạo.

Thiên Thai Tông quy kết hết thấy vọng hoặc làm ba thứ :

- a) Kiến Tư là chương ngăn Niết Bàn.

b) Trần Sa là chướng ngăn Bồ Đề.

c) Vô Minh là chướng ngăn Trung Đạo thật tướng.

5 - **Tư Hoặc** : (xem chú thích 4)

6 - **Ấm Ma, Thiên Ma, Tử Ma** : Gọi là Tam Ma. **Chỉ Trì Hội Tập Âm Nghĩa** giải thích Tam Ma như sau :

1) **Phiền Nã Ma** : Chỉ hết thấy vọng hoặc trong Tam giới, các vọng hoặc này nhiều loạn tâm thần hành giả, khiến không thành tựu Bồ Đề được, nên gọi là Phiền Nã ma. Ngũ Ấm Ma được nhiếp trong Ma này.

2) **Thiên Ma** : Tức trời thứ sáu của Dục giới. Nếu người nào muốn cầu tu các thắng thiện để siêu xuất sinh tử của Tam giới, ắt bị Thiên Ma này chướng ngại, tạo nên đủ thứ nhiễu loạn, khiến hành giả không thể thành tựu được thiện căn xuất thế. Gọi đó là Thiên Ma.

3) **Tử Ma** : Chỉ bốn đại phân tán, cái chết ngăn chặn sự kéo dài huệ mệnh, nên gọi là Tử Ma.

Lại **Trí Độ Luận** quyển năm và **Nghĩa Lâm Chương** quyển sáu gọi Phiền Nã Ma, Ấm Ma, Thiên Ma và Tử Ma là Tứ Ma.

1) **Phiền Nã Ma** : các thứ phiền não tham dục, sân khuê, thường gây nhiễu hại thân tâm, nên gọi là Ma.

2) **Ấm Ma** : Hay còn gọi là Ngũ Chúng Ma, tân dịch là Uẩn Ma. Năm ấm thường sinh đủ mọi khổ não, nên gọi là Ma.

3) **Tử Ma** : Sự chết hay đoạn mệnh căn của người nên gọi là Ma.

4) **Thiên Ma** : Tức Tha Hóa Tự Tại Thiên Tử Ma, tân dịch là Tự Tại Thiên Ma, là Ma Vương của trời thứ sáu dục giới, thường phá hại các thiện sự của người, nên gọi là Ma. Chỉ có Ma này

trong Tứ Ma là bốn pháp, còn ba thứ kia theo ý nghĩa mà gọi là Ma.

7 - Thập Bát Giới : Gồm *lục căn* (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý), *lục trần* (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), và *lục thức* (nhãn cho đến ý thức). *Giới* có nghĩa sai khác, vật này vật nọ không xen tạp được nhau. Đại Thừa Nghĩa Chương quyển tám mặt : "*Giới là phân giới, do các pháp có tính khác biệt, nên gọi là Giới*". Vì lục căn, lục trần, và lục thức có tính khác biệt nên gọi chung là 18 giới. Lại Câu Xá Luận quyển nhất nói : "*Giới có nghĩa các loại pháp (pháp chủng tộc), như trong một núi có nhiều loại như đồng, sắc, vàng... gọi là đa giới (nhiều chất loại). Như vậy một thân hoặc một tương tục có đến 18 loại pháp chủng tộc, gọi là 18 giới*". Hiểu theo nghĩa trên, giới của Tam giới và Thập Bát giới là giới theo Đa giới, không nên hiểu là giới theo Pháp giới.

8 - Âm Chúng : Chuyên lấy tọa thiền làm công phu, còn nơi văn nghĩa của nghĩa lý thì mờ ám.

9 - Tam Y : Y phục do Phật chế phân làm ba loại :

- 1) Tăng Già Lê (Sanghàti) dịch là Chúng Tụ Thời Y. Y này để mặc vào những lúc đại chúng tề tập truyền giới hay thuyết giới.
- 2) Uất Đa La Tăng (Uttaràsanga) dịch là Thượng Y (Y trên), mặc trên y An Đà Hội.
- 3) An Đà Hội (Antarvāsaka) dịch là Trung Trước Y (áo mặc bên trong).

Sau này ba y được phân theo Điều, như An Đà Hội là Ngũ Điều Y, Uất Đa La Tăng là Thất Điều Y, và Tăng Già Lê là Cửu Điều trở lên, hay còn gọi là Đại Y.

AN THẾ CAO LƯỢC TRUYỆN

(KHOẢNG THẾ KỶ THỨ HAI)

Ngài họ An tên Thanh, tự Thế Cao, vốn là Thái Tử xứ An Tức, nổi tiếng hiếu hạnh và thông minh, lại chuyên cần hiếu học, nên huệ giải hơn người, thông hiểu nhiều ngôn ngữ, cùng các thứ phương y dị thuật, thậm chí nghe hiểu cả tiếng chim muông. Khi vua cha băng hà, Ngài ngộ lẽ vô thường, nhường ngôi báu cho người chú, xuất gia học đạo. Ngài chuyên nghiên cứu A Tỳ Đàm, tu tập thiền định, đi du hóa các xứ Tây Vực.

Năm Kiến Hòa sơ niên (147), đời Hán Hoàn Đế, Ngài đến Lạc Dương, chẳng bao lâu thông hiểu Hoa ngữ, Ngài bắt đầu phiên dịch kinh điển. Thuở đó kinh điển bằng Hán văn còn rất ít, người tu cần nhiều nhu cầu về mặt tu tập thiết thực, nên Ngài đã dịch những bộ kinh liên quan đến phương diện tu tập chỉ quán như kinh An

Ban Thủ Ý (chỉ bày về Sổ Túc Quán Tâm Pháp, là bộ kinh quan trọng về tu tập Thiền Quán và cũng là bộ kinh Thiền quán đầu tiên tại Trung quốc), **Ấm Trì Nhập Kinh** (kinh nêu rõ các pháp Ngũ Ấm và Lục Nhập). Theo **Chúng Kinh Mục Lục** do Ngài Đạo An đời Tấn biên soạn, Ngài phiên dịch tổng cộng gồm 35 bộ, 41 quyển, song đến nay chỉ còn 22 bộ, 26 quyển.

Ngài thấu suốt được nhân quả ba đời, biết được việc tiền kiếp, như lời Ngài tự thuật. Tiền thân Ngài là một vị xuất gia cùng tu với một người bạn đạo. Người này có tính dễ sân, hễ ai trái ý thì ôm lòng oán hờn, Ngài thường khuyên răn nhưng người bạn không nghe. Trải qua 20 năm, tự biết mình sắp hết nhân duyên, nên từ biệt và dặn dò người bạn : "Tôi phải đến Quảng Châu để trả nợ đời trước, thầy thông hiểu kinh luận, lại dụng tâm tinh cần, nào có kém gì tôi, chỉ đáng tiếc hay ôm tính oán hờn, nên đời sau ắt chịu ác báo. Nay chúng ta đã là bạn đồng tu, hẳn có duyên với nhau, nếu như tôi đạt đạo, tất sẽ cứu hộ thầy khỏi ác nghiệp này". Rồi Ngài tìm đến Quảng Châu, nhằm lúc cường khấu gây loạn, giữa đường gặp một thiếu niên dơ dao chặn Ngài, nói "Chúng quy cũng kiếm được người, phen này người không khỏi đền mạng cho ta". Bất ngờ gặp kẻ ác hung, Ngài vẫn thản nhiên đáp : "Ta vẫn biết nhiều kiếp nợ mạng người, nên đã lặn lội từ xa đến đây cốt để trả

món nợ ấy. Sở dĩ người không người được tâm oán hận, cũng do vì oán độc đời trước chưa được giải trừ". Nói xong đưa cổ chịu chém, thanh niên nợ máu dao kết liễu mối oán hờn. Những người bàng quan lúc ấy ai cũng bàng hoàng trước sự thể lạ lùng này. Thánh nhân đối với nhân quả báo ứng coi nhàn thôi vậy. Sau đó Ngài tái sinh vào hoàng gia nước An Tức, chính là Thái Tử An Thế Cao.

Ngài hoàng hóa Trung Quốc, phiên dịch kinh điển, đến đời vua Linh Đế năm cuối, loạn lạc khắp đầy Lạc Dương, Ngài chống gậy vào Giang Nam tìm đến Lô Sơn hóa độ bạn tu năm cũ.

Khi Ngài tới miếu Đình Hồ, người bạn tu trước đã thành Thần miếu ở đây, miếu này nổi tiếng hiển linh, những người con buôn đi ngang qua ai cũng vào cúng lễ để được bình an vô sự. Lúc trước có người đến thỉnh thần trúc, không mang sinh vật đến chúc thọ, cứ tự tiện chặt thần trúc mang về, chẳng bao lâu thuyền người này chìm mất giữa hồ. Từ đó trở đi, thương thuyền qua lại đều phải thành tâm cúng lễ Thần miếu, không dám sơ hốt. Ngài cùng khách thương ghé vào cúng miếu, bỗng nghe Thần nói : "Trên thuyền có Sa Môn, thỉnh vào miếu được chăng ?" Ai nấy đều kinh ngạc, vội vã thỉnh Ngài vào. Thần nói với Ngài : "Tôi nay là Thần

miếu Đình Hồ, chu vi rộng đến ngàn dặm, đều thuộc quyền hạn của tôi. Nhờ kiếp trước hay bố thí tạo phúc, nên ngày nay được cúng đủ mọi thứ không dứt, lại do kiếp xưa hay nóng giận, nên đọa thân quý thần. Các thương khách vắng lai, nếu làm sai ý tôi, đều bị trừng phạt không chút xót thương, cũng đều do sân nộ gây ra. Tôi giờ đây gặp lại bạn đồng tu thuở trước, không khỏi vui buồn xen lẫn. Buồn vì mình vẫn còn trong ác đạo, vui vì có người để nhờ cậy rồi. Tôi sớm muộn cũng phải mệnh chung, song hiềm hình thù quái gở, thân thể dài lớn, nếu bỏ thân nơi đây, ắt làm ô nhiễm sông hồ, lại xả thân rồi phải chịu quả báo khổ nơi địa ngục. Nay chỉ có lụa là tốt hơn ngàn tấm cùng các bảo vật, xin Ngài thay tôi cúng dường Tam Bảo, xây tháp tạo phúc, để tiêu trừ ác nghiệp đời trước, hầu sinh nơi nẻo thiện". Ngài an ủi : "Tôi lần này đến đây, cốt để siêu độ cho người, vậy hãy hiện hình ra đây". Thần lại nói : "Thân tôi xấu xí, e làm mọi người kinh sợ". Ngài bảo : "Người cứ việc hiện thân, đừng nghĩ nghĩ gì khác". Thần liền từ nơi sau giường ló đầu ra, chỉ thấy đầu trần to lớn dị thường. An Thế Cao ngưng thần hướng về Thần miếu đọc kinh chúc phúc, Thần tợ hồ nghe hiểu, cúi đầu chảy nước mắt, chốc sau ẩn thân không còn thấy nữa. Ngài liền lấy lụa là và bảo vật, từ tạ Thần miếu ra đi, thuyền ra giữa hồ, mọi người trông thấy Thần miếu

hiện thân trên núi cao trông xuống như để đưa tiễn, luyến lưu không xả, mọi người vẫy tay cáo biệt Thần mới biến mất. Con thuyền như có sức Thần trợ lực, chẳng bao lâu đến Dự Chương. Ngài bèn thay Thần miếu xây chùa tạo phúc.

Không lâu sau ngày Ngài đi, Thần miếu mệnh chung, Ngài cùng những người trên thuyền, vào lúc hoàng hôn, bỗng thấy có một thanh niên đến quỳ trước Ngài, sau khi nghe Ngài đọc kinh chúc phúc, thanh niên nọ biến mất. Ngài giải thích cho mọi người biết đó chính là Thần miếu, đã được thoát khỏi thân ác súc sinh. Từ đó trở đi, miếu nọ không còn linh ứng nữa. Sau đó có người thấy xác một con trăn khổng lồ dài có đến cả dặm ở một hồ lớn phía tây Lô Sơn, nay là thôn Xà, quận Lạc Dương, tỉnh Giang Tây.

Ngài lại đến Quảng Châu kiếm chàng thiếu niên giết Ngài thuở xưa. Lúc đó người này tuổi tác đã cao, được Ngài ghé thăm và kể lại chuyện thường mạng năm cũ, để giải oan khiên. Người nọ sùng sốt, rất ư hối hận, biết Ngài khác phạm, nên cung kính phát tâm cúng dường và theo hầu Ngài, Ngài lại cho biết : tôi còn chút dư báo chưa trả hết, giờ phải đến Cối Kê để trả cho xong. Hai người cùng lên đường đến Cối Kê, vào đến giữa

chợ, gặp ngay một đám đánh nhau, một gã vô ý đập ngay một gậy trúng đầu, Ngài liền mệnh chung.

Ngài là vị Tăng đầu tiên đem Thiên Quán vào xứ Trung Quốc, và cũng là một trong những nhà phiên dịch kinh điển đầu tiên của Trung Hoa. Ngài dịch các kinh An Ban Thủ Ý, Ấm Trì Nhập, A Tỳ Đàm Ngũ Pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Chuyển Pháp Luân, Bát Chính Đạo, Thiên Hành Pháp Tướng, cộng chung hơn ba mươi bộ. Con người và sự nghiệp của Ngài cống hiến không nhỏ cho nền học Phật Trung Quốc, và là điển hình cho Cao Tăng thuở ban sơ. Chả trách Ngài Đạo An đã phải thốt : "Ai được gặp An Thế Cao, chẳng khác gì gặp Bồ Tát Thánh Hiền vậy".

PHẬT

DI GIÁO KINH

GIẢI

Diêu Tân Tam Tạng Pháp Sư Cư Ma La Thập dịch.

Minh Cổ Ngô Ngẫu Ích Thích Trí Húc thuật.

PHẬT DI GIÁO KINH GIẢI

PHẬT DI GIÁO KINH GIẢI

Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cựu Ma La Thập dịch.
Minh Cổ Ngô Ngẫu Ích Thích Trí Húc thuật.

Quy mạng thường trụ Đại Bi Tôn
Ứng bệnh dữ lạc quyền thật pháp
Diệc lễ Thiên Thân tạo luận chủ
Vị thuận sơ cơ trùng giải thích

Thuật rằng :

Bồ Tát Thiên Thân, dùng Thất phần lập nên pháp tu hành, giải thích nghĩa kinh này, lý lẽ tinh mật, dẫn dắt ân cần. Từ xưa đến nay, không ai có thể thêm vào một chữ. Xem vậy mà nói rằng, để khiến cho hàng Bồ Tát rõ biết phương tiện đạo, nhờ rõ biết đạo này, Phật pháp được cứu trụ, diệt trừ lỗi phạm thánh, thành tựu lợi tự

tha. Ôi ! Áo chỉ kinh này, Bồ Tát đã bày hết. Kẻ độn căn đòi mạt, đọc luận của Bồ Tát hoặc hiểu hoặc không hiểu, hoặc lơ mờ thấu rõ. Tuy có Nguyên sư (1) chỉ điều cốt yếu, lại có Hoàng sư (2) thêm phần chú giải, song vẫn không nhiếp hết mọi căn cơ. Nay không ngại ngu hèn, ra sức giải bày, khác nào khúc Hạ Lý Ba Nhân (3), cho thế nhân dễ hòa theo mà thôi.

Nay thích Kinh này, đại lược phân làm hai. Phần thứ nhất Đề Mục, phần thứ hai Chính Văn. Phần đầu lại chia làm hai : thứ nhất Chính Đề, thứ hai Người Dịch.

PHẦN ĐỀ MỤC

I - CHÍNH ĐỀ

Phật Di Giáo Kinh

Ba chữ *Phật Di Giáo* là biệt danh (tên riêng), còn chữ *Kinh* là thông danh (tên chung). Trong biệt danh, Phật là người nói pháp (năng thuyết), Di Giáo là pháp được nói (sở thuyết). Nhân và pháp cùng nêu, năng và sở cùng lập.

Phật dịch là Giác, chúng sinh bao kiếp trong mộng, Phật đoạn vô minh, như từ mộng giác, đã tự giác rồi, lại khéo giác tha. Giác tất cả các pháp, không pháp nào không đạt đến cứu cánh, nên gọi là Phật. Lại tâm trong mộng, tâm không thể diệt, gọi là bốn giác, từ mộng tới tỉnh, biết mộng vốn không, gọi là thủy giác. Đã từ mộng tỉnh, chỉ duy một giác tâm, không còn hai tâm, gọi là cứu cánh giác. Giác tính này, hàm linh đều đủ, vô thủy vô chung. Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng qua chỉ đắc trước điều chúng ta đồng có, nên thị hiện thành Phật, làm Thầy chúng ta. Lại do chúng ta mãi mê không giác, nên nơi tính vô sinh vô diệt thành có sinh diệt. Giống như ánh trăng trên trời, nước trong ảnh hiện, nước đục ảnh mất. Thế nên Phật thực thường trụ, chưa từng diệt độ, riêng vì hàng ác trược phàm phu chúng ta, tuyên thuyết nhập diệt, khiến sinh bi luyến, lại dùng sức đại bi vô tận, cứu độ vô biên, nên tuy thị diệt, song lưu Di Giáo, tiếp dẫn hậu côn. *Di* là để lại, *Giáo* là khuyến dạy, như sách nho gọi là Cố Mệnh, người đời gọi là Di Chúc. Nương theo đây mà hành, ắt là Pháp tử, không theo lời phó chúc đó, ắt là đại nghịch bất hiếu. Kinh là huấn pháp (phương pháp giáo huấn), huấn thường (dạy luân thường), đủ các nghĩa như các nơi khác giảng rộng.

Còn gọi Phật Thù Niết Bàn Lược Thuyết Giáo Giới Kinh, *Thù* là lúc sắp nhập chỗ chưa nhập, Niết Bàn có nghĩa là lối tuyệt phi, bất sinh bất diệt. Có tất cả bốn thứ :

1) *Tự Tính Thanh Tịnh Niết Bàn* : tức tất cả các pháp xưa nay thường tịch diệt tướng, Phật cùng chúng sinh bình đẳng không hai, bất tăng bất giảm. Niết Bàn này không luận xuất nhập.

2) *Hữu Dư Y Niết Bàn* : là nói tam thừa đã đoạn chủng tử trói buộc của Kiến Tư, song còn nương quả trói buộc, thân tâm hãy còn. Niết Bàn này chỉ nhập khi chứng quả.

3) *Vô Dư Y Niết Bàn* : nói tam thừa thân diệt trí hết, quay về bản thể không tên không vật (vô danh vô vật). Đây chính là chỉ *Thù Nhập* của luận này.

4) *Vô Trụ Niết Bàn* : Chư Phật Bồ Tát, do có trí huệ, không trụ sinh tử, do nhờ từ bi, không trụ Niết Bàn. Không trụ sinh tử nên chẳng phải diệt mà thị diệt (thị hiện nhập diệt), không trụ Niết Bàn nên chẳng phải sinh mà thị hiện sinh (phi sinh thị sinh). Phật chứng Vô Trụ Niết Bàn đã lâu, nay vì độ hết người hữu duyên, nên thị hiện thùy nhập Vô Dư Niết Bàn, thực không giống nhị thừa, một lần diệt là vĩnh diệt.

Lại Niết Bàn có ba nghĩa :

1) *Tính Tịnh Niết Bàn* : tức Pháp thân lý thể, không xuất không nhập.

2) *Viên Tịnh Niết Bàn* : tức Bát Nhã, đoạn hoặc cứu cánh, ngầm hợp tính Chân, nhập là vĩnh nhập.

3) *Phương Tiện Tịnh Niết Bàn* : tức giải thoát, phương tiện thị hiện khởi mọi ứng hóa, nên nhiều lần xuất, nhiều lần nhập.

Nếu dùng ba nghĩa này so với bốn thứ trên, Tính Tịnh tức Tự Tính Thanh Tịnh Niết Bàn, cũng là thể của Vô Trụ Niết Bàn. Viên Tịnh tức tướng của Vô Trụ Niết Bàn. Phương Tiện Tịnh tức dụng của Vô Trụ Niết Bàn. Còn hai thứ Hữu Dư Y và Vô Dư Y, nếu trong phần Nhị thừa, ắt nhiếp thuộc Viên Tịnh, vì là thiếu phần của Viên Tịnh, chỉ hiển thiên về Chân, chưa hiển Tục Đế, Trung Đế (4), chỉ sạch Kiến Tư, Phần Đoạn (5), chưa sạch Trần Sa, Vô Minh và Biến Dịch (6). Nếu trong phần Như Lai, ắt nhiếp thuộc về Phương Tiện Tịnh. Khi mới thành đạo, thị hiện Hữu Dư Y như hàng Nhị thừa, nay lúc diệt độ thị hiện Vô Dư Y như hàng Nhị thừa. *Lược thuyết* có nghĩa chỉ nói yếu lược so với thường nhật nói rộng. Lại đối với Đại Bát Niết Bàn Kinh của hàng đại cơ thì ở đây chỉ giản lược.

II - NGƯỜI DỊCH

Điều Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập

Điều Hưng lập quốc, cũng xưng là Tần nên gọi là *Điều Tần*. *Tam Tạng* là Kinh, Luật, Luận. Kinh giải rõ một tâm, Luật làm khuôn phép cho ba nghiệp, Luận mở bày huệ biện. Dùng tam học này làm khuôn khổ cho mình và người, gọi là *Pháp Sư Cưu Ma La Thập* dịch là Đồng Thọ, do ngay từ thuở nhỏ đã có kỳ đức. Chuyển Phạn thành Hoa gọi là *dịch*.

CHÚ THÍCH PHẦN ĐỀ MỤC

1 - **Nguyên Sư** : tức Sa Môn Tịnh Nguyên đời Tống, tiết yếu Kinh Di Giáo.

2 - **Hoàng Sư** : Tức Sa Môn Chu Hoàng đời Minh, bổ chú Kinh Di Giáo, là Tổ thứ 8 của Tịnh Độ tông.

3 - **Hạ Lý Ba Nhân** : Một khúc nhạc bình dân phổ thông, ý chỉ quê mùa tầm thường.

4 - **Chân Đế, Tục Đế và Trung Đế** : xem chú thích 6, chương 2, kinh Tứ Thập Nhị Chương.

5 - **Phần Đoạn** : Thân phần đoạn sinh tử, các nghiệp hữu lậu thiện và bất thiện, do phiền não chướng trợ duyên chiêu cảm nên quả báo tam giới lục đạo, thân quả báo này có phần đoạn sai biệt do mỗi tác nghiệp khác, nên quả báo thọ yếu có phần hạn, hình thể cũng khác nhau (đoạn biệt), nên gọi là phần đoạn, đây đủ Kiến Tư hoặc của hàng phàm phu.

6 - **Biến Dịch** : Bất tư nghi biến dịch sinh tử. Các thiện nghiệp vô lậu, y sở tri chương trợ duyên chiêu cảm quả báo Tịnh Độ ngoài giới, là sinh tử của hàng Thánh A La Hán đã đoạn Kiến Tư trở lên. Do nghiệp dụng thần diệu khó bàn, nên gọi là bất tư nghi. Do không có hình sắc hơn kém, tuổi thọ ngắn dài, chỉ do mê tưởng diệt dần, chứng ngộ dần tăng. Sự đổi dời của mê ngộ này gọi là *biến dịch* (đó là nghĩa theo *Thiên Thai Tông*). Lại bậc Thánh cải đổi thân phần đoạn sinh tử, được thân tốt thù diệu bất tư nghi, nên gọi là *biến dịch* (nghĩa theo *Pháp Tướng*). Lại tâm thân niệm niệm tương truyền, trước sau đổi dời (biến dịch), gọi là *biến dịch*. Lại pháp thân chư Thánh đắc được, tự tại thân hóa, biến được đổi được, nên gọi là *biến dịch* (theo *Tam Luận Tông*).

PHẦN CHÍNH VĂN

Gồm ba phần : phần Tự, Chính tông và Lưu Thông.

I - PHẦN TỰ

Thích Ca Mâu Ni, sơ chuyển Pháp Luân, độ A Nhã Kiều Trần Như, thuyết pháp lần cuối độ Tu Bạt Đà La. Những người nên độ đều đã độ hết, nơi giữa rừng cây Ta La Song Thọ sắp nhập Niết Bàn. Bấy giờ vào lúc nửa đêm, yên tịnh vắng lặng, vì hàng đệ tử, lược nói pháp yếu.

Thích Ca dịch là Năng Nhân (1), là họ của Phật, **Mâu Ni** dịch là Tịnh Mặc (2), là tên của Phật. Theo họ tất sự tướng có khác, nên trong luận gọi là Biệt Tướng. Theo tên tất chư Phật đồng lý, nên trong luận gọi là Tổng tướng. Lại Năng Nhân tất đủ đại từ bi không trụ vô vi, tướng này hoàn toàn khác biệt nhị thừa. Tịnh Mặc tất đủ đại trí huệ, không trụ hữu vi, tướng này cùng nhị thừa đại khái đồng. Đầy đủ hai tướng Tổng Biệt gọi là Phật, nghĩa như đã giải ở trên. Luận giải câu này là Pháp sư thành tựu công đức tất cánh, nghĩa là Phật thành đạo rồi, thuyết pháp 49 năm, độ vô số người, nay nói lần đầu sơ chuyển và sau cùng, có ý bao quát từ đầu đến cuối. Lần đầu tại Lộc Dã Uyển, ba lần chuyển pháp luân Tứ Đế, Kiều Trần Như đắc độ đầu tiên, cho đến Hội Bát Niết Bàn độ Tu Bạt Đà La cuối cùng. Nói chuyển pháp luân, có nghĩa Phật dùng pháp Tứ Đế, chỗ ngộ của tự tâm, độ vào tâm của tất cả chúng sinh, gọi đó là chuyển. Pháp này khéo phá đổ ba chương, phiền não, nghiệp, khổ của chúng sinh, gọi đó là luân. Trần Như do nghe pháp này, thấy lý Tứ Đế, ra khỏi biển sinh tử, gọi đó là độ. Phạm ngữ A Nhã, đây dịch là Giải, cũng dịch là Vô Tri. Giải có nghĩa thấy rõ lý Tứ Chân Đế, Vô Tri tức Căn Bản Trí, chứng và thấy được lý Chân Đế, không còn Năng Sở nữa vậy. Kiều Trần Như, dịch là Hỏa Khí, là họ của Tôn Giả. Tu Bạt Đà La dịch là

Hảo Hiền, hoặc Thiện Hiền, vốn là ngoại đạo, ở thành Câu Thi Na, đã 120 tuổi, nghe Phật sắp nhập Niết Bàn mới đến chỗ Phật, nghe Bát Thánh Đạo, liền chứng sơ quả, nhân đó xuất gia, tiếp nghe Tứ Đế, thành A La Hán. Trong đó hai câu **sơ chuyển pháp luân** và **thuyết pháp lần cuối**, luận gọi là mở bày pháp môn thành tựu công đức rất ráo. Hai câu **độ A Nhã Kiều Trần Như** và **độ Tu Bạt Đà La**, luận gọi là đệ tử thành tựu công đức rất ráo. Những người đáng **độ đều đã độ cả**, nêu rõ Phật trí quán rõ căn cơ chúng sinh, chưa từng sót mất, con số được ích kể không cùng tận, luận gọi là Đại Tổng Tướng thành tựu công đức rất ráo. **Ta La** dịch là kiên cố, **song thọ** là do cây này ở bốn phương, mỗi phương có hai cây, mỗi cặp có một cây khô, một cây tươi, cành trên nối nhau, gốc dưới cùng liền tượng trưng cho Tứ Đức (3), phá tám món đảo (bát đảo) (4), hoặc chỉ thấy một cặp, biểu trưng phá đoạn thường, do căn cơ đại tiểu có khác nên thấy khác nhau. **Nửa đêm** tức tượng trưng cho trung đạo. Đại thừa lấy chảnh tươi chảnh khô làm trung đạo, Tiểu thừa lấy lia đoạn, lia thường làm trung đạo. **Vắng lặng** (tịch nhiên) tức diệt chỗ tâm hành ; **yên tĩnh** (vô thanh) tức dứt hết nói năng. Luận gọi bốn câu (tứ cú) này là Tứ tướng nhân quả thành tựu công đức rất ráo. Nơi **giữa song thọ** là nhân tự tướng, **sắp nhập Niết Bàn** là nhân cùng quả tự tướng. Vào lúc nửa đêm là

tổng tự tướng. Yên tịnh vắng lặng là quả tự tướng. Hàng đệ tử tức sự sai biệt giữa bậc thượng thủ và quyền thuộc. Pháp yếu tức sự sai khác giữa thế và xuất thế gian pháp, luận gọi câu này là phân biệt tổng tướng thành tựu công đức rất ráo. Phàm sắp nhập Niết Bàn, tất không còn gặp lại, vào lúc nửa đêm, ắt thì giờ không nhiều, nên chỉ lược nói pháp yếu, để cảnh sách lần cuối. Thục khác gì chữ chữ đều là máu, như vậy người đọc há không suy xét sao !

II - PHẦN CHÍNH TÔNG

A. Minh cộng thế gian pháp yếu gồm ba pháp đối trị :

1) Pháp yếu đối trị tà nghiệp:

- Minh căn bản thanh tịnh giới.
- Minh phương tiện viễn ly thanh tịnh giới.
- Minh giới năng sinh chư công đức.
- Thuyết khuyến tu giới lợi ích.

2. Pháp yếu đối trị chỉ khổ:

- Đối trị khổ do phóng dật căn dục.
- Đối trị khổ do đa thực (ăn nhiều)
- Đối trị khổ giải đãi thù miên (lười biếng, ngủ nghỉ).

3. Pháp yếu đối trị diệt phiền não:

- Đối trị sân khuể phiền não chướng.
- Đối trị cống cao phiền não chướng.
- Đối trị siểm khúc phiền não chướng.

B. Minh bất cộng thế gian pháp yếu :

- 1- Công đức vô cầu.
- 2- Công đức tri túc.
- 3- Công đức viễn ly.
- 4- Công đức bất bì quyện (không mệt mỏi).
- 5- Công đức bất vong niệm (không quên niệm).
- 6- Công đức thiên định.
- 8- Công đức trí huệ.
- 8- Công đức tất cánh.

1) Pháp yếu đối trị tà nghiệp:

Nay nói về căn bản thanh tịnh giới :

Này các Tỳ Kheo, sau khi ta diệt độ, nên tôn trọng kính quý Ba La Đề Mộc Xoa, như tối tăm gặp ánh sáng, kẻ nghèo được của báu. Phải biết đó là bậc thầy của các vị, ta có ở thế cũng không khác như vậy.

Tỳ Kheo ở đây dịch trừ cần (trừ đói), chỉ cho phúc điền (ruộng phúc). Lại hàm ba nghĩa : bố ma, phá ác, khát

sĩ. Song Di Giáo của Phật, giáo hóa chung hết bốn chúng đệ tử, nhưng trong kinh chỗ nào cũng chỉ nói Tỳ Kheo, do có ba nghĩa :

- Thứ nhất hiển xa rời tướng ;
- Thứ hai hiển Ma Ha Diễn phương tiện đạo, cùng chung với Nhị thừa ;
- Thứ ba Tỳ Kheo đứng đầu tứ chúng, nêu chỗ đầu tức gồm hết bốn chúng, cũng đều cùng hạnh viễn ly.

Nói sau khi diệt độ tức thị hiện nghĩa Di Giáo. Ba La Đề Mộc Xoa dịch là Bảo Giải Thoát, cũng dịch là Biệt Biệt Giải Thoát hay Xứ Xứ Giải Thoát. Ở đây chính là bất tận diệt pháp, y pháp thân này, độ hai loại chướng, vì độ được Phiền não Ám Chướng nên nói rằng như tôi gặp ánh sáng. Do độ được Không Vô Thiện Căn Chướng nên nói như kẻ nghèo được của báu.

Khi Phật tại thế, thờ Phật làm thầy, Phật diệt độ rồi, lấy giới làm thầy, nếu không trì giới nổi, ắt cùng nhà mà như cách vụn dậm, nếu khéo giữ giới, tất trăm kiếp khác gì cùng thời, lời thật đã do kim khẩu nói ra, lẽ nào còn bỏ đây cầu điều gì khác.

Thứ hai nêu rõ phương tiện viễn ly thanh tịnh giới :

Người trì tịnh giới, không được mua bán đổi chác, xây nhà tậu ruộng, nuôi chứa người dân, tôi tớ súc vật. Hết thấy các

thứ gieo trồng, cùng các tài bảo, đều phải xa lìa, như tránh hầm lửa. Không được cửa chặt cây cỏ, khai khẩn đất đai. Hòa chế thuốc thang, xem tướng kiết hung, coi xét thiên văn, đoán thời tiết, tính lịch số, đều không nên làm. Tiết chế thân thể, ăn uống điều độ, sinh hoạt thanh tịnh, không được tham dự thể sự, làm sứ liên lạc. Chú thuật thuốc tiên, giao hảo quyền quý, thân thiết sàm sỡ, đều không nên làm, phải tự ngay lòng (đoan tâm), chính niệm cầu độ, không được bao che lỗi lầm, bậy điều khác người, mê hoặc lòng chúng, nơi tử sự cúng dường, biết lường biết đủ, không nên cất chứa, những món hiến cúng.

Phần này có hai đoạn :

- Từ đầu đến khai khẩn đất đai, là hộ giới để không đồng với phạm phu tăng lỗi ;
- Từ xem tướng cho đến không nên cất chứa, là hộ giới để không như ngoại đạo làm tổn trí huệ.

Trong phần đầu gồm 11 việc :

- thứ nhất không được mua là phương tiện cầu lợi thêm lỗi.
- thứ hai không được bán, là hiện tiền cầu lợi thêm lỗi.
- thứ ba không được đổi chác là giao dịch cầu lợi thêm lỗi, nếu y theo giá, không tâm cầu lợi, không phạm pháp thức mua bán, như trong luật rộng nói.

- thứ tư không được xây nhà tậu ruộng, là chỗ ở việc làm cầu nhiều an ổn, gây thêm nhiều lỗi.
- thứ năm không được nuôi chứa người dân, là quyến thuộc thêm lỗi, đây chỉ cho ngoại quyến thuộc (5), chẳng phải chỉ Tăng.
- thứ sáu không được nuôi tội tở, để khó sinh tâm thấp hèn thêm lỗi, vì đối với hạng người này, dễ sinh tâm ngã mạn.
- thứ bảy không được nuôi súc sinh, là dưỡng sinh cầu lợi thêm lỗi.
- thứ tám không được trồng trọt các thức, là nhiều việc thêm lỗi.
- thứ chín không được cất chứa tài bảo, là tích tụ thêm lỗi.
- thứ mười đều nên xa lìa như tránh hầm lửa, là không biết ắt dễ sinh thêm lỗi,
- thứ mười một không được cưa chặt cây cỏ, khai khẩn đất đai, là không thuận oai nghi cùng tổn hại chúng sinh gây thêm lỗi.

Mười một việc gây thêm lỗi này, người tu hạnh Bồ Tát phải sớm xa rời, không nên gần gũi. Hoặc nếu có người vì chúng khai mở cho phép, phải đủ như trong luật dạy, cần phải xem xét kỹ lưỡng.

Trong phần hai của văn, trước là ngăn năm việc, sau nói rõ ba chỗ Ba La Đề Mộc Xoa. Trước tiên nói năm việc :

- Thứ nhất không được hoà chế thuốc thang ;
- Thứ hai xem tướng kiết hung ;
- Thứ ba coi xét thên văn ;
- Thứ tư đoán thời tiết ;
- Thứ năm tính lịch số.

Phạm năm việc này đều thuộc tà tâm cầu lợi, không đạt pháp nhân duyên chân chính, nên ngăn cấm vậy.

Kế nói Ba La Đề Mộc Xoa nơi thân gồm 5 câu :

- Thứ nhất tiết thân, đối trị chướng ngại buồng lung hay cầu các thứ bên ngoài (tha cầu phóng dật chướng).
- Thứ hai ăn uống điều độ, đối trị chướng ngại không biết chán đủ các món ăn.
- Thứ ba sinh hoạt thanh tịnh, đối trị chướng ngại truy cầu cộng tướng (6).
- Thứ tư không được tham dự thế sự, là tự tính ngừng đa sự.
- Thứ năm không được làm sứ liên lạc, là tự tôn trọng tự tính không làm các việc khinh tiện.

Thứ đến Ba La Đề Mộc Xoa nơi khẩu, có hai thứ tà ngữ không nên làm :

- Thứ nhất y tà pháp ngữ, là lời tà thuật nảo loạn chúng sinh, hoặc y tà dục, dùng những lời lẽ thế gian bất chính, đó chính là bùa chú và thuốc tiên vậy.
- Thứ hai y tà nhân ngữ, nghĩa là có cùng dòng họ quyền quý thì thường nói những lời khinh miệt, hoặc hay thân cận người quyền quý, nên thường nói những lời kiêu căng, tức giao du người quyền thế, thân thiết sâu, khởi khinh mạn đó vậy.

Thứ nữa Ba La Đề Mộc Xoa nơi ý, gồm sáu câu :

- Thứ nhất phải tự đoan tâm, đối trị chướng ngại hay thấy lỗi người, không phạm sự tự thanh tịnh tâm.
- Thứ hai chính niệm cầu độ, đối trị chướng tà tư duy, bởi khéo tự độ hạ địa.
- Thứ ba không được bao che lỗi lầm, nên không hoen ố tịnh giới, vì không ôm giữ tâm cấu uế.
- Thứ tư không được bày điều dị kỳ mê hoặc quần chúng, xa lìa không duyên, hiển bày thắng hạnh của mình, nên gây cho người hiểu không đúng pháp (chính giải).
- Thứ năm nơi tứ cúng dường biết lường biết đủ, đối trị chướng thọ dụng các món không biết đủ biết chán, nếu nhập tam muội phần, tất biết lường, nếu nhập đạo phần,

tất biết đủ vậy. Tứ cúng dường là ẩm thực, y phục, ngoạ cụ, y dược.

- Thứ sáu, cho đến các món cúng dường, cũng không nên cất trữ, để xa lìa tâm tham cầu tích trữ các thứ.

Dùng các phương tiện trên để xa lìa các lỗi của phàm phu và ngoại đạo, tất khiến giới thân thanh tịnh, kham nổi công việc gánh vác tịnh pháp thân Như Lai.

3 - Minh giới năng sinh chư công đức :

Đây là lược nói về sự tướng của trì giới. Giới là khởi nguyên của con đường chính thuận giải thoát, nên gọi là Ba La Đề Mộc Xoa, vì nhờ giới này đắc sinh mọi thiện định, cùng trí huệ diệt khổ.

Giới thể chỉ một, gọi là vô tác (7). Giới tướng thì nhiều, gọi chung là Ngũ thiên thất tụ (8). Nay chỉ nêu ra những điều dễ phạm nhất, nên là lược nói. Do vì giới này năng độ các ác nơi thân khẩu ý, thành tựu tam nghiệp giải thoát, nên người tu học nếu muốn chính thuận con đường giải thoát, tất phải lấy giới này làm căn bản. Nhân giới sinh định, nhân định phát huệ, định huệ chưa từng lìa giới mà sinh vậy.

4) Thuyết khuyến tu giới lợi ích.

Cho nên này các Tỷ Kheo, phải trì tịnh giới, dùng để hư khuyết. Nếu người nào trì tịnh giới, tất có thiện pháp, nếu không có tịnh giới, tất không thể sinh các công đức lành.

Cho nên phải biết, giới là trụ xứ an ổn nhất của các công đức.

Trong đoạn này có năm điều khuyên :

- Thứ nhất phải trì tịnh giới, là khuyên đừng để mất tự thể.
- Thứ hai đừng cho hư khuyết, là khuyên đừng bỏ phương tiện,
- Thứ ba tất có thiện pháp, là khuyên thường tập công đức,
- Thứ tư từ "nếu không tịnh giới" là khuyên phải biết các lỗi.
- Thứ năm trụ xứ công đức an ổn, là khuyên trụ nơi chỗ an ổn, đừng trụ nơi không an ổn.

Phần pháp yếu đối trị tà nghiệp thứ nhất đã xong.

2) Pháp yếu đối trị chỉ khổ :

1) Đối trị khổ căn, dục phóng dật :

- Thứ nhất đối trị khổ căn phóng dật.
- Thứ nhì đối trị khổ dục phóng dật.

Nay nói phần đầu Đối trị khổ căn phóng dật :

Này các Tỳ Kheo, đã khéo trụ giới, phải chế ngự các căn, đừng cho phóng dật vào nơi ngũ dục, thí như người chặn

bò, cầm gậy trông coi, không để bò phạm vào lúa vườn của người, nếu buông lung năm căn, chẳng phải chỉ năm dục mà đến độ (dục) vô giới hạn, không thể kèm hãm, như ngựa dữ không cương kèm chế, ắt đưa người rơi xuống hầm hố. Bị giặc cướp hại, chỉ khổ một đời, giặc năm căn hại họa tới bao đời. Hại lớn như vậy, không thể coi thường, cho nên người trí chế ngự, không tùy thuận theo. Giữ như giữ giặc, không cho phóng dật. Nếu để năm căn phóng túng, chẳng bao lâu sẽ thấy bị tàn diệt.

Đã khéo trụ giới là chỉ hai thứ phương tiện căn bản đầu, sau đó nói rõ pháp yếu hộ căn. Phạm có ba thí dụ :

- Thứ nhất từ chế ngự các căn dục cho chặn trâu - trước pháp sau dục. Ngũ căn nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, ý. Ngũ dục gồm sắc, thanh, hương, vị, xúc. Trâu dục cho năm căn. Người chặn dục cho Tỳ Kheo. Cầm gậy dục cho giới niệm. Lúa thóc dục cho các công đức lành, tức các pháp định huệ.

- Thứ hai từ nếu buông lung năm căn dục bằng ngựa dữ ví cho năm căn. Cương kèm chế dục cho giới niệm. Hãm hố dục ba ác đạo. Bởi lẽ phóng túng năm căn, chẳng phải chỉ hại pháp lành, tất còn đọa ác đạo, nên nói Chẳng phải chỉ năm dục, mà đến độ vô giới hạn.

- Thứ ba từ bị giặc cướp hại là dục về giặc cướp - trước dục sau pháp. Họa tới bao đời, họa này hại lớn hơn họa giặc cướp, nếu chẳng chế ngự được, để tùy thuận theo, sao

được gọi là người trí. Lại giả như để năm căn phóng túng, sẽ bị tàn diệt mau lẹ, như mật ngon trên lưỡi dao, không đủ no bữa, trẻ con ham liếm, chịu họa đứt lưỡi vậy.

Đối trị khổ dục phóng dật

Năm căn này, tâm là chủ chúng, cho nên các ông phải khéo chế ngự tâm. Tâm này còn đáng sợ hơn rắn độc, ác thú, oán tặc, lửa lớn lan cháy cũng không sánh nổi. Thí như có người, tay cầm bát mật, chuyển động chạy nhảy, chỉ trông bát mật không thấy hổ sấu. Lại như voi điên không có móc câu, khi vượn gặp cây, vọt nhảy lảng xăng, thực khó cản ngăn. Phải gấp kèm giữ, không cho phóng dật. Hễ buông tâm này, tiêu tan điều thiện, chế ngự được tâm yên, việc gì cũng thành. Cho nên Tỷ Kheo phải cẩn tinh tiến, hàng phục tâm mình.

Năm căn là sắc pháp, ngoan độn vô tri, theo tâm mà chuyển, nên đều lấy tâm làm chủ, cho nên muốn chế ngự năm căn, không gì bằng chế ngự tâm. Nói khéo chế ngự tâm là phải biết tâm này có ba loại tam muội, có ba loại chướng pháp :

- Thứ nhất, Tâm Tính Sai Biệt Chướng, hay Chướng Vô Nhị Niệm Tam Muội.
- Thứ hai, Khinh Động Bất Điều Chướng, hay Chướng Điều Nhu Bất Động Tam Muội.

- Thứ ba, Thất Chư Công Đúc Chướng, hay Chướng Khởi Đa Công Đúc Tam Muội.

Trong văn nói về cái đáng sợ của Tâm, trước là nói rõ Tâm Tính Sai Biệt Chướng. Tham phiền não hút hết thiện căn quá hơn rấn độc. Sân phiền não nuốt hại thiện căn quá hơn ác thú. Si phiền não tổn hại thiện căn quá hơn oán tặc. Các thứ phiền não này thiêu đốt thiện căn quá hơn lửa lớn cháy lan, nên nói không đủ sánh vậy. Sau là từ thí như có người, để nói rõ Khinh Động Bất Điều Chướng. Bát mật dụ cho năm căn thọ lạc của ngũ trần. Chuyển động chạy nhảy dụ cho chuyển thức theo các căn, niệm niệm không đình, chỉ trông bát mật dụ cho sáu thức chỉ duyên sáu trần hiện thế. Không thấy hổ sấu dụ cho không biết các chướng ngại tương lai. Chướng ngại có hai loại :

- Một là chỗ sinh bị chướng ngại.

- Hai là khi tu các hạnh bị chướng ngại khốn khổ không thể thành tựu.

Voi điên không có móc câu dụ tâm không có pháp tam muội chế ngự. Khi vượn gặp cây dụ tâm duyên cảnh sáu trần sinh nhiễm. Phải gấp kèm giữ, khiến nhập Điều Nhu Bất Động Tam Muội. Kế hể buông tâm này tiêu tan điều thiện, nói rõ Thất Chư Công Đúc Chướng. Sau cùng chế ngự được tâm chỉ Vô Nhị Niệm Tam Muội Tướng. Việc

gì cũng thành chỉ Khởi Đa Công Đức Tam Muội Tướng. Tinh tiến hàng phục tâm mình chỉ Điều Nhu Bất Động Tam Muội Tướng.

2. Đối trị khổ đa thực :

Này các Tỷ Kheo, thọ dụng ẩm thực, phải như dùng thuốc, nơi ngon nơi dở, không tăng không bớt, dùng đủ cho thân để trừ đói khát, như ong hút nhụy, chỉ lấy mùi vị, không tổn sắc hương. Tỷ Kheo cũng vậy, nhận người cúng dường, đủ tự trừ não, không được cầu nhiều, làm hoại thiện tâm. Thí như người trí biết lượng súc trâu, chịu được nhiều ít, không dùng quá phần để kiệt sức trâu.

Ăn nhiều gây chướng tam muội, nên dùng ngũ quán để trị :

- Thứ nhất phải như uống thuốc không khác, là thọ dụng đối trị quán.
- Thứ hai không tăng không giảm là ngon dở bình đẳng quán.
- Thứ ba giữ thân trừ đói khát là cứu cánh đối trị quán.
- Thứ tư như ong lấy nhụy - tiên dụ hậu pháp - là bất tổn tự tha quán.
- Thứ năm thí như người trí biết lượng súc trâu, là tri lượng tri thời quán.

Thuốc để trị bệnh, ăn để trị đói, nếu đủ trị đói rồi thì thôi, cần gì nơi ngon sinh tâm tham nuốt thêm, nơi dở sinh tâm sân thọ ít. Ong dụ Tỳ Kheo, hoa dụ cúng dường. Vị dụ mượn điều đó tu đạo trừ não. Sắc hương dụ thiện tâm của mình và người. Tham ăn cầu nhiều, đã tổn hại tam muội thiện của mình, còn tổn thiện tâm của đàn việt. Trâu có thể chở nặng song nếu nặng quá sức, ắt trâu kiệt lực, dụ Tỳ Kheo tuy là ruộng phúc của thế gian, song tham nhận cầu nhiều, ắt đạo nghiệp phải suy.

3. Đối trị khổ giải đãi thù miên.

Này các Tỳ Kheo, ban ngày cần dụng tâm tu tập thiện pháp, không để thời giờ lãng phí. Đầu đêm cuối đêm, cũng đừng bỏ phở. Giữa đêm tụng kinh để làm ngày giờ cho mình, đừng vì nhân duyên ngủ nghỉ, khiến một đời luống qua, không đạt được gì, phải niệm lửa dữ vô thường, đốt cháy thế gian, sớm cầu tự độ, đừng ham ngủ nữa. Bọn giặc phiền não thường rình (hại) giết người, còn hơn oan gia, sao ngủ yên được mà không cảnh giác. Rắn độc phiền não ngủ trong tâm ta, khác nào rắn đen nằm trong phòng ngủ, phải dùng móc câu trĩ giới, sớm trừ khử đi, rắn ngủ đi rồi, mới ngủ yên được, (như) chưa ra mà ngủ là kẻ vô tâm (9). Y phục tâm sĩ trong các trang nghiêm là món đệ nhất. Tâm như móc sắt, khéo ngăn người phi pháp, cho nên thường hay tâm sĩ, không được tạm bỏ, nếu rời tâm sĩ, ắt mất mọi

công đức. Người hay biết quý (9), tất có thiện pháp. Nếu không biết quý, không khác gì cảm thú.

Tâm uể oải nên giải đãi. Thân nặng nhọc nên buồn ngủ, hai tướng này cộng thành một khổ, ngăn che định huệ, không cho phát sinh. Song thù miên (ngủ) này từ ba điều ra :

- Một từ ăn sinh.
- Hai từ thời tiết sinh.
- Ba từ tâm sinh.

Trong kinh nói : ham tu thiện pháp không để thời giờ lãng phí, là đối trị thù miên phát sinh từ *ăn*. Đầu đêm, cuối đêm cũng đừng bỏ phế, là đối trị thù miên từ *thời tiết* sinh. Từ câu Phải niệm lửa dữ vô thường, đều để đối trị thù miên từ *tâm* sinh. Lại có hai ý :

- thứ nhất, từ Phải niệm lửa dữ vô thường đến mà không cảnh giác là Quán Sát đối trị.
- thứ hai, từ rấn độc phiền não đến khác gì cảm thú là Tịnh Giới đối trị.

Trong Quán Sát đối trị, vô thường có hai : thứ nhất một lần sinh diệt là thô, thứ hai niệm niệm sinh diệt là tế. Thế gian cũng có hai : một là y báo tam giới là khí thế gian, hai là lục đạo chính báo là chúng sinh thế gian. Y chính đều chịu sự tàn diệt, không thể còn mãi, nên như lửa đốt. Lại hai thứ phiền não ái kiến, nơi tam giới cửu

địa (10), tất kiến có 88 sử (11), ái có 81 phẩm (12). Không thứ nào không đủ gây hại pháp thân, giết huệ mạng, nên còn hơn oan gia. Quán sát như vậy mà cảnh giác, gọi là Quán Sát đối trị. Thứ đến, trong Tịnh giới đối trị, nói phiền não tuy lúc không hiện hành cũng chưa từng không nằm ngủ phục trong tàng thức của ta, mà sự độc hại đáng sợ của phiền não này khác nào loài rắn độc đen, không thức thì thôi, thức ắt giết hại pháp thân huệ mạng của người, ngoài móc sắt trì giới không gì trừ được rắn độc này. Nói móc sắt giới là Mộc Xoa giới (13), khéo phòng thân khẩu ; Định Cộng giới (14), khéo điều phục hoặc lậu nơi tâm ; Đạo Cộng giới (15), khéo đoạn hoặc tâm. Đủ ba giới này vĩnh diệt chủng tử phiền não trong ruộng tám thức, gọi là rắn ngủ đã ra, từ nay việc làm đã xong, không còn hoặc lậu, gọi là có thể yên ngủ, cho nên A La Hán đoạn tâm ngủ rồi, không đoạn miên (ngủ) do thực và thời sinh ra, do vì miên này chẳng phải hại vậy. Nay nếu chủng tử phiền não chưa đoạn mà yên ngủ, ắt không biết tôn trọng kỷ linh (16), gọi là vô tầm, không biết hổ tội ác của mình là vô quý ; lại không mong cầu Thánh Hiền gọi là vô tầm, không thẹn thấp hèn gọi là vô quý. Hai thiện tâm sở tầm quý luôn cùng phát khởi. Con người có khác cầm thú là do hai thứ này, như vậy há chẳng cố tu tầm quý sao !

Xong phần hai Pháp yếu đối trị chỉ Khổ.

3) Pháp yếu đối trị diệt phiền não

Nay nói pháp thứ nhất :

1. Đối trị sân khuể phiền não chướng

Này các Tỷ Kheo, nếu có người đến cắt chặt thân mình, phải tự nhiếp tâm, đừng cho sân hận, cũng nên giữ miệng, đừng thốt lời ác. Nếu buông khuể tâm, tự làm hỏng Đạo, mất lợi công đức. Nhẫn được là đức, cho đến trì giới tu khổ hạnh cũng không bằng được. Người hay hành nhẫn, mới được gọi là bậc đại nhân có sức hơn người. Nếu không hoan hỷ nhẫn chịu độc hại hủy máng như uống cam lồ, người này không thể gọi là bậc trí huệ nhập đạo. Tại sao vậy ? Cái hại của sân khuể, ắt phá mọi pháp lành, hủy hoại hết tiếng tốt, đời này đời sau, không ai thích gặp. Phải biết sân tâm, còn hơn lửa dữ, nên thường ngăn ngừa, đừng để sân vào. Giặc cướp công đức không gì hơn sân. Cư sĩ hưởng dục, chẳng phải người hành đạo, nên không cách kiềm chế, sân khuể phát khởi có thể tha thứ. Còn như người xuất gia hành đạo vô dục, mà ôm chứa sân khuể, thì thật quá đáng, khác nào như giữa trời mây trong mát sấm sét khởi lửa, thực chẳng hợp vậy.

Văn chia sáu phần :

- Thứ nhất, nếu có người đến cắt chặt thân mình là nêu cảnh giới của nhẫn, nặng vậy còn nhẫn huống là nhẹ,

đến cát chặt còn nhấn nổi, hướng các nghịch cảnh khác, ắt chẳng còn đủ làm bận tâm.

- Thứ hai, phải tự nhiếp tâm các thứ, để bày rõ tướng kham nhẫn. Dùng cho sân hận tất thân ý thanh tịnh. Dùng thốt lời ác, tất khẩu nghiệp thanh tịnh.

- Thứ ba, nếu buông khuể tâm, chỉ rõ điều mất mát của sự không nhẫn. Tự làm hỏng đạo, không thể tự lợi, mất lợi công đức không thể lợi tha. Khuể tâm vừa khởi, hai lợi đều tiêu, ý nói không thể phóng túng sân tâm.

- Thứ tư, nhấn được là đức, tán thán sức mạnh thù thắng của nhẫn, để khuyến tu. Bởi lẽ người trì giới, vị tất đã nhấn được. Người nhấn nhục, quyết định không thể không trì giới, cho nên trong sáu độ, giới đứng hàng thứ nhì, nhấn đứng hàng thứ ba, vì cái trước không kiêm cái sau, cái sau tất đủ cái trước vậy. Dùng tâm mình trì giới, ắt phúc báo chỉ trong vòng nhân thiên. Dùng vô ngã mà hành nhẫn, liền thành đạo cả xuất thế. Bị phạm đến mà không tranh hơn thiệt, như biển rộng trời cao, chứa được chim bay cá lội, nên gọi là bậc đại nhân có sức hơn người.

- Thứ năm, nếu không thể hoan hỉ... lập rõ lại cái lỗi không nhẫn để răn người tu. Cam lồ là thuốc bất tử, do người mắng nhiếc, ta thành tựu sức nhẫn, như (da, mỡ) heo chùi vàng, vàng càng sáng rõ, như đá mài gương,

gươm càn sắc bén, cho nên Ca Lợi (17), Điều Đạt (18) đều là thiện tri thức của Thích Ca. Nếu nói lời ác mắng không tương như cam lồ, không hoan hỷ thọ nhận, thì thật ngu ngốc, chưa từng nghe đạo vậy. Hướng hồ, nhất niệm sân tâm khởi, bá vạn chướng môn khai, phá các pháp lành, làm sao lợi mình, hủy bao tiếng tốt, lợi người sao được, đời nay tạo nhân mất hai lợi, đời sau chịu quả không hai lợi, còn ai muốn thấy người này nữa. Cho nên muốn hộ thiện pháp tự lợi phải phòng lửa dữ sân khuể, muốn hộ công đức lợi tha, phải phòng giặc sân.

- Thứ sáu, cư sĩ hưởng dục... kết luận các điều không nên làm, từ hàng người đến Lục Đục Thiên (19), chưa nhập đạo, đều gọi là bạch y, hàng này thường có hai lỗi : Thứ nhất hưởng dục, dục cùng sân ẩn bày lẫn nhau. Thứ hai không hành đạo, không có thiện pháp chế ngự tâm, nên có sân còn có thể tha thứ, như thường nói tục nhân tạo tội, đều do những lẽ này, không đáng trách nhiều. Người xuất gia hành đạo vô dục, như mây trong mát, há ôm ấp tâm sân khuể, như khởi lửa sấm sét.

2. Đối tri cống cao thiền não chướng

Này các Tỷ Kheo, nên tự xoa đầu, đã bỏ làm đẹp, mặc áo hoại sắc, ôm giữ úng khí (20), khát thực tự nuôi, tự thấy như

vậy, nếu khởi kiêu ngạo, phải cấp diệt trừ, tăng trưởng kiêu ngạo, hàng bạch y thể tục còn không nên làm, huống chi người xuất gia học đạo vì giải thoát, tự hạ thân mình mà đi xin ăn.

Văn có hai tiết :

- Thứ nhất từ này các Tỷ Kheo chính để lập pháp đối trị.
- Thứ hai từ tăng trưởng kiêu ngạo so sánh điều không nên.

Trong phần thứ nhất có năm câu đối trị :

- Thứ nhất nên tự xoa đầu, tất chẳng có mũ nón nghiêm sức.
- Thứ hai đã bỏ làm đẹp, tất không có gươm đeo làm đẹp thân.
- Thứ ba mặc áo hoại sắc, tất không có y phục năm màu.
- Thứ tư ôm giữ úng khí, tất không có đầy tớ hầu hạ.
- Thứ năm khát thực tự nuôi, tất không có tiền bạc của cải tích chứa.

Nên phải thường dùng trí huệ quán sát, nếu khởi kiêu mạn, phải gấp rút trừ diệt ngay. Áo hoại sắc tức ba thứ cà sa, cùng các thứ quần và tọa cụ, đều dùng lam, đen, mộc lan, ba thứ hoại sắc. Úng khí tức bát đa la, cả ba thể, sắc và lượng đều phải đúng pháp. Thể chỉ được làm bằng sành hoặc sắt, sắc (màu) phải đen như chim cư cấp, lượng tùy theo bụng lớn nhỏ.

Văn sau nêu sự so sánh với bạch y, bạch y còn không nên kiêu ngạo, hướng kẻ cầu giải thoát.

3. Đối tri siểm khúc phiền não chướng.

Này các Tỳ Kheo, tâm siểm khúc, trái nghịch với đạo, cho nên tâm phải chất trực. Phải biết siểm khúc chỉ để dối trá, người nhập đạo tất không thể làm vậy, thế nên các ông phải thường đoạn tâm, lấy chất trực làm gốc.

Đon đả ngoài miệng là siểm, ý xiên xẹo theo thời là khúc. Siểm tất không chất, khúc ắt không trực. Chỉ tự khi dối, là đã khi dối người, điều đó người nhập đạo quyết không bao giờ có. Chân tâm là đạo tràng, bởi tâm trực vĩnh viễn không còn tướng ủy khúc, nếu chẳng chính niệm chân như, há được gọi là đoạn tâm sao.

Hết phần đầu Minh Cộng Thế Gian Pháp Yếu.

B) Minh bất cộng thế gian pháp yếu

Bất cộng thế gian pháp yếu gọi là công đức thành tựu xuất thế gian của bậc đại nhân. Văn chia làm tám phần, nay nói phần đầu :

1. Công đức vô cầu :

Này các Tỳ Kheo, nên biết người đa dục, cầu lợi nhiều nên khổ não cũng nhiều. Người thiếu dục, vô cầu vô dục tất không hoạn này, chỉ như vậy thôi, thiếu dục cũng cần tu

tập, hà hưởng thiếu dục thường sinh mọi công đức. Người thiếu dục tất không siểm khúc để được lòng người, lại cũng không bị các căn kéo buộc. Người hành thiếu dục, lòng ắt thanh thản, không sự lo buồn, lúc nào cũng đủ, thường chẳng thấy thiếu. Hễ có thiếu dục là có Niết Bàn. Đó gọi là thiếu dục.

Vấn có năm loại sở tri giác tướng :

- Thứ nhất *Tri giác chướng tướng*, gọi đa dục là phiền não chướng, đa cầu là nghiệp chướng, khổ não cũng nhiều là báo chướng.

- Thứ hai *Tri giác trị tướng* là nói vô cầu vô dục, tất không hoạn nạn.

- Thứ ba *Tri giác nhân quả tập khởi tướng*, là nói thiếu dục không hoạn nạn, cũng đủ tu tập, hưởng hay sinh mọi công đức, thành tựu vô lượng pháp thánh thiện.

- Thứ tư *Tri giác vô chur tướng tất cánh tướng*, là nói không siểm khúc thì không hoạc chướng, không cầu mua lòng người thì không nghiệp chướng, không bị các căn kéo buộc thì không khổ chướng. Bởi lẽ nhân căn lôi kéo người thọ sắc, cho đến thân căn lôi kéo người thọ xúc, khiến con người không được tự tại, phải chịu khổ lớn.

- Thứ năm *Tri giác quả thành tựu tướng* là nói tâm ắt thanh thản, nên thành tựu pháp thân, không sự lo buồn nên thành tựu Bát Nhã, lúc nào cũng đủ, thường chẳng

thấy thiếu là thành tựu giải thoát. Đầy đủ ba đức này gọi là Đại Niết Bàn. Cho nên mới biết thiếu đức là nhân, Niết Bàn là quả.

2. Tri túc công đức (công đức biết đủ)

Này các Tỳ Kheo, nếu muốn thoát các khổ não, phải quán tri túc. Pháp tri túc chính là chỗ an ổn giàu vui. Người tri túc dầu nằm đất vẫn thấy an lạc, người không tri túc dầu ở thiên đường vẫn không toại ý. Người không tri túc tuy giàu nhưng nghèo, còn tri túc tuy nghèo mà giàu, người không tri túc thường bị ngũ dục trói buộc, làm chỗ cho người tri túc xót thương.

Công đức vô cầu phần trước, là xa lìa các việc ngoài mình. Nay công đức tri túc là xa lìa ngay các thứ trong mình. Văn nói, muốn thoát khổ não phải đối trị nhân quả của khổ. An ổn giàu vui là nói lại nhân quả thanh tịnh. Tiếp đến so nằm đất với thiên đường, là dựa theo hai xứ mà chỉ bày chỗ sai biệt (của tri túc và không tri túc). Lại so giàu với nghèo, là theo hai sự chỉ bày sự sai biệt. Còn bị ngũ dục lôi kéo so với thương xót là theo hai pháp không tự lợi và có lợi tha, chỉ bày sự sai biệt. Một thứ thường bị ngũ dục kéo lôi, nên không lợi mình (tự lợi), một thứ ngũ dục không kéo buộc được, nên tự lợi mình, lại hay thương xót kẻ không tri túc, nên lợi người (lợi tha).

3. Viễn ly công đức (công đức xa lìa)

Này các Ty Kheo, muốn cầu tịch tĩnh an lạc vô vi, phải xa lìa ồn náo rối ren, một mình nhàn nơi thanh vắng. Người ở chỗ tĩnh, thường được Đế Thích và chư Thiên kính trọng, vì vậy nên xa (đồ) chúng nơi mình, (đồ) chúng bên ngoài, ở riêng chốn thanh nhàn, tư duy diệt trừ gốc khổ. Nếu thích đồ chúng (đám đông) ắt bị đồ chúng khuấy phá. Tựa như cây lớn, đàn chim tụ lại, tất chịu họa hoạn khô gãy. Trời buộc ở thế gian, chìm đắm trong biển khổ, khác nào voi già sa lầy, không sao ra được. Đó gọi là xa lìa.

Văn gồm có ba môn nhiếp nghĩa (thâu tóm các nghĩa).

- thứ nhất *tự tính viễn ly môn*, vì từ thể phát sinh, chỉ bày bốn món đối trị. Nói tịch tĩnh vô vi an lạc, đối trị chướng chấp trước ngã tướng. Tịch tĩnh tức pháp vô ngã không. Vô vi tức vô tướng không. An lạc tức vô thủ xả nguyện không. Phải lìa ồn náo rối ren, đối trị Ngã Sở chướng. Năm ấm loạn khởi, không có lớp lang, gọi là ồn náo rối ren. Một mình nhàn nơi thanh vắng, đối trị với hai vô tướng chướng ngại kia, vì ngã (ta) và ngã sở (của ta) vốn tự vô tướng. Nay từ ba thứ tam muội, hiển bày lý vô tướng, chướng kia tự diệt theo. Đế Thích và chư Thiên cùng tôn trọng, đối trị vô vi thủ công đức chướng. Chỗ tĩnh là pháp đáng trọng, vì đứng đầu trong các thiện pháp.

- Thứ hai tu tập viễn ly môn, vì từ phương tiện phát sinh. Chúng nơi mình là nói các pháp, tâm, tâm sở và ngũ ấm. Chúng bên ngoài là nói thầy trò và đồng học. Riêng ở chốn thanh nhàn, trụ (ở) đúng theo pháp, là thành tựu phương tiện huệ. Tư duy diệt trừ gốc khổ xa lìa gây nhân, là thành tựu thiện trạch trí (trí khéo chọn pháp).

- Thứ ba thọ dụng chư kiến môn (lãnh dùng các kiến) vì hay bị trói buộc là nói thích đồ chúng, át bị đồ chúng khuấy phá. Cây lớn dụ cho thức thứ sáu. Đàn chim dụ cho tâm sở pháp. Đó là nói về chúng nơi mình. Cây lớn dụ cho Tỳ Kheo. Đàn chim dụ cho đám đệ tử đồng học. Đó là nói về chúng bên ngoài. Từ những thứ này mà các kiến tập hợp phát sinh, nên lấy cái họa hoạn khô gãy làm dụ. Lại do kiến mà thành nghiệp, do nghiệp chiêu khổ, nên ví như voi già sa lầy không sao lên được. Già ví cho trí quán suy vi, tức là hoặc chướng (21). Voi thân to nặng ví cho nặng tình trói buộc, tức là nghiệp chướng (21). Sa lầy dụ cho đắm chìm trong biển khổ, chính là báo chướng (21). Chỉ mới không xa lìa, ba chướng đã trói buộc trùng trùng, làm sao không suy xét mà tìm lối thoát ra.

4. Bất bì quyên công đức (công đức không mệt mỏi)

Này các Tỳ Kheo, nếu chăm chỉ tinh tiến, ắt việc gì cũng dễ, cho nên các ông phải thường tinh cần, thí như giòng nước nhỏ chảy mãi tất xuyên qua đá. Nếu người tu hành tâm thường lười biếng bỏ phế, khác gì đánh lửa chưa cháy đã ngừng, dầu muốn có lửa vẫn không có được. Đó gọi là tinh tiến.

Cần (chăm) tất không lười. Tinh ắt chẳng tạp, tiến tất không lùi, cho nên thánh quả của tam thừa, đạt được không khó, chẳng giống ngoại đạo khổ hạnh vô ích. Dùng ví dụ nước chảy xuyên đá để chỉ cho sự dụng công không ngừng. Đánh lửa ngưng hoài dụ cho cái họa giải đãi thất niệm.

5. Bất vong niệm công đức (công đức không mất niệm)

Này các Tỳ Kheo, cầu thiện tri thức, cầu người hỗ trợ, không bằng không mất niệm. Nếu người nào không mất niệm, các giác phiền não không thể xâm nhập được. Cho nên các ông tâm phải thường nhiếp niệm. Nếu người thất niệm, tất sẽ mất mọi công đức. Nếu niệm lực vững chắc, tuy vào trong đám giặc ngũ dục, cũng không hề tổn hại, như mặc giáp vào trận tất không sợ sệt. Đó gọi là không quên niệm.

Không quên niệm này đứng đầu trong mọi hạnh. Nói mọi hạnh, lược có ba loại :

- Thứ nhất *hạnh nghe pháp* (văn pháp hạnh), tức cầu thiện tri thức.
- Thứ hai *hạnh trong khéo tư duy* (nội thiện tư duy hạnh), tức cầu thiện hộ.
- Thứ ba *hạnh tu đúng pháp* (như pháp tu hành), tức cầu thiện trợ (trợ giúp tốt lành).

Ba hạnh này còn gọi là ba huệ. Nghĩa của huệ là chiếu soi, nghĩa của hạnh là tiến hướng. Chiếu soi để tiến thêm, tất nhiên phải do không mất niệm. Hạnh không nghe, chẳng khác gì bình úp không đựng được nước. Hạnh không suy xét như bình vỡ, dầu đựng cũng mất. Hạnh không tu như bình dơ, tuy nước không mất, song dơ bẩn không dùng được. Giờ nếu được không mất niệm, tất được ba hạnh. Người có ba hạnh, phá được phiền não oán tặc từ vô thủy, do vậy phải thường nhiếp niệm nơi tâm (không cho mất niệm), tức chính là mặc giáp cứng vào trận, đã không sợ bị giặc hại, lại diệt được giặc nữa vậy.

6. Thiền định công đức (công đức thiền định)

Này các Tỳ Kheo, nếu người nhiếp tâm, tâm ở tại định, do tâm nơi định, khéo biết tướng các pháp sinh diệt của thế gian, cho nên các ông thường nên tinh tiến tu hành các thứ thiền định. Người đạt được định, tâm không tán loạn, như

nhà tiếc nước, phải giới đắp đê, người tu cũng vậy, vì nước trí huệ, nên khéo tu thiền định, không để rỉ mất. Đó gọi là Định.

Nhiếp tâm gọi là phương tiện thiện xảo. Chê bỏ các tâm hạnh thấp hèn, liền lần lượt chứng được các thiện, thậm chí phát sinh đủ các tam muội. Tâm đã nơi định, tất như mặt trời trên không, sáng soi muôn vật, nên nói khéo biết tường các pháp sinh diệt của thế gian.

Nói tinh cần để đối trị ba loại giải đãi :

- Thứ nhất tinh cần tu tập hạn chế ăn ngủ, điều hòa hơi thở ra vào để đối trị lười biếng không an ổn (bất an ổn giải đãi).

- Thứ hai tinh cần tu tập hiểu biết các định, có công đức trí huệ thông suốt, mới diệt được tận nguồn khổ, và thành tựu được việc hy hữu lớn, đối trị sự lười biếng không vị (vô vị giải đãi).

- Thứ ba tinh cần tu tập quan sát các khổ sinh, lão, bệnh, tử, cùng khổ bốn ác thú mà ta chưa lìa được, đối trị sự lười biếng không biết sợ (bất tri khủng bố giải đãi).

Nhờ tu tập ba pháp đối trị này, tâm không tán loạn, không còn chỗ đối trị nữa, liền có thể phát huệ vô lậu, đoạn hoặc chứng quả. Đưa thí dụ hợp với pháp, nơi văn để biết.

7. Trí huệ công đức (công đức trí huệ)

Này các Ty Kheo, nếu có trí huệ, ắt không tham trước, thường tự tỉnh xét, không để sai sót, đó là nói ngã pháp đều được giải thoát. Nếu không như vậy, đã chẳng phải đạo nhân, cũng không phải bạch y, chẳng biết gọi là gì nữa. Thật trí huệ là con thuyền vững chắc băng qua biển lão bệnh tử, cũng là ngọn đèn sáng trong bóng tối vô minh, là thuốc hay cho muôn bệnh, nư sắc để đốn cây phiền não. Cho nên các ông, phải dùng văn tứ tu huệ mà tăng ích. Nếu có trí huệ chiếu soi, tuy là mắt thịt, song là người thấy rõ. Đó gọi là Trí huệ.

Nếu có trí huệ, ắt không tham trước là nêu rõ thật huệ có công đức lià chướng. Vì xa lià được chướng ngại chân thật nghĩa xứ và thế gian sự xứ. Do đoạn trừ được sự mê *lý vô minh*, nên hai thức sáu và bảy, không tham trước kiến phần (22) của thức thứ tám, nhận cho là ngã pháp, đó là xa lià chướng ngại chân thật nghĩa xứ (viễn ly chân thật nghĩa xứ chướng). Do dứt trừ được mê *sự vô minh* nên sáu thức trước không sinh tham trước nơi cảnh giới lục trần, đó là xa lià chướng thế gian sự xứ (viễn ly thế gian sự xứ chướng). Thường tự tỉnh xét, không để hờ sót là nỗ lực tăng ích cả ba huệ văn, tư, tu, chính vậy nơi ngã pháp đều được giải thoát (giải thoát khỏi ngã pháp), nên nói do ba huệ chứng được thật trí huệ. Tăng ích ba huệ để chứng thật huệ, mới gọi là Đạo

nhân. Chưa xuất gia gọi là bạch y. Nay đã xuất gia, lại không bốn huệ (23), tiến thối đều mất, nên chẳng biết gọi là gì vậy.

Kể dùng bốn thí dụ, dụ cho thật trí huệ. Trí thấy được Khổ đế như con thuyền vững chắc, trí đoạn Tập đế như đèn sáng lớn, trí chứng được Diệt đế như thuốc hay, trí tu Đạo đế như lưới rừ bèn. Song thật trí khó chứng, nên phải dùng ba huệ văn, tư, tu để tăng ích. Trong Danh Tự vị (24), văn huệ tăng ích nhập được Định tâm, biệt, tổng tướng niệm (25). Trong Quán Hạnh vị (24), tư huệ tăng ích nhập được Noãn, Đánh, Nhẫn, Thế đệ nhất pháp (26). Trong Tương tự vị (24), tu huệ tăng ích thấy được lý Tứ Thánh Đế, phát vô lậu thật huệ, chứng bốn đạo quả. Tam huệ khi còn là nhân tu tập, chưa đủ thiên nhãn, người có huệ giải thoát cũng không thiên nhãn, song đều hiểu rõ Tứ Đế, nên không đọa tà kiến, chính là người minh kiến (thấy rõ). Theo tạng giáo thì nghĩa giải như vậy. Thông giáo theo lệ này mà rõ. Do vì tam thừa cùng một phương tiện vậy.

8) Tất cánh công đức (công đức cứu cánh).

Này các Tỳ Kheo, hễ nhiều hí luận, tâm kia phải loạn. Tuy đã xuất gia, do chưa giải thoát, nên các Tỳ Kheo phải gấp xa

rời hí luận loạn tâm. Nếu muốn đắc sự an vui tịch diệt, chỉ phải khéo trừ cái loạn hí luận. Đó gọi là không hí luận.

Bảy loại công đức trên đều là công đức trường dưỡng phương tiện. Còn công đức này là tự tính viễn ly, chẳng phải pháp đối trị, nên gọi là công đức tất cánh.

Chân như Niết Bàn bốn tính thanh tịnh, ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, vốn chẳng phải cảnh giới của sự hành hí luận. Do vì hí luận, mà đi ngược lại sự an vui tịch diệt. Sơ quả đắc thật trí huệ, thấy Tứ Thánh Đế, phân biệt phiền não tuy đã vĩnh diệt, song tam giới 9 địa 81 phẩm tư hoặc, đều là vô thủy cái gọi là hí luận lập thành, khiến tâm nhiều loạn, không khế hợp với chân thường, nên phải gấp rút xa rời hí luận, mới được sự yên vui của Niết Bàn tịch diệt.

Nói khéo diệt, tức dùng chỗ đắc Tứ Đế thật huệ, suy xét lại thật duyên, quán sát nhiều lần, thanh tịnh trừ nghiệp thức, khiến không còn hiện lại nữa, để nghiệp thức rốt ráo không sinh, đó là nghĩa giải theo Tam Tạng. Nếu mở bày rõ ra, thì dấu thật ở ngoài các sự, cũng vẫn là hí luận. Thường đối các sự mà vẫn hằng chân mới chẳng phải hí luận. Lại chẳng đủ tức không, vẫn là hí luận. Trung đạo mà chẳng không, mới chẳng phải là hí luận. Lại dù bỏ biên đứng trung đạo, vẫn là hí luận, tức biên tức trung (vừa bờ vừa giữa) mới không là hí luận. Lại

đối quyền chỉ rõ thật, vẫn mang hí luận, mở quyền bày thật (khai quyền hiển thật), không thô chẳng diệu, mới không là hí luận. Lại nói quyền nói thật, nói gốc nói vết đều chỉ là hí luận. Vừa khởi quán tâm, gốc vết đều tuyệt mới không là hí luận. Lại chỉ chú trọng mặc nhiên (yên lặng bất động), đoạn tuyệt nói năng thấy biết (ngôn kiến), vẫn thuộc hí luận. Biết tứ cú đều không thể nói, song vì có nhân duyên, nên cũng có thể nói được, nói cùng không nói tự tính bình đẳng, không làm nhị giải, cũng không nhất giải, không cũng nhất cũng nhị giải, không chẳng nhất chẳng nhị giải, mới không là hí luận.

Hết phần chính tông.

CHÚ THÍCH PHẦN CHÍNH VĂN.

1 - **Năng nhân** : Năng tức năng lực, nhân tức bi tâm. *Năng nhân* có nghĩa bi trí gồm đủ.

2 - **Tịch Mặc** : có nghĩa là hết thấy lỗi nơi ba nghiệp mà thường được tịch tĩnh.

3 - **Tứ Đức** : là Thường, Lạc, Ngã Tịnh, bốn đức gồm đủ của Đại thừa Đại Bát Niết Bàn.

a) *Thường đức* : Thể của Niết Bàn, hằng bất biến và vô sinh diệt nên gọi là Thường. Lại tùy duyên hóa dụng thường không dứt, nên gọi là Thường.

b) *Lạc đức* : Thể của Niết Bàn, tịch diệt vĩnh an, nên gọi là Lạc. Lại vận dụng tự tại, làm theo như tâm, gọi đó là Lạc.

c) *Ngã đức* : Hiểu ngã có hai loại :

. Thứ nhất tự thể gọi là Ngã, như phẩm Ai Thán, kinh Niết Bàn nói : *"Nếu pháp là thật, là chân, là chủ, là y, tính không biến dịch, gọi là Ngã"*.

. Thứ hai, dụng tự tại gọi là Ngã, như phẩm Cao Quý Đức Vương, Kinh Niết Bàn nói : *"Có Đại ngã nên gọi Đại Niết Bàn. Đại tự tại nên gọi là Đại Ngã. Sao gọi là đại tự tại ? Có tám tự tại nên gọi là Ngã"*. (Xem kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Cao Quý Đức Vương).

d) *Tịnh đức* : Thể của Niết Bàn giải thoát hết mọi cấu nhiễm, nên gọi là Tịnh. Lại tùy hóa xứ duyên mà chẳng ô, gọi là Tịnh.

Pháp Hoa Huyền Nghĩa quyển bốn nói : *"Phá phiền não của 25 cõi Hữu gọi là Tịnh. Phá nghiệp của 25 cõi Hữu gọi là Ngã. Không thọ báo của 25 cõi Hữu gọi là Lạc. Không có sinh tử của 25 cõi Hữu gọi là Thường. Thường Lạc Ngã Tịnh gọi là Phật tính hiển"*.

4 - *Bát Đảo* : Còn gọi là *Phàm Tiểu Bát Đảo*. Phàm tức phàm phu, tiểu tức tiểu thừa, đảo tức điên đảo. Do vì phàm phu trước hữu, vọng chấp các pháp vô thường là thường, vô ngã là ngã, bất tịnh là tịnh, phi lạc (khổ) là lạc. Lại do tiểu thừa chỉ trước nơi Không, thường cho là vô thường, ngã cho là vô ngã, tịnh cho là bất tịnh, lạc cho là phi lạc. Đó là *Bát Đảo* của phàm phu và tiểu thừa.

1) *Chẳng phải thường cho là thường* : Hết thấy các pháp hữu vi ở thế gian đều là vô thường, hư huyền không thật, không thể trường cửu, phàm phu nhận lầm cho là thường, nên thành *Thường Điên Đảo*.

2) *Chẳng phải lạc cho là lạc* : Sự vui ngũ dục ở thế gian này, đều là nhân chiêu vời quả khổ, phàm phu không rõ, nhận cho là lạc, nên thành Lạc Điên Đảo.

3) *Chẳng phải ngã cho là ngã* : Thân do bốn đại giả hợp thành này vốn không có ngã, nếu một đại là ngã, át ba đại kia chẳng phải. Nếu bốn đại đều là ngã, tất có nhiều ngã, vậy chung cục thứ nào là ngã ? Cho nên biết rằng ngã thực bất khả đắc, phàm phu chẳng rõ, nơi tự thân cưỡng sinh chủ thể, nhận cho là ngã, nên thành Ngã Điên Đảo.

4) *Chẳng phải tịnh cho là tịnh* : Thân của mình và của mọi người đều đủ năm món bất tịnh (chủng tử, trụ xứ, tự thể, ngoại tướng và cứu cánh), phàm phu chẳng rõ, vọng sinh tham trước, làm cho là tịnh, nên thành Tịnh Điên Đảo.

Bốn điều trên là Tứ Điên Đảo của *phàm phu*.

5) *Thường cho là vô thường* : Thường có nghĩa Pháp Thân Thường Trụ, vô thường là nghĩa biến dịch. Vì hàng nhị thừa, do vô minh che lấp, vọng chấp có tướng sinh diệt biến dịch nơi pháp thân thường trụ của Như Lai, gọi đó là Vô Thường Điên Đảo.

6) *Lạc cho là chẳng phải lạc* : Lạc có nghĩa Niết Bàn Thanh Tịnh, chẳng phải lạc tức khổ vậy. Do nhị thừa bị vô minh che lấp, vọng chấp Niết Bàn Thanh Tịnh của Như Lai là khổ, gọi đó là Khổ Điên Đảo.

7) *Ngã cho là vô ngã* : Ngã tức Phật tính chân thật ngã. Vô ngã tức trong Phật tính không có ngã. Nhị thừa vì vô minh ngăn che, không rõ trong pháp vô ngã lại có chân ngã, nên chân ngã trong Phật tính, làm cho là vô ngã. Gọi đó là Vô Ngã Điên Đảo.

8) *Tịnh cho là bất tịnh* : Tịnh tức thân thường trụ của Như Lai, chẳng phải thân tạp thực, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải

thân huyết nhục. Nhị thừa do vô minh ngăn che, chỉ quán hết thấy mọi sắc ở thế gian đều là bất tịnh, chẳng rõ sự tịnh nơi pháp thân thường trụ của Như Lai. Gọi đó là Bất Tịnh Điên Đảo.

Bốn điều này là Tứ Điên Đảo của *Tiểu thừa*.

5 - **Ngoại quyền thuộc** Là quyền thuộc tục gia không phải xuất gia.

6 - **Cộng tướng** : Các pháp có hai tướng là Tự tướng và Cộng tướng. Chỉ cục hạn nơi tướng của tự thể gọi là Tự tướng, thông với các tướng khác gọi là Cộng tướng. Dụ như mỗi sự của ngũ uẩn (trong ngũ uẩn) là Tự tướng. Còn lý Không, Vô ngã, và tướng Sinh, Trụ, Di, Diệt là Cộng tướng vậy. Đến như màu xanh có nhiều sự thể, mỗi sự thể đều là Tự tướng. Như xanh của hoa, xanh của quả, xanh của áo, tự tha cùng thông (một màu xanh) là Cộng tướng. Nên Tự tướng Cộng tướng trùng trùng qua lại vô cùng, mà không có thật thể của Tự Tướng. **Duy Thức Thuật Ký** nhị mật : "*Như trong ngũ uẩn, lấy mỗi sự của ngũ uẩn làm Tự Tướng, lý Không, vô ngã làm Cộng tướng (lược bớt) triển chuyển như vậy đến chỗ bất khả thuyết là Tự tướng. Chỗ cực vi có thể nói được là Cộng tướng. Nên lấy lý suy ất không tự tướng thể. Lại nói pháp thể bất khả thuyết là Tự tướng, khả thuyết là Cộng tướng. Lấy lý mà luận, ất cộng đã chẳng phải cộng, tự cũng chẳng phải tự.*"

7 - **Vô Tác Giới** : Không tạo tác nhân duyên. Vô tác giới còn gọi Vô giáo, tân dịch Vô Biểu. Giới thể có hai : tác giới và vô tác giới.

Tác giới là khi thọ giới rồi, ba nghiệp thân khẩu ý hành động theo đúng pháp, đó là nghiệp thể có thể thấy nghe được.

Vô tác giới là nương nơi duyên tác giới lúc đó phát sinh trong thân nghiệp thể không thể thấy nghe được. Duyên mới phát của nghiệp thể này tuy do động tác của ba nghiệp (tức tác giới), nhưng một khi đã sinh, ắt không cần mượn hành động của ba nghiệp (để biểu hiện), mà hằng luôn tương tục, nên gọi là vô tác.

Nếu ba nghiệp ngưng hành động, tác giới ắt diệt theo, nhưng vô tác giới luôn tương tục phát động công năng phòng phi chỉ ác, gọi đó là Vô tác giới thể.

8- Ngũ Thiên Thất Tụ : Cụ túc giới được chia làm Thiên môn và Tụ môn. Dựa theo các tội quả đã kết thành và nghĩa trọng yếu của tội mà chia làm Ngũ Thiên. Phân loại theo tội tính và nhân tội chia làm Thất Tụ.

Ngũ Thiên gồm :

1) *Ba La Di tội* (Paragika) : Dịch là Đoạn đầu (cát đầu). Tội này nặng nhất, giống như cát đầu không thể sống lại, phạm tội này không còn là Tỳ Kheo nữa. Tỳ Kheo có 4 giới, còn Tỳ Kheo ni có 8 giới.

2) *Tăng Tàn tội* : (Sanghāvasesa) Phạm ngữ Tăng Già Bà Thi Sa. Tỳ Kheo phạm tội này, như người chờ chết, chỉ còn chút tàn dư sinh mệnh, nên phải hướng chư Tăng cầu sám hối để bảo toàn mạng tàn dư này, nên gọi Tăng Tàn. Tỳ Kheo có 13 giới, Tỳ Kheo ni có 17 giới.

3) *Ba Đạt Đề tội* : (payattika) dịch là Đọa, như vào trong ngục vậy. Có hai loại Đọa và Xả Đọa. Hợp hai loại, Tỳ Kheo có 120 giới, Tỳ Kheo ni có 208 giới.

4) *Đề Xá Ni tội* : gọi đủ là Ba La Đề Đề Xá (Pratidesaniya) dịch là Hường Bỉ hối, đối các Tỳ Kheo khác cầu xin sám hối, tội được tiêu diệt. Tỳ Kheo có 4 giới, Tỳ Kheo ni có 8 giới.

5) *Đột Kiết La tội* (Duskṛta) : dịch là Ác tác, các tội này nhẹ. Tỳ Kheo gồm Nhị Bất định, Bách Chúng Học, Thất Diệt Tránh, tổng cộng 109 giới. Tỳ Kheo ni đồng.

Thất Tụ gồm năm Thiên trên, thiên thứ ba thêm Tụ Thâu Lan Giá (sthulatyaya) dịch là Đại Chương Thiện Đạo. Tội ở khoảng giữa hai tội Ba La Di và Tăng Tàn chưa thành tựu. Thiên thứ năm, tức tụ thứ sáu Đột Kiết La chia làm hai : ác tác và ác thuyết. Do thân tạo gọi là ác tác, do miệng tạo gọi là ác thuyết (xem Hành Sự Sao quyển 1)

9 - *Tâm Quý* : Là hai thiện pháp đứng đầu. *Tâm* là tác dụng của tinh thần, tự hổ với điều quấy của mình ; *Quý* là tác dụng của tinh thần, thẹn với người về lỗi của mình.

10 - *Cửu Địa* : Còn gọi là *Cửu Hữu*, gồm Dục giới làm một địa, Sắc và Vô Sắc giới mỗi thứ bốn địa :

1) *Dục Giới Ngũ Thú Địa* : hay còn gọi *Ngũ Thú Tạp Cư Địa*, gồm Địa ngục, Ngạ Quỷ, Súc sinh, Nhân, và Thiên. Ngũ thú này vẫn còn dục, hợp lại thành một địa.

2) *Ly Sinh Hỷ Lạc Địa* : tức Sắc giới Sơ Thiên, tương ưng cùng tâm tư tức giác quán, đã lìa khổ Dục giới, phát sinh hỷ lạc, nên thành một địa.

3) *Định Sinh Hỷ Lạc Địa* : tức Sắc giới Nhị Thiên, đã không tâm tư, từ định sinh hỷ lạc, nên là một địa.

4) *Ly Hỷ Diệu Lạc Địa* : tức Sắc giới Tam Thiên, lìa sự tham hỷ, tâm được an tĩnh, có lạc thắng diệu, nên là một địa.

5) *Xả Niệm Thanh Tịnh Địa* : tức Sắc giới Tứ Thiên, là các hỷ lạc trước đó, thanh tịnh bình đẳng, trụ nơi xả thọ chính niệm, nên là một địa.

6) *Không Vô Biên Xứ Địa* : tức đệ nhất định của Vô Sắc giới, chán sắc nên trụ nơi *Không Vô Biên Xứ Định*.

7) *Thức Vô Biên Xứ Địa* : tức đệ nhị định của Vô Sắc giới, trụ nơi *Thức Vô Biên Xứ Định*.

8) *Vô Sở Hữu Xứ Địa* : tức đệ tam định của Vô Sắc Giới, trụ nơi *Vô Sở Hữu Xứ Định*.

9) *Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Địa* : tức đệ tứ định của Vô Sắc giới, trụ nơi *Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định*.

11 - 88 **Sử (Kiến Hoặc)** : Câu Xá lập 88 : mười hoặc tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến gọi là *bốn hoặc*, còn gọi là *tùy hoặc*. Trong đó bốn hoặc đầu thông cả hai đoạn Kiến Tư, còn sáu hoặc sau chỉ Kiến đoạn thôi. Mười hoặc của Kiến đoạn này mê để lý một cách khác nhau mà thành 88 sự (còn Đại thừa cho 6 hoặc tham, sân, si, mạn cùng thân kiến, biên kiến, thông cả hai đoạn Kiến Tư, còn 4 hoặc kia chỉ do Kiến đoạn) tức do mê mờ chân lý Tứ Đế, Khổ Tập Diệt Đạo mà phát khởi.

Dục giới có 32 sử, Sắc giới 28, Vô Sắc giới 28 thành 88 sử. 32 sử Dục giới, đứng đầu là 10 hoặc phát khởi do mê lý khổ đế.

1) *Thân Kiến* : ngã kiến mê chấp cho khổ quả ngũ uẩn giả hợp này là thường nhất.

2) *Biên Kiến* : chấp một trong hai điều sau, cho thể thân này của ta sẽ còn mãi sau khi chết, hoặc mất hẳn sau khi chết.

3) *Tà Kiến* : bác không có nhân quả đời trước ảnh hưởng đến thân hiện tại.

PHẬT DI GIÁO KINH GIẢI

- 4) *Kiến Thủ Kiến* : mê chấp ba kiến trên, cho đó là Chính kiến.
- 5) *Giới Cấm Thủ Kiến* : mê chấp cho nhân của sinh Thiên hưởng lạc là sự khổ của thân hiện tại, nên chấp giữ đủ loại tà giới khổ hạnh.
- 6) *Tham* : Ái cho năm kiến trên là phải (khả).
- 7) *Sân* : Sân cho năm kiến trên là phi.
- 8) *Si* : không biết lý của năm kiến trên là sai quấy.
- 9) *Mạn* : cho năm kiến trên là đúng, nên khởi tâm kiêu mạn.
- 10) *Nghi* : nghi ngờ chân lý Khổ Đế.

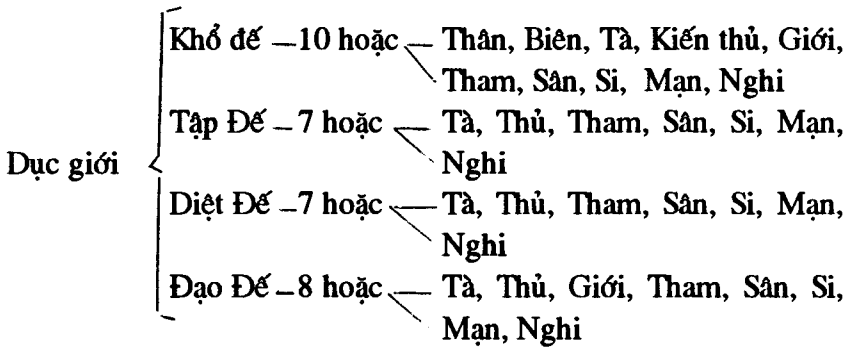
Trong 10 hoặc trên, *ngũ kiến* và *nghi* là mê mờ đế lý trực tiếp, nên gọi là *hoặc Thân mê*, còn bốn thứ *tham, sân, si, mạn* kia, do mê ngũ kiến, nên gọi là *hoặc Sơ mê*. Mười hoặc thân sơ này do mê mờ chân lý Khổ đế dục giới, mà phát khởi phiền não, nên khi nhập vào Kiến đạo, quán Khổ đế dục giới liền đoạn trừ được hết. Sau đó, do mê mờ lý Tập đế mà phát sinh bảy hoặc, trừ ba kiến *thân, biên* và *giới* của mười hoặc trên. Tập đế là nghiệp nhân, không thể do nghiệp nhân mê chấp ngã thể, nên không có *thân kiến*, không thân kiến nên không *biên kiến*. *Giới cấm thủ kiến* không phải nghiệp nhân của nhân thiên, mà đối xung là nghiệp nhân của nhân thiên, tuy có đạo lý phát khởi do nơi mê mờ lý Tập đế, nhưng thực tế ngoại đạo khi tu các giới cấm, mê chấp các hiện tượng nơi thân, tự cho các khổ hạnh nơi thân là nhân sinh về nhân thiên, nên *giới cấm thủ* này được nhiếp vào Khổ đế, mà không nhập vào Tập đế.

Trong bảy hoặc, thứ nhất *Tà kiến*, bác không có đạo lý hay là nhân của sinh tử. Thứ hai, *Kiến Thủ Kiến*, mê chấp Tà kiến trên cho là Chính kiến. Thứ ba, *Nghi*, nghi lý của Tập đế, còn bốn thứ *Tham, Sân, Si, Mạn* phát sinh do mê chấp ba hoặc trước.

Kế tiếp, do mê mờ lý Diệt đế mà phát sinh bảy hoặc, như ở Tập đế, Diệt đế là Niết Bàn. Bác điều cho rằng chẳng phải không có Niết Bàn, là Tà kiến. Cho Tà kiến này là Chính kiến, đó là Kiến Thủ Kiến. Nghi ngờ Niết Bàn mà không quyết định lòng tin, là *nghi*. Do ba Kiến trên làm duyên mà phát khởi, đó là bốn thứ *tham, sân, si, mạn*.

Sau cùng do mê mờ lý Đạo đế, mà phát sinh tám hoặc, gồm bảy hoặc trước, cộng thêm *Giới Cấm Thủ*. Có một hạng ngoại đạo, tu Vô tướng định làm ngõ là chính đạo nhập Niết Bàn, đó là *giới cấm thủ kiến* cho Phi Đạo là Đạo, phát khởi vì do mê mờ lý Đạo đế. Còn bảy hoặc kia cũng giống như ở Tập đế.

Đó là 32 hoặc của Dục giới.



Sắc giới và Vô Sắc giới mỗi giới có 28 sử, mỗi Đế trừ Sân ra. vì hai giới này là Định Địa, chẳng phải như Dục giới là Tán địa, nên không khởi các phiền não thô động như sân khuể.

PHẬT DI GIÁO KINH GIẢI

Vô Sắc, Sắc giới	}	Khổ đế - 9 hoặc	—	Thân, Biên, Tà, Thủ, Giới, Tham, Si, Mạn, Nghi
		Tập Đế - 6 hoặc	—	Tà, Thủ, Tham, Si, Mạn, Nghi
		Diệt Đế - 6 hoặc	—	Tà, Thủ, Tham, Si, Mạn, Nghi
		Đạo Đế - 7 hoặc	—	Tà, Thủ, Giới, Tham, Si, Mạn, Nghi

88 món này, do 15 tâm kiến đạo đoạn trừ, nên gọi là 88 sử của Kiến Hoặc.

12 - 81 Phẩm Ái : Còn gọi là 81 phẩm Tư Hoặc. Kiến hoặc thuộc độn đoạn (trừ nhanh). Tư hoặc thuộc tiệm đoạn (trừ chậm). Tiệm đoạn vì Thanh văn thừa thuộc độn căn, nên phân 10 hoặc làm cửu phẩm của cửu địa, để đoạn từng phần. Cửu phẩm gồm Thượng thượng phẩm, Thượng trung phẩm, Thượng hạ phẩm, cho đến Trung rồi Hạ thượng phẩm, Hạ trung phẩm, Hạ hạ phẩm. Mỗi địa có cửu phẩm. Cửu Địa cộng chung có 81 phẩm.

Thánh giả chứng quả Dự Lưu sau khi đã trừ kiến hoặc, tiếp theo trừ nhất phẩm cho đến ngũ phẩm của sơ địa, gọi là Nhất Lai Hướng, đoạn sáu phẩm này rồi, là quả Nhất Lai (Tư Đà Hàm), hãy còn ba phần dục hoặc, nên phải còn một lần đi đến nơi Nhân Thiên nữa. Sau đó đoạn ba phẩm dục hoặc này, là Bất Hoàn Hướng. Đã đoạn xong gọi là Bất Hoàn (A Na Hàm), vì không còn sinh nơi Dục giới nữa. Tiếp theo tiệm đoạn 72 hoặc của tam địa còn lại, là A La Hán Hướng. Đoạn sạch rồi, là quả A La Hán. A La Hán có nghĩa Vô Sinh, vì đã trừ sạch 81 phẩm hoặc, không còn tái sinh nơi tam giới nữa (xem **Câu Xá Luận** 12).

13 - **Ba La Đề Mộc Xoa (Pratimoksa)** : Một trong ba giới luật, dịch là Biệt giải thoát, hoặc Xứ Xứ giải thoát. Có nghĩa các giới luật thất chúng đã thọ, đều có công năng giải thoát bảy món ác của thân khẩu. Hoặc còn dịch là Tùy giải thoát, dùng giới luật tùy thuận quả của hai thứ giải thoát hữu vi và vô vi.

Đại Thừa Chương Nghĩa quyển nhất nói : "*Mộc Xoa được gọi là giải thoát (lược bớt). Giới hạnh gọi là giải thoát vì hai nghĩa : thứ nhất giới hạnh tránh được nghiệp quấy, nên gọi giải thoát, thứ hai đắc được quả giải thoát, nên gọi giải thoát.*"

14 - **Định Cộng Giới** : Một trong ba giới luật, còn gọi là Tinh Lự Sinh Luật Nghi. Hành giả nhập Tứ Thiên của Sắc giới, tất cùng thiên định phát sinh giới thể tự nhiên phòng phi chỉ ác, mọi hành động, nói năng của thân khẩu đều khế hợp luật nghi. Định này hữu lậu, nên Giới cũng hữu lậu.

Câu Xá Luận quyển 14 ghi : "*Do Tinh Lự Sinh, là nói luật nghi này từ tinh lự phát sinh, hoặc nương nơi tinh lự. Nếu đắc tinh lự, tất thành tựu luật nghi này*". **Thất Thập Ngũ Pháp Danh Mục** ghi : "*Tinh Lự Luật Nghi, cũng gọi là Định Cộng Giới, vì đồng có cùng một lúc với Định*".

15 - **Đạo Cộng Giới** : Một trong ba luật nghi. Các bậc Thánh tam thừa đến các vị Kiến Đạo và Tu Đạo phát Vô Lậu Định cùng Vô Lậu Trí, tự phát sinh giới thể phòng phi chỉ ác, gọi là Vô Lậu Luật Nghi hay còn gọi là Đạo Cộng Giới, vì Vô Lậu Luật Nghi này cùng Vô Lậu Đạo cộng sinh, cùng Vô Lậu Đạo cộng diệt, nên gọi là Đạo Cộng Giới.

16 - **Kỷ Linh** : còn gọi là tính giác bốn lai.

PHẬT DI GIÁO KINH GIẢI

17 - **Ca Lợi** : vua Ca Lợi tiền thân của Kiều Trần Như, dùng gươm phân thân đạo sĩ tu nhẫn nhục (tiền thân Phật), do nhân duyên này được Phật độ đầu tiên.

18 - **Điều Đạt** : Tức Đề Bà Đạt Đa, em họ Phật và là anh ruột của A Nan, chuyên hành nghịch hạnh.

19 - **Lục Dục Thiên** : Dục giới có sáu tầng trời, gọi là Lục Dục Thiên :

1) **Tứ Vương Thiên** : gồm Trì Quốc Thiên, Quảng Mục Thiên, Tăng Trưởng Thiên, và Đa Văn Thiên. Cộng chung bốn Thiên, nên gọi là Tứ Vương Thiên.

2) **Đao Lợi Thiên** : Còn gọi là Tam Thập Tam Thiên. Đế Thích Thiên tại trung ương, bốn phương mỗi phương có 8 Thiên, tổng cộng là 33 Thiên.

3) **Dạ Ma Thiên** : dịch là Thời Phân. Trong trời này, thời thời xướng lời "vui thay !" (khoái tai), nên gọi là Thời Phân.

4) **Đâu Suất Thiên** : dịch là Hỷ Túc, tức tâm hỷ túc nơi ngũ dục lạc (vui đầy đủ), nên gọi là Hỷ Túc.

5) **Lạc Biến Hóa Thiên** : Nơi cảnh ngũ dục, tự lạc biến hóa.

6) **Tha Hóa Tự Tại Thiên** : Nơi cảnh ngũ dục, có thể biến hóa tự tại.

Sáu trời này, Đao Lợi trên đỉnh Tu Di, Tứ Vương ở giữa Tu Di nên gọi là Địa Cư Thiên. Đâu Suất Thiên và ba Thiên kia tại hư không, nên gọi là Không Cư Thiên (xem **Trí Độ Luận 9, Câu Xá Luận 8**).

20 - **Ứng Khí** : hay Ứng Lượng khí, phạn ngữ Bát Đa La (Patra), tức bình bát làm bằng sắt hoặc đất.

21 - **Tam Chương** : Chương chính đạo, hại thiện tâm có ba thứ :

1) *Hoặc chướng hay Phiền Nã chướng* : gồm các hoặc như tham dục, sân khúế và ngu si.

2) *Nghiệp chướng* : gồm các nghiệp ngũ nghịch, thập ác...

3) *Báo chướng* : các khổ báo như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh... (xem Niết Bàn Kinh quyển 11)

22 - **Kiến Phần** : Một trong tứ phần của thức thứ tám. Tứ phần gồm :

1) *Tướng Phần* : tức hình tướng, vì thức thứ tám này có thể biến hiện căn thân, thế giới, cùng danh nghĩa tướng trạng của các pháp, đều do từ tướng phần này mà sinh, như các ảnh tượng hiện trong gương.

2) *Kiến Phần* : Kiến có nghĩa chiếu soi, vì thức thứ tám có thể soi chiếu hết mọi pháp, liễu giải nghĩa lý các pháp như ánh sáng trong gương, chiếu soi vạn tượng.

3) *Tự Chứng Phần* : tự chứng chỗ đầy đủ của pháp, vì thức này có thể trì giữ Kiến phần, Tướng phần, tự chứng vô ngại, như hình tròn đủ của kính, giữ được sự sáng, chứa được hết ảnh tượng.

4) *Chứng Tự Chứng Phần* : chứng tức thể (của) năng chứng, tự chứng tức chỗ đầy đủ các pháp. Nhờ phần này mà trì giữ được ba phần trước, Tướng phần, Kiến phần và Tự Chứng phần. Chứng Tự Chứng phần là bản thể của thức thứ tám, như lưng kính vậy.

23 - **Tứ Huệ** : Sai biệt của Thế tục trí, trí thứ nhất trong mười trí của tiểu thừa.

1) *Sinh Đắc Huệ* : tức trí huệ sinh ra đã có sẵn.

2) *Văn Huệ* : trí huệ phát sinh nhờ nghe Thánh Giáo.

3) *Tư Huệ* : trí huệ phát sinh do từ tư duy nghĩa lý.

4) *Tu Huệ* : trí huệ phát sinh nhờ tu tập thiền định.

Trong bốn thứ huệ này, đối với Sinh Đắc Huệ, ba huệ sau là Gia Hành Đắc (nhờ hành mà đắc). Lại ba huệ đầu là Tán Huệ, huệ thứ tư là Định Huệ.

24 - *Danh Tự Vị, Quán Tự Vị, Tương Tự Vị* (coi chú thích số 12 Lục Túc, chương 2 Kinh Tứ Thập Nhị Chương).

25 - *Đình Tâm Biệt Tổng Tướng Niệm* : tức Tam Hiền của tiểu thừa, gồm : Ngũ Đình Tâm quán, Biệt Tướng Niệm Trụ và Tổng Tướng Niệm Trụ. Chưa Kiến đạo gọi là Hiền vị, Kiến đạo gọi là Thánh vị.

A) Ngũ Đình Tâm quán : do tu năm pháp quán này, đình được năm loại tâm sai quấy. Đó là cửa đầu của hàng Thanh Văn nhập Đạo.

. 1) *Bất Tịnh quán* : quán tướng bất tịnh của cảnh giới, là pháp đình chỉ tâm tham dục.

. 2) *Từ Bi quán* : quán tướng đáng xót thương của chúng hữu tình, là pháp đình chỉ tâm sân khuể.

. 3) *Nhân Duyên quán* : quán Thập Nhị nhân duyên, quán lý ba đời tương tục, là pháp đình chỉ tâm ngu si.

. 4) *Giới Phân Biệt quán* : quán chư pháp, mà phân biệt Lục giới, hoặc Thập Bát giới, là pháp đình chỉ ngã kiến.

. 5) *Số Túc quán* : đếm hơi thở, là pháp đình chỉ tâm tán loạn.

B) Biệt Tổng Tướng Niệm : tức Biệt tướng niệm xứ và Tổng tướng niệm xứ (niệm xứ, hay còn gọi là niệm trụ). Quán Tứ niệm xứ có hai loại :

1) *Biệt Tướng Niệm Xứ* : phân các cảnh sở quán làm bốn, gồm Thân, Thọ, Tâm, Pháp, quán lần lượt và riêng rẽ từng cảnh. Song

đến cảnh thứ tư là Pháp Niệm Xứ lại có hai thứ, là tạp duyên và bất tạp duyên. *Bất tạp duyên pháp niệm xứ* chỉ quán duy nhất một cảnh là pháp, còn *Tạp duyên pháp niệm xứ*, nơi bốn cảnh hoặc quán chung hai cảnh Thân, Thọ, cho đến quán chung một lần bốn cảnh, bởi lẽ chư pháp bao trùm cả ba thứ trước.

2) *Tổng Tướng Niệm Xứ* : nơi hậu niệm của Tạp duyên pháp niệm xứ, không phân chia từng cảnh Thân, Thọ, tổng hợp cả bốn, quán hữu vi pháp là vô thường, quán chư pháp hữu lậu là khổ, quán hết thấy pháp là Không, là Vô ngã, nên gọi là Tổng tướng niệm xứ.

Biệt tướng và Tổng tướng khác nhau ở chỗ phân hay không phân tiền cảnh. Lại hành tướng năng quán của Biệt tướng là bốn thứ bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã ; của Tổng tướng là bốn thứ vô thường, khổ, không, vô ngã. Trong tiểu thừa Thất gia hành vị, thì Biệt tướng thứ nhì, Tổng tướng thứ ba, Ngũ đình tâm thứ nhất. Kế là Tứ Thiện Căn.

26 - *Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất Pháp* : Bốn pháp này còn gọi là *Tứ Thiện Căn*, và quen gọi là *Tứ Gia Hành*. Hành nhân muốn cầu kiến đạo, đổi phàm thành Thánh, nên khởi bốn tâm này, tu Thập Lục Hành tướng, quán Tứ đế, lấy định nuôi huệ, gia công dụng hành, nên gọi là Gia Hành. Kiến đạo tức sơ quả Tu Đà Hoàn.

1) *Noãn Gia Hành* : Noãn gọi tên theo dụ, có nghĩa là hơi ấm, hơi nóng. Như người dùi gỗ lấy lửa, tuy lửa chưa hiện, nhưng được tướng ấm của lửa trước, cũng vậy, trong Gia Hành vị, muốn dùng lửa trí huệ đốt cây phiền não, tuy chưa được trí huệ vô lậu (lửa huệ), song được tướng tiền trí huệ (hơi nóng của lửa huệ) trước, nên gọi là Noãn Gia Hành.

PHẬT DI GIÁO KINH GIẢI

2) *Đánh Gia Hành* : Đánh có nghĩa là đỉnh, như người lên tới đỉnh ở trung gian của hai ngã lên xuống, lên thì đến Vị Nhẫn, không còn thối chuyển, xuống thì trở lại Noãn vị, thậm chí tạo nghiệp vô gián, làm mất thiện căn. Do vì từ Nhẫn vị trở lên không còn thối chuyển nữa, nên Đánh vị hàm nghĩa là vị cao tột của các vị còn thối chuyển vậy. Đánh là thiện căn phát sinh từ hậu niệm của Noãn Pháp Thượng phẩm.

3) *Nhẫn Gia Hành* : thiện căn phát sinh từ hậu niệm của Đánh gọi là Nhẫn Pháp. Nhẫn gồm hai nghĩa : thứ nhất *án khả* (chứng thực, chấp nhận), vì hành giả ở Nhẫn vị có thể chứng thực được lý Tứ Đế, thấy Khổ đế đúng thực là Khổ, cho đến Đạo đế đúng thực là Đạo. Thứ hai *quyết định*, vì hành giả ở Nhẫn vị quyết định không còn thối lui, nên gọi là Nhẫn gia hành.

4) *Thế Đệ Nhất Gia Hành* : thiện căn phát sinh từ hậu niệm của Nhẫn, gọi là Thế Đệ Nhất pháp. Thế tục hữu lậu pháp, đệ nhất tức trong các pháp hữu lậu, không pháp nào thắng hơn pháp quán trí này. Pháp này là tối thắng ở thế gian, nên gọi là Thế Đệ Nhất Pháp. Vị này không còn thối chuyển, tất sinh vô lậu trí, nhập vào Kiến Đạo, chân chính chứng ngộ Thánh đế vậy.

Câu Xá quyển 23 nói : "*Noãn tât đến Niết Bàn, Đánh át không đoạn thiện, Nhẫn không đọa đường dữ, Đệ Nhất nhập ly sinh*".

III - LƯU THÔNG PHẦN

A - Khuyến Tu Lưu Thông

B - Chứng Quyết Lưu Thông

C - Đoạn nghi Lưu Thông

1. Bày chỉ các nghi khác
2. Vì trừ các mối nghi cho những người đó
3. Lập lại tướng mạo vô thường hữu vi để khuyến tu.

D. Chúc phó lưu thông.

A - Khuyến tu lưu thông

Này các Tỷ Kheo, nơi mọi công đức, thường phải nhất tâm, xa mọi phóng dật, như bỏ oán tặc, Thế Tôn đại bi nói các lợi ích đều đã rất ráo, các ông chỉ còn tinh cần thực hành. Hoặc trong rừng núi, hoặc nơi đầm vắng, hoặc dưới gốc cây, tịnh thất thông dong, ghi nhớ giáo pháp đã thọ, đừng cho quên mất. Thường nên tự nỗ lực, tinh tiến tu tập, đừng để chết sưng, khiến sau phải hối hận. Ta như vị lương y, biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống, chẳng phải lỗi lương y, lại như người hướng đạo giỏi, chỉ người đường tốt, nghe mà không làm, đâu phải lỗi người chỉ vậy.

Mọi công đức đây chỉ ba thứ công đức đối trị của Cộng Thế Gian Pháp Yếu, cùng tám thứ công đức đại nhân của Bất Cộng Thế Gian Pháp Yếu trong phần Chính Tông.

Thường nên nhất tâm là y theo đệ nhất nghĩa tâm mà tu tập. Bỏ mọi phóng dật, như bỏ oán tặc, xa lìa các hạnh

trái nghịch với sự nhất tâm. Các lời nói hữu ích đều đã rớt ráo, bậc đại bi vô hạn không hề che dấu chút nào nơi pháp. Trong đây nói phải tu thế nào ? Phải nên chăm chỉ hành theo. Tu chỗ nào ? Trong núi, đầm vắng, dưới cây, chỗ yên tĩnh thất. Tu thứ gì ? Ghi nhớ các pháp đã thọ lãnh. Tại sao tu ? Để đừng quên mất. Dùng phương tiện nào tu ? Thường nên tự cố gắng nỗ lực tu. Nếu chưa đến chỗ chân thật, gọi là chết suông. Nếu đắc ít cho là nhiều, sau tất phải hối, hối sao kịp nữa. Về mặt diệt ác trừ khổ, dụ như lương y. Về mặt phát sinh thiện pháp và an lạc, dụ như hương đạo. Phật nào hề phụ chúng sinh, chỉ có chúng sinh phụ Phật. Há không xót đau lắm sao !

B - Chúng Quyết Lưu Thông.

Các ông nếu nơi Khổ Tập các thứ của Tứ Đế, còn điều nghi hoặc hãy mau hỏi ngay, không được hoài nghi mà không cầu giải. Bảy giờ Thế Tôn ba lần xuống hỏi như vậy, không ai thưa hỏi, vì sao vậy ? Bởi chúng không nghi. Lúc đó, A Nậu Lâu Đà quán sát tâm chúng mà bạch Phật rằng : Thế Tôn, mặt trăng có thể làm cho nóng, mặt trời có thể làm cho lạnh. Phật nói Tứ Đế không thể làm khác được. Phật nói Khổ Đế thật khổ, không thể làm cho vui. Tập đúng là nhân, không có nhân nào khác nữa. Khổ nếu diệt rồi, tức chính diệt nhân, nhân diệt nên quả diệt. Đạo diệt khổ này, thật

đúng chân đạo, không còn đạo nào khác. Thế Tôn, các Tỷ Kheo đây, nơi pháp Tứ Đế, quyết định không còn nghi ngờ."

Như Lai một đời thuyết pháp, nghĩa lý tuy nhiều, song Tứ Đế nhiếp cả, do hai đế Khổ Tập nhiếp hết nhân quả thế gian, hai đế Diệt Đạo nhiếp trọn nhân quả xuất thế gian, nên hoài nghi Tứ Đế, ắt mọi pháp khác cũng đều hoài nghi. Nếu nơi Tứ Đế không nghi, tất mọi pháp khác đều không nghi, vì vậy lúc sắp diệt độ, phải ân cần hỏi đến ba lần, hiển bày sâu xa ngoài Tứ Đế ra, không có pháp nào khác.

Trong văn có ba môn nhiếp nghĩa, chỉ bày quyết định chẳng nghi. Từ đầu đến không cầu giải là đệ nhất phương tiện hiển pháp môn, do bốn đế này tu tập các pháp, hành giả thường quán sát, và nương theo đó mà thực hành. Từ bảy giờ Thế Tôn đến vì chúng không nghi, là đệ nhị mãn túc thành tựu môn, trong đó câu ba lần hỏi, chỉ bày pháp luân đã thành tựu trọn đủ (mãn túc thành tựu). Câu không ai thưa hỏi, chỉ bày chứng pháp thành tựu trọn vẹn. Câu vì chúng sinh không nghi chỉ bày công đức dứt trừ đã thành tựu trọn vẹn. Từ A Nậu Lưu Đà đến quyết định chẳng nghi là đệ tam phân biệt thuyết môn. A Nậu Lưu Đà còn gọi là A Na Luật, hoặc A Nê Lâu Đậu, hay A Nan Luật Đà, dịch là Vô Bản, hoặc Vô Diệt, hay Như Ý, thuở xưa nơi thời kỳ đói khát, từng bố thí cho Bích Chi Phật một bữa ăn, nhờ vậy được sinh

cõi Trời Người trong 91 kiếp, thường thọ phúc lạc, đến nay chưa hết, cầu gì đều toại ý nên được tên này, là bậc Đệ Nhất Thiên Nhân, nên có thể quán sát tâm đại chúng mà quyết định phân biệt nói. Mặt trăng là sao Thái Âm nên lạnh, mặt trời là sao Thái Dương nên nóng. Song điều này y vào báo khí của thế gian pháp đều là do nơi thức của chúng ta hiện thành, tức chính là tướng phần của thức, vốn chẳng phải thực pháp, nên nếu có thần thông, liền có thể làm trăng nóng trời lạnh được. Còn như Tứ Đế do Phật nói mới chính là đạo lý pháp nhĩ nơi tâm tính chúng sinh. Lý không đổi dời, như Khổ đế này, ba cõi cùng 25 hữu, dưới đến A Tỳ địa ngục, trên tới trời Phi Phi Tướng, tuy thăng trầm có khác, song không nơi nào không bị bốn tướng (1) kéo lôi, tám khổ (2) bức bách, làm sao khiến thành vui được. Như Tập Đế vậy, hai hoặc Kiến Tư, ba nghiệp hữu lậu thiện ác bất định, rõ ràng là nhân đưa đẩy sinh vào Tam giới, há còn nhân nào khác. Lại như Diệt Đế, nhân diệt tất khổ quả diệt theo, há chẳng phải an lạc tịch tĩnh vô vi sao. Còn như Đạo Đế, tam học Giới Định Huệ, hay đoạn khổ nhân khổ quả, đến chốn không khổ, lại còn Đạo nào khác sao. Bốn pháp này đều thẩm xét đúng thật chẳng hư dối, nên được gọi là Đế. Phật như thật nói, Tỳ Kheo cũng như thật hiểu (giải), nên nói quyết định không nghi.

C - Đoạn Nghi Lưu Thông

1) Bày chỉ các nghi khác

Trong chúng hội này, những người việc làm chưa xong, thấy Phật diệt độ, hết sức thương cảm. Những người mới vào giáo pháp, nghe lời Phật dạy, đều được đắc độ, thí như đêm thấy ánh chớp, liền thấy được đường. Những người việc làm đã xong, đã qua biển khổ, chỉ nghĩ như vậy, Thế Tôn vì sao diệt độ mau như vậy.

Đây vẫn do A Nậu Lô Đà phân biệt nói. Trong đó có ba thứ phân biệt. Thứ nhất những người việc làm chưa xong, chỉ hàng sơ quả nhị quả và tam quả, vì chưa đoạn trừ hết tư hoặc, nên còn sinh bi cảm, như A Nan âu sầu than khóc vậy. Thứ hai người mới nhập pháp, chỉ hàng Nội Ngoại phàm (3) do sức Quán Hành sâu (4), nên nay vừa nghe Phật pháp liền Kiến Đạo mau chóng, như đêm tối thấy ánh chớp, chẳng phải chần chờ, vì trong một sát na Kiến Đạo Mười Sáu Tâm (5) vậy. Thứ ba, những người việc làm đã xong, chỉ A La Hán, đoạn hết Kiến Tư hoặc, vĩnh viễn siêu thoát biển khổ sinh tử, nên không còn tình cảm bi thương, nhưng không biết Phật thật không diệt độ, nên nói sao diệt độ mau vậy.

2) Vì trừ nghi cho những người đó.

A Nậu Lô Đà tuy nói lời này, trong chúng đều liễu đạt nghĩa Tứ Thánh Đế. Thế Tôn muốn cho đại chúng được kiên

cổ, dùng tâm đại bi, lại vì chúng nói : "Này các Tỳ Kheo ! không nên buồn rầu, dầu ta có ở đời một kiếp, rồi cũng phải diệt, có hội mà không tan, quyết không thể có. Tự lợi lợi tha, pháp này đã đủ, nên ta có ở lại lâu cũng không còn ích. Những người đáng độ, dầu ở trên trời hay tại nhân gian đều đã độ hết. Những người chưa độ, đều đã được gây nhân duyên đắc độ. Từ nay về sau, đệ tử của ta phải nối nhau thực hành pháp này, như vậy pháp thân Như Lai sẽ thường còn không diệt".

Tứ Thánh Đế, vì chúng được Tứ Đế liền thành Thánh quả, nên gọi là Tứ Thánh Đế. Lại lý tuy như thế, chỉ duy có Thánh thấu được, nên gọi là Thánh Đế. Lúc đó chúng tuy đều liễu đạt, song Như Lai bi tâm rất mực, khắp vì chúng sinh nơi đời vị lai trừ các nghi khác, cho nên lại vì chúng nói, chỗ này trong văn cũng chia làm ba.

Thứ nhất, từ không nên buồn rầu đến cũng không còn ích, tức trừ cái nghi thấy diệt độ sinh bi cảm của những người việc làm chưa xong. Pháp tự lợi lợi tha đã đầy đủ, có thể nương đó mà tu hành, còn như có hội tất có tan, thế pháp là vậy, nên dầu ta ở lại lâu cũng không ích gì cho các ông, bất tất phải bi cảm. Thứ hai, từ nên độ đến nhân duyên đắc độ, tức trừ mối nghi ánh chớp thấy đạo, ý nói với người nghi rằng, Phật còn tại thế, người nghe pháp đều được độ, sau khi Phật diệt độ,

người thấy đạo đó không phải là không ích, nên giải thích rằng những người nên độ ta đã độ xong, dù còn người chưa độ, đều cũng đã gây nhân duyên đắc độ. Nhân duyên chưa tới, đừng buồn không thấy đạo vậy. Thứ ba, từ từ nay về sau đến thường còn không diệt, tức trừ mối nghi diệt độ mau chóng, hàng đệ tử đã nối nhau hành đạo, tất phần nhân còn mãi không mất, pháp thân đã thường trụ bất diệt, tất phần quả còn mãi không mất. Nhân quả đều thường còn, sao bảo sớm diệt độ. Song điều này vẫn đối với quyền cơ, nên lại nói Ngũ Phần Pháp Thân (6) là thường trụ. Nếu nhập thật đạo, ứng hóa cũng thường còn, Hội Linh Sơn vẫn nghiêm nhiên chưa tan, điều đó chẳng phải khi dối chúng ta.

3) Lập lại tướng mao vô thường hữu vi để khuyên tu

Cho nên phải biết, thế gian đều vô thường, có hợp tất có tan, đừng mang lòng sâu não, tướng thế gian như vậy, phải cố tinh tiến, sớm cầu giải thoát. Dùng ánh sáng trí huệ, diệt bóng tối si mê, thế gian thật mong manh, không chút vững bền. Ta nay diệt độ, như trừ bệnh ác, thân này đáng xa, là vật tội ác, giả gọi là thân, chìm trong bể lớn sinh lão bệnh tử, người có trí huệ, sao không vui mừng khi trừ diệt được, như trừ oán tặc.

Vấn có hai ý, từ đầu đến vững bền, chính chỉ rõ vô thường quán môn, để khuyên tinh cần tu tập. Từ ta nay

diệt độ đến hết, là lấy tự thân làm bằng chứng, thân sắc vi diệu của Phật, như chân pháp tính, hiển hiện vô lượng công đức trang nghiêm, mà Ngài còn nói rằng "là vật tội ác". Dùng bệnh ác, oán tặc thí dụ, chỉ đồng phạm phu, để cảnh tỉnh mọi người.

Hết phần Đoạn Nghi Lưu Thông.

D - Chúc Phó Lưu Thông

Này các Tỳ Kheo, phải thường nhất tâm cần cầu giải thoát, hết thấy các pháp thế gian, động hay bất động, đều là tướng bại hoại bất an. Các ông hãy yên lặng, đừng nói năng nữa, thời giờ sắp hết. Ta muốn diệt độ. Đây là những lời giáo huấn cuối cùng của ta.

Phải thường nhất tâm là dạn dò khiến trụ nơi thật huệ. Cần cầu giải thoát là dạn dò khiến phương tiện tu tập. Vì thật huệ khó đắc, nên khuyến khích nỗ lực tu tập. Dục giới là động pháp. Sắc và Vô Sắc giới là bất động pháp. Tuy là động tĩnh khác nhau, nhưng đều thuộc vô thường vô ngã, không thể không tìm cách ra khỏi. Đừng nói năng nữa là khuyên ngừng tam nghiệp, để thành tựu pháp khí vô ngã tịch diệt. Thời giờ sắp hết là chỉ đang quay về tịch diệt, không lìa trung đạo, lấy đó làm cứu cánh. Lời giáo huấn cuối cùng, chính hiển giáo huấn, trong pháp trụ trì là tối thắng, tối yếu. Ô hô ! Ân cần

đến phút chót, bi tâm rất mực, làm hàng môn đồ phải khắc ghi trong cốt tủy.

CHÚ THÍCH LƯU THÔNG PHẦN

1 - Bốn tướng : Sinh, Lão, Bệnh, Tử.

2 - Tám khổ : gồm : sinh - lão - bệnh - tử - ái biệt ly khổ - oán tắng hội khổ - cầu bất đắc khổ - ngũ ấm xí thịnh khổ.

3 - Nội Ngoại phàm : chưa đắc được thật chứng, gọi là phàm phu. Trong phàm phu lại phân làm hai loại nội phàm và ngoại phàm. Đắc vị tợ giải là nội phàm, chưa đắc vị tợ giải là ngoại phàm. Tiểu thừa cho Tam hiền vị, tức Ngũ Đình Tâm Quán, Biệt Tướng Niệm Xứ, Tổng Tướng Niệm Xứ là ngoại phàm. Còn Tứ Thiện Căn tức Noãn, Đảnh, Nhãn, Thế Đệ Nhất Pháp là nội phàm.

Hành vị của Đại Thừa, cho vị Thập Tín là ngoại phàm, Thập Trụ trở lên, tức Tam hiền vị là nội phàm. Thiên Thai cho Quán Hành Tức trở lại là ngoại phàm, Tương Tợ Tức là nội phàm.

Tứ Giáo Nghi Tập Chú quyển trung nói : "*Tương Tợ kiến lý gọi là nội, chưa đắc tợ giải gọi là ngoại*". Lại nói : "*Thấy dần pháp tính, tâm ở trong lý, thân cư hữu lậu, Thánh đạo chưa sinh, nên gọi là Nội phàm*".

4 - Quán Hành : Nơi tâm quán lý, thân hành như lý, lại hành pháp quán tâm.

5- Kiến đạo mười sáu tâm :

Kiến đạo là một trong ba đạo. Vị mới sinh Vô Lậu Trí chiếu kiến lý Chân Đế, Đạo có nghĩa đạo lộ, con đường tiến thủ cho học nhân, tích tập Tam hiền và Tứ thiện căn của Gia hành, mà phát sinh nơi Vô Lậu Trí Vô Gian của Thế đệ nhất pháp. Lại Đại Thừa Bồ Tát nơi cuối sơ tăng kỳ, cuối Tứ Thiện căn của Gia Hành vị, đốn đoạn hai chương Phiền não và Sở tri do phân biệt khởi, gọi đó là Kiến đạo. Vô lậu trí vào thời kỳ này, theo Câu Xá Tông có Tám Nhẫn và Tám Trí, tức mười sáu tâm.

1) *Khổ Pháp Trí Nhẫn* : trí đoạn Kiến hoặc của Khổ đế nơi Dục giới.

2) *Khổ Pháp Trí* : Trí chính chứng lý, khi đoạn Khổ hoặc xong.

3) *Tập Pháp Trí Nhẫn* : trí đoạn Kiến hoặc của Tập đế nơi Dục giới.

4) *Tập Pháp Trí* : Trí chính chứng lý, khi đoạn Tập hoặc xong.

5) *Diệt Pháp Trí Nhẫn* : trí đoạn Kiến hoặc của Diệt đế nơi Dục giới.

6) *Diệt Pháp Trí* : Trí chính chứng lý, khi đoạn Diệt hoặc xong.

7) *Đạo Pháp Trí Nhẫn* : trí đoạn Kiến hoặc của Đạo đế cõi Dục giới.

8) *Đạo Pháp Trí* : Trí chính chứng lý, khi đoạn Đạo hoặc xong.

9) *Khổ Loại Trí Nhẫn* : Trí đoạn Kiến hoặc của Khổ đế nơi hai giới trên.

10) *Khổ Loại Trí* : Trí chính chứng lý, khi đoạn Khổ hoặc xong.

11) *Tập Loại Trí Nhẫn* : Trí đoạn kiến hoặc của Tập đế nơi hai giới trên.

12) *Tập Loại Trí* : Trí chính chứng lý, khi đoạn Tập hoặc xong.

13) *Diệt Loại Trí Nhẫn* : Trí đoạn kiến hoặc của Diệt đế nơi hai giới trên.

14) *Diệt Loại Trí* : Trí chính chứng lý, khi đoạn Diệt hoặc xong.

15) Đạo Loại Trí Nhẫn : Trí đoạn kiến hoặc của Diệt đế nơi hai giới trên.

16) Đạo Loại Trí : Trí chính chứng lý, khi đoạn Đạo hoặc xong.

Nhẫn có nghĩa nhẫn hứa, là vị vì tín nhẫn chân lý mà không khởi hoặc, nên dùng Nhẫn làm Đoạn Đạo (phép dứt trừ). Trí có nghĩa quyết định, là vị trừ hoặc rồi, chính quyết định lý, nên dùng Trí làm Chứng Đạo.

Nơi Dục giới gọi là Pháp. Nơi hai giới trên gọi là Loại, vì Dục giới khác với Sắc và Vô Sắc giới, nên phải lấy loại tợ (tương đương) để so sánh. Ví dụ Khổ của Dục giới là pháp như vậy, song của hai giới kia khác hẳn, nên chỉ lấy cái pháp tương đương với pháp Khổ của Dục giới để so, vì vậy không gọi là Pháp mà gọi là Loại.

6 - Ngũ Phần Pháp Thân : Dùng năm thứ công đức pháp thành tựu Phật thân, nên gọi là Ngũ Phần Pháp Thân.

1) Giới : tức Giới Pháp Thân của Như Lai, nơi ba nghiệp đã lìa hết mọi tội lỗi.

2) Định : tức Định Pháp thân. Như Lai nơi chân tâm tịch tĩnh, lìa hết mọi vọng niệm, nên gọi là Định Pháp Thân.

3) Huệ : tức Huệ Pháp Thân. Như Lai chân trí viên minh, quán đạt pháp tính, nên gọi Huệ Pháp Thân, tức Căn Bản Trí vậy.

4) Giải Thoát : Như Lai nơi thân tâm, giải thoát hết mọi buộc ràng, nên gọi là Giải thoát Pháp thân, tức đức của Niết Bàn.

5) Giải Thoát Tri Kiến : biết đã thật giải thoát, gọi là Giải Thoát Tri Kiến Pháp thân, tức Hậu Đắc Trí vậy.

PHẬT DI GIÁO KINH GIẢI

Năm điều này theo thứ tự. Do Giới sinh Định, do Định sinh Huệ, do Huệ mà được Giải thoát, do Giải thoát mà có Giải thoát Tri kiến. Ba thứ đầu do nhân gọi tên, hai thứ sau do quả gọi tên, đều là công đức của Phật.

PHẬT DI GIÁO KINH GIẢI

Lời bạt :

Húc khi chưa xuất gia, đọc Di Giáo này, thấy ngay từng chữ đều là huyết lệ. Khi đã thế phát, nào dám ngờ quên, chỉ hận huệ mỏng chướng sâu, sống luống qua ngày, hơn hai mươi năm, chẳng đạt được gì, đã chẳng thành đạo nhân, cũng chẳng đáng bạch y. Vừa vỗ tâm tự hổ, soi gương tự thẹn. Song hư danh do người hiểu lầm, cung kính vì người nhận sai, nhân Phủ Đốc Thẩm cư sĩ, nài thỉnh giải Kinh này. Than ôi ! Tôi đã không thể tu được công đức xuất thế gian, đành dùng văn tự lời nói, mà làm pháp thí, khác nào loại chim thuyết pháp trên trời. Song một kẻ ánh sáng, không nở tự tiếc, mượn công đức này, hồi hướng Tây Phương, chỉ mong làm Ca Lãng Tần Già thay A Di Đà rộng nói pháp yếu mà thôi.

Năm Giáp Thân, tháng 9 ngày 20.

ĐƯỜNG THÁI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ
THI HÀNH DI GIÁO KINH SẮC.

(SẮC LỆNH THI HÀNH KINH DI GIÁO CỦA VĂN HOÀNG ĐẾ ĐƯỜNG THÁI TÔNG).

Pháp do sau khi Như Lai diệt độ, vì đời Mạt Pháp nổi trôi, dạn dò vua chúa đại thần hộ trì Phật pháp. Song Tăng Ni xuất gia, cần đủ giới hạnh, nếu buông lung dâm dật, vào đường phiền não, dính mắc nhân gian, làm trái Kinh luật, đã sai ý chỉ huyền diệu của Như Lai, lại thiếu mất nghĩa Quốc Vương giao phó. Di Giáo Kinh, là những lời Phật nói khi nhập Niết Bàn, răn dạy đệ tử, rất rõ ràng. Mạt thế Tăng tục, đều chẳng sùng phụng, đạo cả sắp diệt, lời huyền đến mất. (Trẫm) hằng mang Thánh giáo bên mình, nghĩ thế xiển dương, nên lệnh cho Ty sở, sai mười người biên chép, viết thành nhiều bản, phải hết lòng thi hành, còn các thứ bút mực giấy viết, do Hữu ty ban cấp. Các quan từ ngũ phẩm trở lên, cùng các Châu Thích sử, mỗi người được giao một bản. Nếu thấy Tăng Ni hành đạo, không đúng như Kinh văn, nên dùng cả công lẫn tư khích lệ, khiến họ tuân hành.

(Trích trong Văn Quán Từ Lâm quyển 693).

TỔNG CHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ SAN DI GIÁO KINH

Phàm đạo chẳng xa người, giáo vốn không loại, dầu các loại, hình tuy có khác, song tính thường lạc vẫn đồng. Do ái dục làm đảo điên, khiến luân hồi thêm tăng trưởng. Nên bậc Thích Ca Duy xuất thế rải từ bi, nơi thành Xá Vệ, tùy cơ diễn pháp màu. Đã quyết độ hàm linh, lại khiến kẻ thuận tục quy chân. Nơi giữa hàng cây song thọ, khắp bảo hàng chúng Đại Thừa, chỉ chỗ giữa nơi năm căn, hỏi điều nghi của Tứ Đế, pháp áo được tuyên dương, tâm chúng sinh thêm kiên cố, lòng từ bi như vậy thực là rất mực. Trẫm chỉ thừa kế phúc cơ, thẹn mình đức bạc, thường tuân lời dạy của ông cha, hằng theo lời nói nhiệm màu. Nhân đọc Kinh này, lòng hằng tuân theo, mong truyền bá cho lợi khắp, mới khiến khắc bản, tặng cho các nơi không có. Phàm tại nơi đâu cũng khuyến đồng quy hướng vậy.

CUU MA LA THẬP

(343-413)

LƯỢC TRUYỆN

Ngài tên thật là Cưu Ma La Kỳ Bà Thập. Trung Hoa gọi là Đồng Thọ, hàm ý tuổi nhỏ nhưng có kỳ đức. Vốn người Thiên Trúc, gia tộc nhiều đời làm quan, cha là Cưu Ma Viêm thông minh tài trí, lại có đức độ, khi sắp kế thừa chức vị, Cưu Ma Viêm bỏ đi xuất gia, hướng về Đông Độ, qua Thông Lãnh, đến xứ Quy Tư. Vua xứ này ngưỡng mộ danh ông đã lâu, nay lại nghe nói ông từ bỏ danh vọng chẳng màng, lại càng thêm kính trọng, nên tự đi nghênh đón, rước ông về triều, tôn làm Quốc Sư. Nhà vua có người em gái tài sắc hơn người, chỉ cần đọc qua một lần là nhớ không quên, cô này lại đem lòng mến mộ Cưu Ma Viêm, nhà vua biết ý, ép hai người thành thân.

Chẳng bao lâu hoài thai La Thập, khi mang thai Ngài, người mẹ tự dung có trí huệ và sức lý giải hơn hẳn thường nhật, bà không học mà tự biết nói tiếng Thiên Trúc. Sau La Thập, bà sinh Phất Sa Đề Bà, một hôm nhân dịp đi ngang bãi tha ma, nhìn thấy xương khô nằm lãn lóc, bà ngộ lẽ vô thường, và quyết chí xuất gia.

La Thập năm lên bảy tuổi cùng mẹ xuất gia, theo thầy là Phật Đà Thiết Di học A Tỳ Đàm, thông đạt ý nghĩa. Mẹ Ngài vốn là công chúa, nên khi xuất gia được cúng dường hậu hĩ, bà cho rằng như vậy có hại cho sự xuất gia học đạo nên quyết định rời xứ. Năm lên chín theo mẹ qua sông Tân Đầu, đến xứ Kế Tân, La Thập gặp danh sư Bàn Đầu Đạt Đa, Bàn Đầu là em họ của vua Kế Tân, ông nổi tiếng bác học, tam tạng cửu bộ, đều bác lãm thấu triệt. Từ khi La Thập theo học, ông không ngớt khen ngợi tư chất thông minh của cậu bé chín tuổi này. Vua Kế Tân nghe được những lời xưng tán đó, liền triệu thỉnh La Thập vào triều, đồng thời cũng cho mời những nhà luận sư nổi danh của ngoại đạo đương thời, cùng La Thập vấn nạn biện luận. Ban đầu các luận sư thấy La Thập tuổi nhỏ, nên coi thường, cho đến khi bị trí huệ của Ngài biện bác làm họ phải ngậm miệng im hơi, bấy giờ mọi người mới thực tâm phục Ngài. Nhà vua từ đó coi trọng La Thập, nơi Ngài ở luôn luôn có kẻ hầu người hạ, cúng dường đầy đủ.

Đến năm Ngài 12 tuổi, mẹ Ngài lại đưa Ngài về xứ Quy Tư, mọi người nghe tin, tranh nhau mang lễ vật đến thỉnh Ngài, song Ngài không hề lay động. Bà mẹ lại đưa Ngài đến Nhục Chi Bắc Sơn, gặp một vị La Hán, vừa thấy La Thập, vị La Hán liền nói với mẹ Ngài rằng : "Chú Sa Di nhỏ này, nên khéo thủ hộ, nếu đến

năm 35 tuổi mà không phá giới, ắt sẽ là người chấn hưng Phật pháp, độ hóa vô số người. Nếu không chỉ là một pháp sư tài hoa tuấn nghệ mà thôi".

Sau đó Ngài đến xứ Sa Lạc, ngẫu nhiên trong một tự viện, Ngài ôm một bình bát sắt nặng đội trên đầu, tự dung Ngài lại suy nghĩ "Nhỏ người như mình làm sao có thể ôm và đội được cái bình bát sắt nặng nề to lớn như vậy?". Vừa khởi niệm, liền cảm thấy bình bát nặng cơ hồ không sao đội nổi nữa, Ngài liền nghiêng đầu, bát sắt kia rơi xuống đất, bấy giờ Ngài không sao cử nổi chiếc bát đó lên. Khi mẹ vào hỏi, Ngài liền đáp : "Chỉ do con mới khởi niệm phân biệt, liền cảm thấy bát nặng nhẹ khác nhau". Từ đó, Ngài thể hội được đạo lý *vạn pháp duy tâm*.

Tại Sa Lạc quốc, Tam Tạng Pháp sư Hỷ Kiến vừa gặp La Thập, liền tâu với vua "Chú Sa Di này, không thể coi thường. Đại Vương nên mời chú ta giảng pháp, như vậy sẽ có hai điều lợi. Thứ nhất các vị Sa Môn tại Sa Lạc sẽ cảm thấy tầm quý, chẳng lẽ tiểu Sa Di mà hơn mình sao, do đó sẽ dụng công hơn trong việc tu học. Thứ hai, vua xứ Quy Tư thấy chúng ta coi trọng La Thập như vậy, sẽ sinh tâm thiện cảm, bang giao giữa hai nước nhờ vậy tốt đẹp hơn". Vua Sa Lạc nghe theo, lễ thỉnh La Thập thăng tòa thuyết pháp, quả nhiên thính

giả phát tâm sâu rộng, xứ Quy Tư và Sa Lặc quốc trở nên thân thiện hơn.

Bấy giờ có vị Tam Tạng xứ Kế Tân là Phật Đà Da Xá, được thái tử Đạt Ma Phát Xa kính ngưỡng, giữ lại trong cung cúng dường. Da Xá thông hiểu cả các luận Ngũ Minh cùng các phương thuật thế gian, La Thập dịp này theo học và chịu ảnh hưởng Da Xá. La Thập lại gia tâm nghiên cứu kinh điển ngoại đạo, Tứ Vệ Đà, Ngũ Minh chư luận, Âm Dương toán số, không gì Ngài không thông. Sau đó lại gặp danh tăng Tu Lợi Da Tô Ma, lãnh thọ Kinh A Nậu Đạt, ngộ Uẩn, Giới, Xứ các pháp đều Không, Vô Tướng. Từ đó, Ngài thay đổi sự học, chuyên tâm vào yếu nghĩa Đại Thừa. Nghiên cứu các bộ luận như Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận. Rồi lại theo mẹ về phương Bắc, ngang qua Ôn Túc, dùng luận nghĩa hàng phục vị đạo sĩ danh tiếng của xứ này. Về đến Quy Tư, nhà vua đích thân đi đón.

Năm Ngài 20 tuổi thọ giới Cụ Túc tại vương cung xứ Quy Tư. Mẹ Ngài biết vận nước sắp suy, vận pháp sắp tàn, nên bỏ qua Thiên Trúc, trước khi lên đường, bà dặn La Thập : "Các kinh điển Phương Đẳng, nên xiển dương ở Đông Độ, pháp duyên của con ở xứ đó, hơn nữa may ra chỉ con đủ sức chấn hưng Phật pháp. Tuy nhiên, đối bản thân con, mẹ e có điều bất lợi". La Thập

khẳng khái trả lời : "Muốn hành đại đạo Bồ Tát, phải quên thân mình, chỉ cần Phật pháp lưu truyền, dù có dầu sôi lửa bỏng cũng chẳng từ". Ngài tiến mẹ rồi, càng tinh cần đọc tụng tu hành, chờ nhân duyên thành thực. Thời gian sau đó, theo lời thỉnh của Tỳ Kheo ni A Kiệt Da Mạt Đế là em gái của vua, Ngài hoàng tuyên các kinh Phương Đẳng. Xiển minh thâm nghĩa các pháp đều Không, giả danh không thật. Ngài quảng tập các kinh luận Đại Thừa tại Quy Tư hơn 20 năm trời.

Ngài ở Quy Tư vừa tròn hai năm, nhà vua xây tòa sư tử trái gấm quý, thỉnh Ngài thuyết pháp, độ hóa không biết bao nhiêu người mà kể. Một hôm chợt nghĩ đến ân sư, vừa lúc Bàn Đầu Đạt Đa ở xa tìm về. Ngài liền đem giáo nghĩa Đại Thừa ra thuyết phục Bàn Đầu, cuối cùng Bàn Đầu bị trí huệ của Ngài lay động thân tâm, ông bắt đầu tin phục Đại Thừa pháp, và tôn La Thập làm thầy, ông cung kính lễ bái và nói : "Tôi là thầy Tiểu Thừa của Hoà Thượng, Hoà Thượng là thầy Đại Thừa của tôi". La Thập cũng cung kính lễ thầy.

Danh thanh của Ngài vang dội khắp cả vùng Tây Vực, và rồi lan truyền đến xứ Trung Hoa. Đời vua tiền Tần Phù Kiên, năm Kiến Nguyên thứ 13, quan Thái Sử quan sát tinh tượng, tâu lên vua : "Có một vì sao lạ kỳ xuất hiện, báo trước điềm sẽ có vị Đại Đức trí nhân đến

Trung Quốc". Nhà vua nói : "Trẫm nghe Tây Vực có Đại Đức Cưu Ma La Thập trác tuyệt dị thường, Tương Dương có Đạo An Pháp sư, hay là hai vị này đây ?". Vua liền một mặt sai người đem lễ thỉnh Ngài Đạo An, một mặt sai sứ sang Quy Tư thỉnh Ngài La Thập, nhưng việc không thành.

Mãi đến tháng 9 năm Kiến Nguyên thứ 18 (382), Phù Kiên hạ lệnh cho Kiêu Kỳ tướng quân Lữ Quang cùng Lăng Giang tướng quân Khương Phi, đem bảy vạn quân chinh phạt các xứ Quy Tư, Ô Kỳ để rước Ngài La Thập về. Trước khi xuất quân, Phù Kiên thiết tiệc tại Kiến Chương cung, dặn dò Lữ Quang : "Chuyến này xuất binh không phải để chiếm đất đai, mà kỳ thật để đem bậc Thánh nhân về đây. Trẫm nghe Cưu Ma La Thập là người thông hiểu pháp tướng, lại giỏi cả âm dương tinh lịch, Trẫm ngưỡng mộ bấy lâu, hằng tìm cách nghênh thỉnh, song không thành tựu nên phải xuất quân kỳ này. Bậc hiền triết này thật là quốc bảo, nếu chinh phục xong xứ Quy Tư, lập tức đưa La Thập về đây, không được trễ nãi".

Ngay khi Lữ Quang chưa tới, La Thập đã biết trước, tâu lên vua : "Vận nước Quy Tư sắp suy vi, sẽ có kẻ địch từ phương đông đến, Vương không nên kháng cự, mà nên cầu hòa". Thuận Vương là vua Quy Tư bấy giờ, không

chịu nghe theo, đem binh nghênh chiến, bị Lữ Quang đánh tan, Thuận Vương thảm tử. Quang lập em Thuận lên thay. Năm Kiến Nguyên 20 (384), Lữ Quang chinh phục được Quy Tư, đoạt được La thập, song vì thấy Ngài nhỏ tuổi nên coi thường, ép Ngài cưới công chúa Quy Tư làm vợ. La Thập cự tuyệt, Quang nói : "Đức tháo của kẻ sĩ có đạo nghĩa, không được vượt quá cha mình. Nay cha Ngài còn lấy vợ, vì sao Ngài không chịu ?". Rồi Quang gạt Ngài uống rượu say, nhốt chung phòng cùng công chúa, lại thường đem Ngài ra diễu cợt, bắt Ngài cưới bò, cưới lừa để làm trò cười. Ngài phải chịu đủ mọi sự hành hạ của Lữ Quang, quả như lời bà mẹ đã nói trước.

Năm sau Kiến Nguyên 21 (385), Lữ Quang đem binh trở về mang theo Ngài, giữa đường đóng quân dưới chân núi, Ngài khuyên Quang dời đi nơi khác, Quang không buồn nghe, đến đêm mưa như trút nước, đất lở núi sập, nước cuốn trôi đi cả ngàn quân, bấy giờ Lữ Quang mới kinh sợ và ngầm phục La Thập. Ngài bảo Lữ Quang không nên chần chờ mau trở về, dọc đường sẽ có phúc địa có thể tạm trú. Quang lần này tin theo, về đến Kinh Châu (nay là tỉnh Cam Túc), được tin vua Phù Kiên bị Diêu Trường sát hại, Quang bèn cùng quân sĩ để tang, đóng đô luôn tại Kinh Châu, tự lập làm vua,

lấy niên hiệu là Thái An. Chẳng bao lâu Lữ Quang chết, con là Thiệu kế vị, được vài ngày, bị em là Toản đoạt ngôi và giết chết. Toản đặt niên hiệu là Hàm Ninh. Từ khi Toản lên ngôi, trong cung thường hiện yêu quái, La Thập khuyên vua nên khắc kỷ tu đức, nếu không trong nước ắt sinh biến loạn. Toản không nghe, quả nhiên năm sau, cháu Lữ Quang là Lữ Siêu giết Toản, và lập người anh là Long lên làm vua. Bấy giờ thiên hạ đều tin lời Ngài luôn linh nghiệm. Ngài ở Kinh Châu hằng bao năm, cha con Lữ Quang không biết hoàng đạo, nên Ngài chỉ nhẫn chờ nhân duyên, vô pháp tuyên dương giáo hóa.

Phù Kiên là người đầu tiên nghênh thỉnh Ngài, đáng tiếc mặt chưa được gặp, thân đã chẳng còn. Cho đến khi Diêu Trường chiếm cứ Quang Trung đặt quốc hiệu là Hậu Tần, có lòng nghênh thỉnh, nhưng cha con Lữ Quang biết La Thập là bậc tài trí, sợ đưa Ngài về với Diêu Trường e có thất lợi cho mình, nên không chịu đưa Ngài về Trường An. Thời gian sau Diêu Trường qua đời, con là Diêu Hưng kế vị, lại sai sứ đi thỉnh La Thập, song không kết quả. Tháng ba năm Hoàng Thủy thứ ba, trong cung mọc lên một cây Liên Lý (gốc thân và cành cùng sinh làm một, đó là điềm rất lành), đồng thời bao nhiêu hành trồng nơi vườn Tiêu Dao tự dựng

hóa thành cỏ Kỳ Chi (một loại cỏ thơm), ai nấy đều cho là điềm đại kiệt, và đoán chắc rằng sẽ có Thánh nhân xuất hiện tại đây. Tháng năm Diêu Hưng phát binh chinh Tây, thảo phạt Lữ Long, Long quân đại bại, phải xin quy hàng, lúc đó Trường An mới được Thánh nhân đặt chân đến. Bấy giờ La Thập đã 58 tuổi. Kể từ khi Phù Kiên khởi tâm đón La Thập cho đến Diêu Hưng rước được Ngài, ròng rã trải suốt 25 năm. 25 năm đầy binh biến máu lửa đó đã tôi luyện lòng nhẫn nại và chí nguyện kiên cố hoàng pháp của Ngài.

Ngày 20 tháng 12 năm Hoàng Thủy thứ ba (401), dân Trường An nô nức ra đón La Thập. Diêu Hưng và văn võ quần thần cùng ra nghênh tiếp, dùng nghi lễ Quốc sư tiếp đãi Ngài. Diêu Hưng ngưỡng mộ Phật Pháp, nên cùng các Tôn Thất như Diêu Mân, Diêu Trung, Diêu Hiển, Diêu Hoàng thường hay hỏi đạo nơi Ngài, quên cả năm qua tháng lại chẳng biết mỗi mết.

Hoàng Thủy năm thứ 4 (402) theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài trụ ở Tây Minh Các trong Tiêu Dao Viên, bắt đầu dịch kinh. Ngài dịch các kinh Di Đà, sau đó dịch Đại Trí Độ Luận và Bách Luận. Năm sau, Diêu Hưng thỉnh Ngài dịch lại các bộ kinh văn nghĩa không được hoàn chỉnh, như Đại Phẩm Bát Nhã. Ngài lại chuyên chọn hơn 500 Sa Môn có học vấn uyên bác như Huệ

Cung, Tăng Triệu, Tăng Duệ, Tăng Thiên, Pháp Khâm, Đạo Lưu, Đạo Hằng, Đạo Tiêu, giúp Ngài trong việc phiên dịch. Diêu Hưng đích thân đọc bản dịch Đại Phẩm cũ, Ngài đọc bản phạn văn, hai bên đối chiếu, như quả có chỗ nên sửa, ắt bỏ tức giảng đính, nên văn nghĩa thật viên dung thông đạt. Ngoài việc dịch kinh, Ngài còn theo lời thỉnh cầu, giảng thuyết các kinh dịch tại Đại Tự ở Trường An.

Năm thứ 6 (404), Ngài giảng xong Đại Phẩm Bát Nhã lại cùng Luật sư Phát Nhược Đa La Độ Ngũ người Kế Tân, dịch bộ Thập Tụng Luật, duyệt lại Bách Luận. Sau đó, Ngài dịch các kinh Phật Tạng, Bồ Tát Tạng. Từ năm Hoàng Thủy thứ 8 (406) trở đi, Ngài dời ra Đại Tự tiếp tục dịch Pháp Hoa, Duy Ma, Hoa Thủ và Tiểu Phẩm Bát Nhã, cùng các bộ Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận, cuối cùng là Thành Thật Luận, tổng số hơn 300 quyển. Ngoài giờ dịch kinh, Ngài còn giảng kinh luận tại Thảo Đường Tự, hoặc Trùng Huyền Đường tại Tiêu Dao Viên.

Diêu Hưng trọng Ngài có tính đôn hậu nhân từ, mến Ngài nơi đức tính hư tâm tiếp nạp lời phải, quý Ngài nơi chỗ cần cù không biết mệt, và nhất là kính phục trí huệ không ai sánh bằng của Ngài, do đó nhà vua nẩy sinh ý nghĩ quái gở. Một hôm nhà vua hỏi La Thập :

"Đại sư thông minh cái thế, trí huệ vô song, lỡ một mai mất đi, pháp chủng ắt phải tuyệt hậu". Nhà vua nghĩ quẩn, cho rằng tài nghệ như Ngài nếu sinh con, ắt hổ phụ sinh hổ tử, nên tuyển chọn các mỹ nữ tài mạo song toàn, xây cất cung xá, bắt Ngài phải dời về đó ở với các mỹ nhân này.

Ngài vì sự nghiệp xiển dương Đại thừa đạo pháp nên phải miễn cưỡng chấp nhận. Song vẫn ngại tăng chúng ngộ hội, cho Đại pháp sư còn vậy, hưởng hồ mình, mà mặc tình phá giới. Nên mỗi lần thuyết giảng, Ngài thường nhấn mạnh : "Trong vũng bùn hôi tanh, mọc ra đóa sen thơm ngát, người trí chỉ lấy thuần sen, không lấm chút bùn nào". Một số người lấy bụng tiểu nhân đo lòng quân tử, cho Thánh nhân như vậy, cần gì tôn kính, nên Ngài tìm cách tránh cho đại chúng khỏi khỏi tâm khinh mạn. Một bữa, đến giờ ngộ trai, Ngài để trước mặt một bát đầy kim, bảo với đại chúng rằng : "Các vị nếu học được như tôi nuốt sạch bát kim này, ắt có thể học hạnh của tôi, làm việc làm của tôi, nếu không, các vị hãy lo biện đạo, cẩn thận giữ giới, đừng sinh vọng tưởng". Nói xong, Ngài nuốt sạch bát kim, đại chúng xem thấy há miệng trợn mắt, sinh lòng khiếp sợ.

Một hôm Ngài vân tập đại chúng nói : "Thế duyên của tôi đã hết, không thể cùng chư vị lo việc dịch kinh, hơn

nửa tuổi già ám muội, cho đến nay kinh luận dịch hơn 300 quyển, chỉ trừ Thập tụng luận chưa được san định, còn lại các bộ đều không sai sót. Mong rằng các kinh luận này sẽ được lưu truyền hậu thế, xin đại chúng cùng trợ hoàng dương. Tôi nay đối trước chư vị, phát nguyện rằng : nếu như tôi dịch kinh không có sai sót, nguyện cho lưỡi tôi không tiêu sau khi phân hóa".

Ngày 20 tháng 8 Hoàng Thủy năm 11 (413), Ngài tịch diệt tại Trường An. Đại chúng theo nghi thức Thiên Trúc, làm lễ hỏa táng, đến khi sắc thân tứ đại của Ngài về với nguyên thủy, ngọn lửa cũng ngừng cháy, mọi người xem lại quả nhiên trong đồng tro tàn, lưỡi Ngài còn nguyên.

Do công lao dịch kinh phát huy Phật Pháp, Ngài được coi như Tổ khai sáng các tông : Pháp Hoa, Tam Luận, Thiền, và Thành Thật Tông.

Liên Hạnh Tỳ Kheo Thích Thiện Huệ viết dịch.

Ngày 24 tháng chạp năm Kỷ Ty (20/01/90)

BẢN SƠ LƯỢC DI GIÁO KINH

A- TU PHẦN

B- CHÍNH TÔNG

C- LƯU THÔNG

